

BÁCH KHOA

SỐ 63 — NGÀY 15.8.1959

Trong số này :

HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế-độ Công-xã nhân-dân tại Trung-hoa Cộng-sản.
THÁI-VĂN-KIỆM	Sử học Việt-nam qua các thời-đại.
PHẠM-HOÀNG	Thắc mắc.
HUYNH-ĐỆ	Quân nhân phạm pháp.
TÂN-FONG-HIỆB	Bạch-Thái-Bưởi.
VÕ-PHIẾN	Cá tính văn-học miền Nam.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Vấn đề thuốc giả (placebos).
CÔ-LIÊU	Thanh-niên và mặc cảm thời đại.
ĐOÀN-THÊM	Thử giải quyết vấn đề giải trí.
MỘNG-TUYẾT	Thất tiều muội Đốt sách.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	} Tiếng địa phương.
NGUYỄN-TỬ-QUANG	
THẨM-THỆ-HÀ	} Ý kiến về truyện ngắn Việt và ngoại quốc.
HỒ-NAM	
PHƯƠNG-HOÀ	Không đề (thơ).
TRẦN-ĐẠI	Đêm đại lộ (truyện ngắn).
ĐINH-CƯỜNG	Tuổi đại (thơ).
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG	Nắng trưa (thơ).
ĐỖ-TẤN	Chiều mưa mau (thơ).
TAM-THẬP NGŨ-LANG	Người thủy-thủ Hòa-lan (truyện dịch)
Ngũ-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ	Bóng, Hương : xưa (thơ).
BÙI-GIÁNG	Gửi Anh (thơ).
KIM-TUẤN	Chiều Pleiku (thơ).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh-thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tiểu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tiểu*"
SI-RÔ "*Verigoud*" :

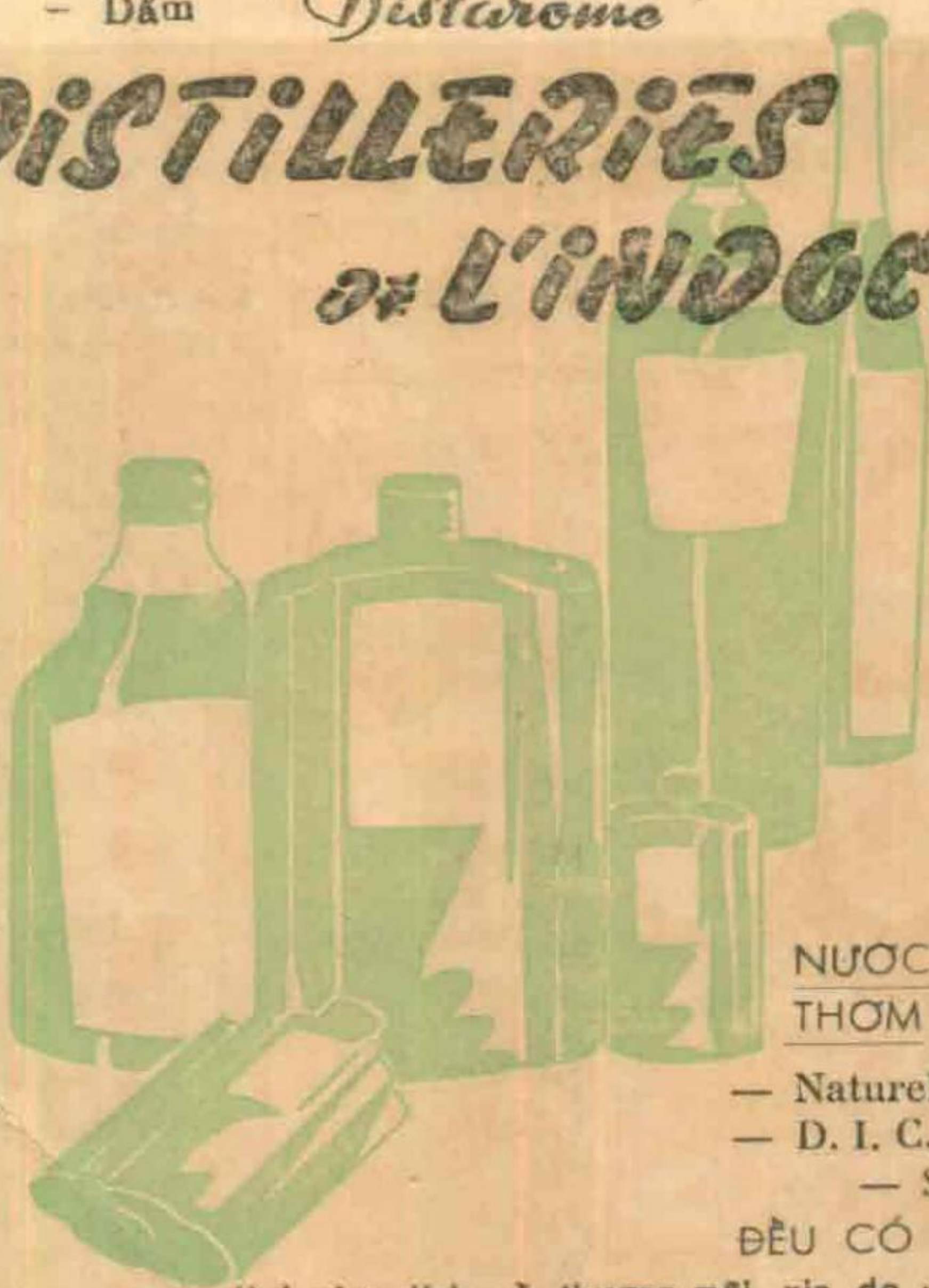
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stelia

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiến Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :

\$ 570 — mỗi người

XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ
VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

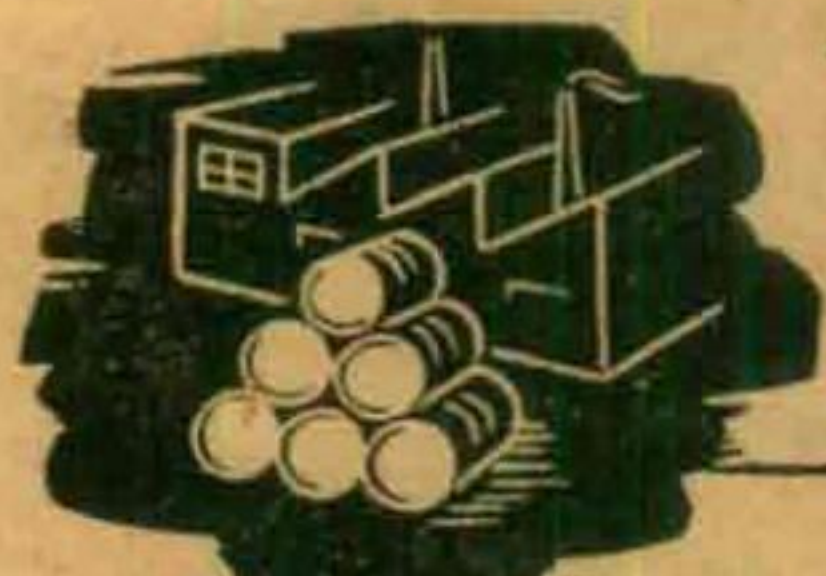
Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

**Société Indochinoise de Documentation
et de**

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

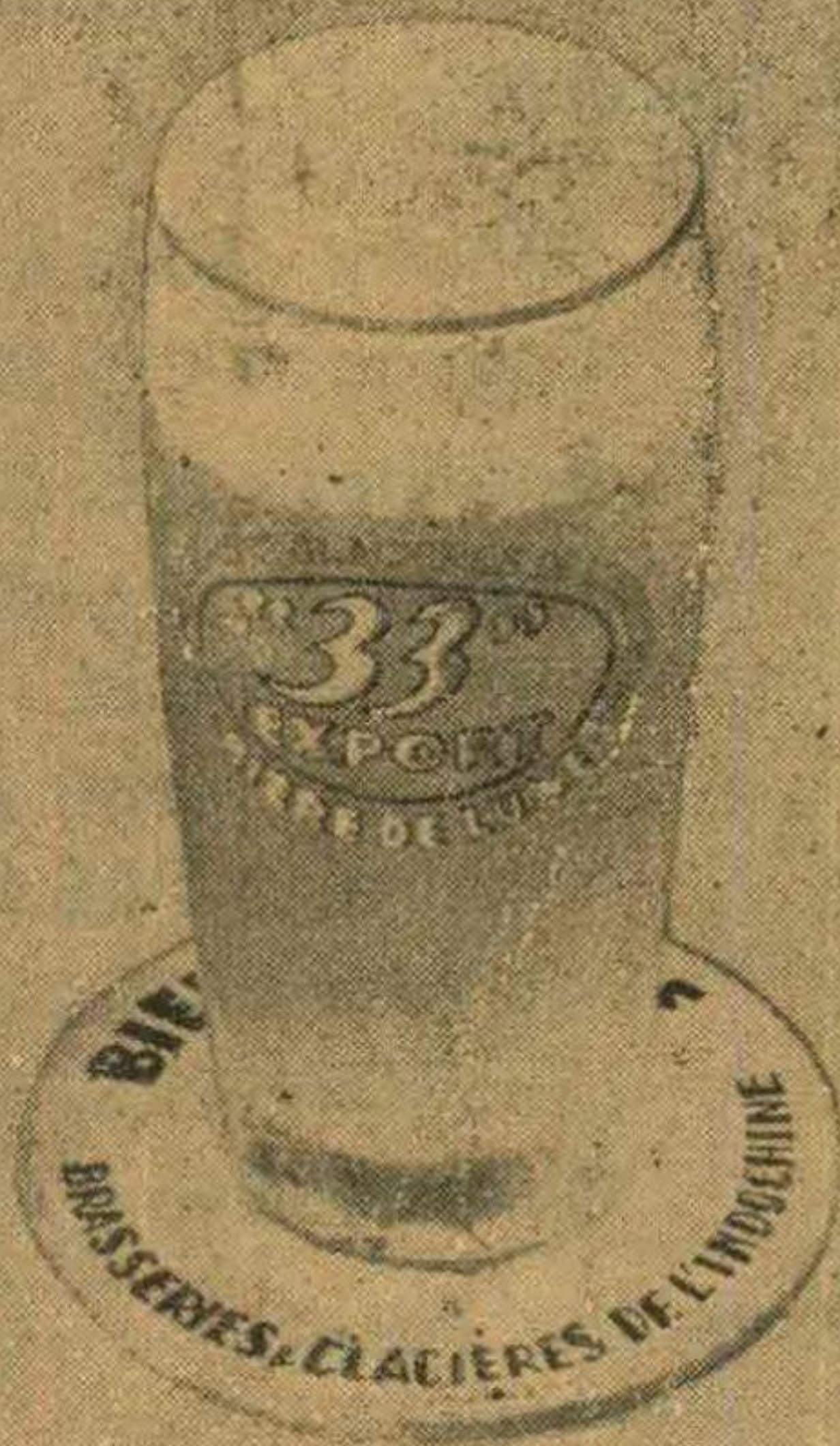
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



BÁCH - KHOA

Số 63 — Ngày 15.8.1959

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Chế - độ Công - xã nhân - dân tại</i>
	<i>Trung-hoa Cộng-sản 3</i>
THÁI-VĂN-KIỀM	<i>Sử học Việt-nam qua các thời-dại 8</i>
PHẠM-HOÀNG	<i>Thắc mắc 12</i>
HUYNH-ĐỀ	<i>Quân-nhân phạm-pháp 13</i>
TÂN-FONG-HIỆP	<i>Bạch Thái-Bưởi 17</i>
VÕ-PHIẾN	<i>Cá-tính văn-học miền Nam 23</i>
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Vấn-đề thuốc giả (placebos) 31</i>
CÔ-LIÊU	<i>Thanh-niên và mặc-cầm thời-dại. 36</i>
ĐOÀN-THÊM	<i>Thử giải quyết vấn-đề giải-trí 41</i>
MỘNG-TUYẾT Trát tiêu muội	<i>Đốt sách. 53</i>
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	<i>Tiếng địa-phương 59</i>
NGUYỄN-TỬ-QUANG	<i>Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ 65</i>
THẨM-THỆ-HÀ, HỒ-NAM	<i>Ý - kiến về truyện ngắn Việt và</i>
	<i>ngoại-quốc 76</i>
PHƯƠNG HÒA	<i>Không đề (thơ) 82</i>
TRẦN-ĐẠI	<i>Đêm đại lộ (truyện ngắn) 84</i>
ĐÌNH-CƯỜNG	<i>Tuổi đại (thơ) 85</i>
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG	<i>Nắng trưa (thơ) 87</i>
ĐỖ-TẤN	<i>Chiều mưa mau (thơ) 89</i>
TAM-THẬP NGŨ LANG	<i>Người thủy-thủ Hòa-lan (truyện</i>
	<i>dịch) 90</i>
Ngũ-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ	<i>Bóng, Hương: xưa (thơ) 95</i>
BÙI-GIÁNG	<i>Gửi Anh (thơ) 95</i>
KIM-TUẤN	<i>Chiều Pleiku (thơ) 95</i>
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	<i>Khói lửa Kinh-thành 96</i>

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỖNH-VĂN-LANG
HOÀNG-MINH-TUYNH

: Văn-đề phát-triễn kĩ-th-ế.
: Chế-độ công xã nhân-dân tại Trung-hoa cộng-sản. (bài tiếp)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ
LÊ-LINH

: Luật phát-triễn theo trôn ốc của trẻ.
: Văn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam.

ĐOÀN-THÊM
NGUYỄN-THIỆU-LÂU

: Hai mươi bốn giờ của chúng ta.
: Một chiến-công của đốc-binh Phạm-Hữu-Tâm.

CÔ-LIÊU
NGUYỄN-VĂN-HẦU

: Thanh-niên và mặc-cảm thốt-dại.
: Trần-văn-Thành, chiến-vĩ cách-mạng Cần-vương.

LÊ-NGỌC-TRỤ

: Nỗi thắc mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC
NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN

: Tiểu-thuyết, truyện ngắn, tản truyện.
: Tìm hiểu công-cuộc sáng-lạo của nghệ-sĩ.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA
TRẦN-VĂN-KHÊ

: Tôi đóng phim tại Pháp.
: Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng khúc số 9.

NGUYỄN
VÕ-PHIẾN

: Trong đồng hoang (truyện dịch).
: Thác đổ sau nhà truyện ngắn).

PHAN-NGÔ và
NGUYỄN-VỸ

: Ý-kiến về truyện ngắn.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhờ in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gởi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Chế-độ công-xã nhân-dân tại Trung-hoa Cộng-sản

★ ————— HOÀNG-MINH-TUYNH

Công-xã bảo-đảm cho mỗi người bảy nhu-cầu: ăn, mặc, ở, thuốc thang, sinh đẻ, giáo-dục, hôn nhân và tống táng..., nhưng nhiều công-xã chỉ mới đạt tới nhu-cầu thứ nhất là nhu-cầu « ăn »!

ĐỐI với Trung-hoa Cộng-sản, *bước nhảy vọt* của nông-nghiệp năm 1958 là một thắng-lợi lớn trong chính-sách đối ngoại của họ. Họ cho rằng toàn thế-giới đều phải khâm-phục họ và ai nấy đều phải tin rằng từ nay Trung-hoa có đầy đủ khả-năng để làm tất cả những gì mà Trung-hoa muốn; đâu đâu cũng có những lời tán-tụng vang lên ca ngợi một thành-công độc-đáo trong lịch-sử. Tin-tưởng và nhiệt-tình của người Trung-hoa đổ cỗ nhiên quá đáng, song có điều ta phải công nhận là kết-quả họ đã lượm được cũng như phương-tiện họ đã dùng tới, dù thu rút lại cho đúng mức độ thật của nó, vẫn còn đủ sắc màu để vẽ nên những bức họa thật đáng hãi-hùng.

Tồ-chức Công-xã thiết-lập hồi tháng chín năm ngoái thì lại không gây được những tiếng vang dội như thế. Chính các vị chúa tể của Liên-xô cũng tỏ vẻ dè dặt kỳ lạ về cuộc thí-nghiệm này và thái-

độ của các vị ấy đã khiến người Trung-Hoa đã tỏ vẻ căm phẫn vô cùng.

★

Theo các báo-chí của Trung-hoa Cộng-sản thì chế-độ Công-xã là một bước tiến lớn lao trên đường thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản toàn bộ. Tuy nhiên, nếu nhìn cho gần gũi hơn thì ta thấy chế-độ mới không đem lại một cải-biến gì có thể gọi là triệt-đề hay khác lạ lắm. Nguyên chính-sách tập-sản vốn đã được áp-dụng trong hết mọi ngành. Dưới những hình-thức khác nhau, ngân-hàng, thương-nghiệp và công-nghiệp đã bị quốc-hữu-hóa từ lâu và từ năm 1956, dân quê đã bị tập kết thành từng đoàn hợp-tác-xã sản-xuất cùng biến thành công-nhân của nhà nước hết thảy. Thức ăn và quần áo phải hạn-chế tới cùng độ. Giải-trí cũng hóa thành những buổi học tập mít-tinh, biểu-tình, ai không có lý-do chính-dáng mà vắng mặt trong những buổi đó có thể bị nghiêm-trị.

Từ tháng 12 năm 1957, — (do chỉ thị ngày 18 tháng 12 năm 1957 của Ủy-ban trung-ương Đảng và của Hội-đồng Bộ-trưởng) (*Nhân-dân nhật-báo*, Bắc-kinh, 19 tháng 12 — các công-nhân đã bị cưỡng-bách lao-công, đến khi đó tới lượt các nông-dân cũng bị cưỡng-bách canh-tác. Họ không được rời khỏi làng mạc, nếu không được phép chính-thức. Bất luận nông-dân nào cũng có thể bị Chính-phủ gọi đi canh-tác tại những vùng khác, trong một thời gian vô hạn định, và chỉ khi nào có phép đặc-biệt mới được đem vợ con theo.

Những biện-pháp hà-khốc trên có mục-đích gì? Các báo-chí không giấu-giếm và giải-thích như sau: Cần phải bài trừ nạn rời bỏ đồng ruộng có thể làm giảm sút năng-xuất của nông-nghiệp Trung-hoa. Người dân quê Trung-hoa vì bị đói kém và lao-động quá sức, thường trốn lên thị-thành, với hy-vọng được tự-do hơn và được trả công cao hơn (*Nhân-dân nhật-báo*, 16 tháng 12 năm 1957). Mức tăng dân-số Thượng-hải là một tỷ-dụ. Thượng hải vốn là một trung-tâm thực-nghiệp phồn-thịnh nhất, nhưng cũng là một nơi có tiếng là ưa chỉ-trích, phản-đối nhất, chính quyền thường tỏ vẻ nghi-ngờ đối với đám dân chúng bất trắc này. Nhiều xưởng đã bị đóng cửa, một số xưởng khác phải giảm bớt hoạt-động. Trên một triệu người dân Thượng-hải bị xua về quê quán hoặc đưa đi định-cư tại các trung-tâm khác. Dân-số, tuy nhiên, vẫn tăng từ 5.020.000 năm 1950, lên đến 7.200.000 hồi tháng 10 năm 1957. Số sinh hàng năm là 200.000, trừ đi với số người bắt buộc phải rời thành phố, thì đáng lẽ số tăng chỉ tới 400 000 là cùng. Thế mà dân số vẫn

tăng lên sắp xỉ trên dưới 2.200.000. Trong đám dân mới tới, công chức và cán bộ đảng gồm cả gia-đình, chiếm khoảng 40%, kỳ dư đều do tự các làng mạc tuồn ra cả.

Đề đối-phó với nạn này, Chính-phủ hồi ấy, ngoài việc thiết-lập một loại chế-độ nông-nô đối với dân quê, còn phát-động một phong-trào đại qui-mô « trở về đồng ruộng ». Giáo-sư, ký-giả, nghệ-sĩ, công-chức, tư-chức, sinh-viên đều được mời gọi xung-phong canh-tác. Các bộ và các công-sở được lệnh « giải-phóng » từ 30 tới 60% nhân-viên. Các đảng-viên Cộng-sản cũng không được miễn trừ; hơn một triệu người được lệnh về công-tác tại nông-thôn.

Thực-tế, từ đó mỗi người Trung-hoa đều bị cưỡng-bách lao-động theo đúng chỉ-thị của Chính-phủ và không có một chút tự-do nào trong việc lựa chọn công việc theo khả-năng riêng của mình. Cố nhiên mỗi người đều được trả lương, song lương chỉ được hưởng một phần bằng tiền mặt, còn một phần bằng hiện-vật hoặc bằng một hình thức tín-dụng trong ngân-hàng; tín-dụng này họ được sử-dụng không phải xin phép. Người dân thành-thị được cấp một căn nhà, thường chỉ có một phòng để ở. Người dân quê theo nguyên-tắc, được làm chủ căn nhà của mình, nhưng nhà của họ có thể bị trưng-thu bất cứ lúc nào; họ đã nhượng-quyền sở-hữu ruộng đất của họ cho hợp-tác-xã, song vẫn được quyền hưởng-thụ một khoảng đất nhỏ để trồng rau hoặc cây ăn trái, và để chăn nuôi một số ít gà vịt.

Đó là tình-trạng chung của người dân Trung-hoa khi Chính-phủ thiết-lập chế-độ công-xã. Hồ-nam là thí-diễn thứ nhất của

chế-độ này, khởi-sự từ tháng Tư năm 1958. Tới ngày 9 tháng 9 cũng năm ấy, Chính-phủ ban-bố thi-hành rộng ra toàn quốc, tại thị-thành cũng như ở thôn quê (*Nhân-dân nhật-báo*, 10 tháng chín 1958). Tuy nhiên, lệnh thì như vậy, mà tại thị thành chưa thấy ai động dậy gì, trong khi ở thôn quê 740.000 hợp-tác-xã nông-nghiệp, trong vòng bốn tháng, kết-tập thành 26.500 công-xã, mỗi công-xã bình-quân gồm 5.000 gia-đình.

Tổ-chức công-xã có bốn điểm đặc-biệt. Thứ nhất là tổ-chức do Đảng phụ trách. Thứ hai là tổ-chức theo hệ thống thống nhất chỉ-huy. Thứ ba là tổ-chức nặng về tập-thể chủ-nghĩa. Thứ bốn là tổ-chức có tính-chất quân-sự-hóa rõ rệt.

Hồi trước, các hội-đồng thành-phố và hàng tỉnh, cũng như quốc-hội và các bộ, chỉ là một bộ máy chính-quyền nằm trong tay Đảng. Mao-trạch-Đông với tư-cách Chủ tịch Ủy-ban trung-ương Đảng, thực-tế nắm hết quyền-bính, rồi phân chia một phần cho các đồng-chí của ông. Đảng quyết-định hết mọi việc quan-trọng và giao cho các cơ-quan chính-quyền thi-hành quyết-nghị, rồi chỉ đứng ngoài để kiểm-sát. Tuy nhiên, ngay từ thời đó, họ đã vượt quyền của các cơ-quan hành-chính, đích thân nắm giữ, đôn-đốc công-cuộc tập-sản-hóa nông-nghiệp rồi. Đến nay thì họ công khai nắm giữ hết mọi công việc trong nước, trên hết mọi cấp-bậc — quyết-nghị ngày 9 tháng chín chỉ-thị rõ người chỉ-huy công-xã phải là ủy-viên quận-bộ Đảng. — Ngoài ra, xã, quận đều không còn là đơn-vị hành-chính nữa, và được thay thế bằng công-xã hay liên-hiệp công-xã. Hiện nay duy các thành-phố là còn được tự-trị đối với Đảng, ít là trên lý-thuyết.

Các cấp chỉ-huy công-xã có một trường sở hoạt-động thật bao la. Không những họ có ở dưới quyền hàng mấy chục hợp-tác-xã nông-nghiệp cũ với bao nhiêu sức lao-động, bao nhiêu ngân-quĩ, bao nhiêu doanh-cơ nông, lâm, mục; họ còn được điều-khiển tất cả những ngành công-nghiệp, những hợp-tác-xã bán và tín-dụng, những phương-tiện giao-thông vận-tải, vệ-sinh công-cộng, giáo-dục nhân-dân và văn-hóa. Tóm lại là toàn-thể hoạt-động trong khu-vực đều do họ nắm giữ. Dưới quyền họ còn có nhiều ủy-ban chuyên-nghiệp phụ-trách thảo chương-trình công-tác phải thi-hành trong mỗi ngành, đúng theo chỉ-thị của Chính-phủ; xã-viên và thuộc-viên (chỉ những vị-thành-niên dưới 16 tuổi và những người thuộc thành-phần «phú-nông» hay «phản-động») của công-xã phân thành từng đội lao-động và được phái đi công-tác, tùy theo nhu-cầu của từng thời một.

Quyết-nghị ngày 9 tháng 9 cũng dự-liệu cho hết mọi người một nếp sống mới có tính-chất tập-thể thực sự. Khoảng đất từ trước vẫn để cho cá-nhân hưởng-thụ, nay phải sáp-nhập Công-xã. Nhà cửa, các chủ-nhân tạm thời được sử-dụng, nhưng rồi Công-xã sẽ phá những căn nhà cũ kỹ ấy đi để dựng nên những tòa nhà mới có thể chứa đựng được nhiều người. Về ăn uống, mọi người đều phải dùng bữa tại phạn-điểm công-cộng. Trẻ nhỏ được giao cho ký-nhi-viện và ấu-trí-viện trông nom, để «giải-phóng» phụ-nữ lao-động. Lão ông và lão bà được ở tại các «phúc-xá», nhưng vẫn phải làm những việc mà Công-xã xét ra thích-hợp với khả-năng lao-động của mỗi người.

Đối lại, Công-xã bảo-đảm cho mỗi

người bảy nhu-cầu: ăn, mặc, ở, thuốc thang, sinh-đẻ, giáo-dục, hôn-nhân và tống-táng.

Quyết-nghị chính-thức nhìn nhận trước sẽ có những Công-xã không đáp ứng được một lúc đầy đủ bảy nhu-cầu trên và để cho mỗi Công-xã tùy theo khả-năng mà xúc-tiến lần. Bởi vậy, có nhiều Công-xã chỉ mới đạt tới nhu-cầu thứ nhất, là nhu-cầu ăn.— Khẩu phần của mỗi người, không phân phát trực tiếp để trả công lao-động, mà do Công-xã giữ rồi giao cho mỗi người phiếu ăn có giá-trị trong tất cả các phạm-diểm, người có phiếu cầm phiếu đến đâu ăn cũng được. Tuy nhiên, công-xã của xã-viên và thuộc-viên có thể lên xuống tùy theo lợi-tức của Công-xã, nhu-cầu của cá-nhân mà Công-xã không bảo-đảm và cũng tùy theo sức lao-động của mỗi người. Công-xã đặt ra phiếu-thưởng để khuyến-kích những người làm việc đều-đặn và hăng-hái, đồng thời cũng đặt ra hình-phạt để trừng-trị những kẻ biếng-nhác, trễ-nải.

Với chế-độ Công-xã nói trên, Trung-quốc có khuynh-hướng biến thành một doanh-trại quân-sự không-lỗi mà toàn-lực được ném vào công-cuộc khắc-phục thiên-nhiên. Biều ngử sau đây được tung ra khắp nơi: « Tồ-chức quân-sự, tác-dụng chiến-tranh, sinh-hoạt tập-thể. », (*Nhân-dân nhật-báo*, 12 tháng 11 năm 1958) đủ chứng-tò điều đó rõ ràng. Để bắt đầu phải cống hiến cho dân Trung-quốc những thứ thiết-dụng, cần phải có quân-đoàn gồm những chiến-sĩ, đầy nhiệt-tình, tích-cực tham-gia lao-động, nhằm mục-tiêu duy-nhất là đấu-tranh.

Và để đạt đích ấy, cần phải hy-sinh hết mọi sự, nhất là không để cho các chiến-sĩ

phải nao lòng, huyễn-hoặc vì tư-tưởng và hành-vi của bọn « phản-dân, phá-hoại, tay sai của đế-quốc ». Kỳ-luật thì giao cho đoàn-thể cảnh-vệ, tuyền ngay tại chỗ, nắm giữ đoàn-thể này cũng tham-gia canh-tác, nhưng công việc chính vẫn là do thám, kiểm-tra để tố-giác những phần-tử phản-động. Có điều đáng chú-ý là các đội trưởng cảnh-vệ hoạt-động kinh-tế thì phục-tùng cấp chỉ-huy các đơn-vị Công-xã, mà về hoạt-động cảnh-vệ thì lại trực-thuộc cấp chỉ-huy các đơn-vị bộ-đội. Bộ-đội đóng khắp mọi nơi, cũng tham-gia canh-tác như cảnh-vệ, và lúc nào cũng sẵn-sàng đập tan, ngay tư trong trứng, mọi mưu-toan phản-động của nhân-dân.

Do quyết nghị ngày 10 tháng 12 năm 1958, Ủy-ban Trung-trong Đảng minh-định lại một vài điểm trong cơ-cấu nói trên. Quyết-nghị nhấn mạnh rằng, hiện thời chưa phải là lúc có thể thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản hoàn-toàn và hy vọng thực-hiện nó trong một thời-gian ngắn là hy vọng hảo-huynh; trong khi phương-thức của xã-hội tương-lai là: « làm theo khả-năng, hưởng theo nhu-cầu », thì phương-thức hiện nay tại Trung-quốc mới chỉ là: « làm theo khả-năng, hưởng theo lao-động ». Còn phải nỗ-lực thật nhiều nữa mới tạo ra được những điều-kiện căn-bản cho một xã-hội Cộng-sản.

Trở lui lại quyết-nghị ngày 9 tháng 9, Đảng ra lệnh cho mỗi xã-viên được hưởng-dụng khoảng đất của mình và xác-định rõ xã-viên được quyền sở-hữu về nhà ở, đồ làm, chương-mục tại ngân-hàng; xã-viên cũng được quyền có một số cây ăn trái và mấy con gà, vịt, song phải chịu trách-nhiệm về công-nợ trước của họ hoặc đối với

tư-nhân hoặc đối với đoàn-thể ; sau hết, xã-viên cũng được làm một vài nghề thủ-công, nếu có thời-giờ rảnh rang.

Ngày 19 tháng 12, Ủy-ban Trung-ương Đảng chấp-thuận một qui-trình áp-dụng tại Hồ-bắc, để làm gương mẫu cho các nơi khác. Thời-khắc-biêu hằng ngày tại đó gồm tám giờ ngủ, tám giờ lao-động, bốn giờ ăn uống và nghỉ ngơi, hai giờ học-tập; khi có công việc cấp-bách — bao giờ công việc chẳng cấp-bách ? — lao-động từ tám giờ có thể tăng lên mười hai giờ. Theo nguyên-tắc, mọi người phải ăn tại phạn-điểm; song người đau yếu, già cả, con nít, phụ-nữ có mang, có quyền được thời nấu tại nhà. Mỗi gia-đình được phép nuôi heo, gà và dự-trữ một số cá khô, thịt khô và rau đậu. Đó là qui-trình áp-dụng thật

đúng các chỉ-thị trong quyết-nghị chung ngày 10 tháng 12.

Quyết-nghị chung trên kết-thúc bằng một ghi-chú có thể cho ta thấy rõ mối lo ngại của nhà cầm quyền. Ghi-chú nói : từ khi thi-hành chế-độ mới, đã xảy ra nhiều lạm-dụng, ức-chế, bạo-hành hoặc bẽ-trẻ, toàn-quốc phải nghiêm nhậ tự-phê trong mấy tháng mùa đông ; các sự sai lầm cần phải sửa chữa, các kẻ có lỗi cần phải thanh-trùng.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(theo tài-liệu của tạp chí Etudes,
tháng 5-1959)



Kỳ sau : Nhân-tổ nào đã khiến Trung-hoa
Cộng-sản thiết-lập chế-độ Công-xã ?

Danh ngôn, danh lý

THIỆN-TÂM VÀ HẢO-Y

- ★ Tôi có thể làm cho người ta sợ tôi, nhưng tôi muốn làm cho người ta mến tôi hơn. (Montaigne)
- ★ Lửa bốc lên cao, nước chảy xuống thấp, thế mà lửa bao giờ cũng thua nước. (Văn-Trung-Tử)
- ★ Người ta có thể chống đối lại một lý-luận, một chứng cứ, người ta cũng có thể chống đối lại một điều hay, một lẽ phải, nhưng người ta khó chống đối lại một tấm lòng tốt ; người có lòng tốt thường tạo ra được một bầu không-khí trong lành có năng-lực thâm-nhiễm vào tất cả những người ở xung quanh.
- ★ Cái tay giận dữ không đánh nổi cái mặt tươi cười. (Cổ-Ngạn)
- ★ Cách sống của một người có thể ảnh-hưởng đến cách nhìn của họ. Kẻ thấy cái thiện-tâm ở nơi người, thường là kẻ đã cảm thấy cái thiện-tâm ấy ở nơi mình trước.

Sử-học Việt-Nam qua các thời-đại

VIỆT-ĐIỀU
THÁI-VĂN-KIỂM

PHÀM đã là một nước có một dĩ-vãng khá dài, thì phải có sử sách lưu-truyền. Muốn có sử sách lưu-truyền thì phải có người chép sử. Cho nên từ nghìn xưa, các nước văn-minh từ Đông sang Tây đều có đặt chức sử thần và thiết-lập sử quán.

Nước Trung-hoa đã có chức nội-sử từ mấy nghìn năm trước Thiên-Chúa. Sử Trung-hoa còn ghi sự tích của Tiêu-Sử, nguyên là tiên trên thương-giới, sau Thượng-Đế thấy nhân gian sử-tích rối-ren, nên sai « người » xuống sửa sang. Ngày mồng 5 tháng 5, dưới đời vua Tuyên-vương nhà Châu năm thứ 17, « người » giáng-sinh nơi nhà họ Tiêu, lấy tên là Tiêu-Tam-Lang. Đến khi quan ngự-sử mất chức, Tiêu-Tam-Lang nối chức mà tu-bổ sử sách lại. Vua nhà Châu thấy Tiêu-Tam-Lang có nhiều công lao trong việc chép sử, nên mới đặt tên là Tiêu-Sử, chấp-nhiệm đã một trăm mười năm.

Nhà chép sử trước hết phải là người đem công-tâm mà làm sử-mạng ghi chép sự thật để lưu lại muôn đời. Thí dụ : trường-hợp của thái-sử Bá, đời Tề-Trang-Công.

Khi Thái-Tử giết vua Tề xong, liền ra lệnh cho thái-sử Bá chép vào Sử rằng Tề-Trang-Công bị bệnh mà chết.

Thái-sử Bá cứ đúng sự thật mà chép : « Thái-Tử giết Tề-quân, về mùa hạ, tháng năm, ngày át-hợi ». Thái-Tử thấy vậy cả giận bèn giết thái-sử. Sau còn ba người em là Trọng, Thúc và Quý. Trọng và Thúc cứ chép theo như trước cũng bị gia-hình.

Thôi-Tử bèn cầm sổ sách kêu thái-sử Quý mà nói rằng : « Ba người anh của người bị chết là vì không theo lời ta ; bây giờ người có tiếc thân thì nên đổi mấy chữ này, ta mới không trị tội. » Thái-sử Quý thưa lại rằng : « Làm chức Sử-thần cứ chép sự thật, nếu tôi không chép thì cũng có người khác chép. Tướng-quốc thế nào cũng không che được tiếng xấu ; cho nên phải việc thời cứ làm, tôi không sợ chết ; tha thì được nhờ, chết cũng phải chịu, ấy là nhờ lòng Tướng-quốc mà thôi ». Thôi-Tử bèn liệng quyển sách và phó mặc cho thái-sử Quý chép y sự thật.

Đồng một quan-niệm với các sử-gia Trung-quốc, các sử-gia Việt-Nam cũng đã tỏ ra nhiều công-tâm và thiện-chí trong khi ghi chép những sự việc của thời xưa.

Hơn thế nữa, sử ta còn có tính-cách giáo-huấn và răn dạy người đời sau, cho nên sử-gia Ngô-Sĩ-Liên, vào đầu thế-kỷ XV, có nói rõ quan-niệm ấy trong bài

tựa sách Đại-Việt sử-ký toàn-thư : « Sử chép việc, mà việc được hay hồng có thể làm cái gương cho đời sau soi thấy mà răn. Các nước đời xưa đều có sử, như sách Xuân-Thu của nước Lỗ, sách Đào-Ngột của nước Tấn, sách Thặng của nước Sở ».

Riêng về nước ta, từ đời Triệu-Vũ-vương (207-137 trước Tây-lịch) đã có chức nội-sử, vì chúng ta có thấy ghi trong phúc thư của Vũ-vương cho Hán-Văn-đế rằng :

« Nam-di đại trượng lão phu thần, Đà, muội tử tái bá, dâng thư lên Hoàng-Đế Bệ-hạ. Lão-phu là kẻ cố lại nước Việt, khi Hiếu-Huệ Hoàng-đế lên ngôi, tình-nghĩa không dứt, vẫn hậu-đãi lão-phu. Đến khi Cao-hậu lâm triều, lại phân biệt ra ngoại di, hạ lệnh cấm không được bán cho Nam-Việt những đồ vàng sắt và điền-khí, còn ngựa trâu, dê thì chỉ bán cho giống đực, chứ không bán cho giống cái.

« Lão-phu ở phương xa mà không có vật cúng tế thì phải tội, vì thế có sai nội sử Phan, Trung-úy Cao và Ngự-sử Bình, ba lượt dâng thư sang thượng-quốc tạ lỗi, đều không trở về cả (1). »

Về nội sử Phan, ta có thể đoán chắc Phan là họ, và đó là vị sử quan họ Phan của đời Triệu.

Như thế chúng ta có thể xem nội-sử Phan như là vị chép sử đầu tiên của nước ta (2). Đáng tiếc thay là họ ra đi mà không trở về cố quốc, cho nên có lẽ vì đó mà truyền-thống chép sử đã bị gián-đoạn chăng ?

Sau đó chúng ta đã phải bị Bắc-thuộc từ năm 111 trước Tây-lịch cho đến năm

939 sau Tây-lịch ; trong thời-kỳ này, sử ta đành phải ép mình trong sử Tàu vậy.

Chúng ta phải đợi cho đến đời nhà Lý mới thấy chép rằng : « Tháng 6 năm mậu-ngọ (1018), vua Lý-Thái-Tổ (1010-1028) sai quan Nguyễn-Đạo-Thanh và Phạm-Hạc sang Tàu lấy kinh Tam-tạng đem về để vào kho Đại-hưng ».

Kho Đại-hưng rất có thể là một cơ-quan bao gồm cả thư-viện, bảo-tàng-viện và là nơi lưu-trữ và biên-soạn sử-sách. Và ta còn biết rằng đời này từng có loại sách hiến-chương như « Ngọc-diệp » (3), « Hình thư » thì ít là đời Lý đã có sử-thần để làm sách rồi.

Đến đời nhà Trần thì tác-giả sách An-nam chí-lược, Lê-Tắc, là quan nhà Trần về hàng nhà Nguyên sang ở bên Trung-hoa và làm sách trên bên ấy — từng cho biết dưới đời Trần-Thái-tông (sách chép là Thái-vương) có Trần-Tấn làm Tả-tàng, sau thăng-chức Hàn-trưởng, đã làm sách Việt-chí (sách dẫn thượng, quyển XV, tờ 6 b). Như vậy, nhà sử-thần Trần-Tấn là nhà viết sử đầu tiên có qui mô ở nước ta. Tiếc rằng sách này thất truyền. Cũng theo An-nam chí-lược (cùng tờ sách đã dẫn trên) thì sau việc Trần-Tấn làm sách Việt-chí còn chép việc Lê-Văn-Hưu, người đồng thời với Trần-Tấn — sửa sang, chỉnh-đốn Việt-sử.

(2) Với điều kiện là chúng ta nhận nhà Triệu là một triều-đại của nước ta, điều mà một số sử gia, học giả, giáo sư hiện nay không nhận. Tương cũng nên nhắc rằng bộ Quốc-gia giáo-dục ghi trong chương trình Lịch-sử : « Thuộc Triệu ». Xin xem lại bài : « Nhà Triệu là một triều-đại Việt ? » của Lê-Gia là một anh-hùng Việt ? của Phạm-Hoàn-Mỹ, Bách-Khoa, số 23, 15-12-1957.

(Chú thích của Tòa soạn Bách-Khoa)

(3) Có lẽ là sách phả-ký của hoàng-gia.

(1) Toàn-văn bức thư này có lục in trong Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 3 và 4.

Ngô-Sĩ-Liên, sử-gia đời Lê, làm sách *Đại-Việt sử ký toàn toàn thư* cũng xác nhận như thế (sách dẫn, bài Tựa). Thành ra Lê-Văn-Hưu, tác-giả bộ *Đại-Việt sử-ký*, chỉ là một sử-gia hoàn-thiện sự-nghiệp của Trần-Tấn, đã tập lục tài-liệu ở mọi sử sách xưa của ta và của Tàu mà viết thành một bộ sử đầy đủ làm căn-bản cho các sử sách những đời sau.

Dưới Triều Lê, lại có các ông Phan-Phù-Tiên, Hồ-Tôn-Thốc, Ngô-Sĩ-Liên, Vũ-Quỳnh, đã nối chí Lê-Văn-Hưu mà viết những bộ *Việt-sử* căn-bản, lớn lao.

Nhưng chúng ta phải đợi đến triều Nguyễn, dưới đời vua Minh-Mạng, mới thấy thiết-lập một Quốc-sử quán, có tổ-chức hẳn-hòai, thuê dụng những nhà học-vấn uyên-thâm, chuyên việc biên-khảo những bộ *Sử-ký*, *Địa-chí* rất có giá-trị.

Quốc-sử-quán, ở tại địa-phận phường Trung-hậu, trong thành nội Huế (xưa là địa-phận phường Phú-văn). Năm Minh-Mạng thứ 2 (1821); qua năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842), xây thêm 2 nhà dài ở hai bên tả hữu; năm Tự-Đức thứ 2 (1849) làm thêm ở phía sau một nhà để mộc-bản.

Bốn mặt *Quốc-sử-quán* đều có tường bao bọc; trước nhà chính bên hữu, có một cái giếng nước rất trong và ngọt, tương-truyền là cái giếng của làng Diên-phái xưa kia (làng này là một trong những làng đã nhượng đất cho vua Gia-Long để lập kinh-thành Huế).

Xưa số nhân-viên *Quốc-sử-quán* gồm có Chánh, Phó Tổng-tài, Toàn-tu 4 người, Biên-tu 8 người, Khảo-hiệu 4 người, Đăng-lục 6 người, Thủ-chương 6 người, cùng một số thư-ký — Công việc chính là biên-tập quốc-sử, khi nào chép và ngự-

lâm xong, thì giao cho thợ khắc vào mộc-bản in thành sách. Nhiều bộ sử quan-trọng của nước ta như là: *Khâm-dịnh Việt-sử*, *Thông-giám cương-mục*, *Đại-Nam thiết-lục*, *Đại-Nam liệt truyện*, *Minh-Mạng chính-yếu*, *Thiệu-Trị chính-yếu*, *Tự-Đức chính-yếu*, v. v.... đều do Quốc-sử-quán biên tập. Ngoài ra Sở này lại còn biên-tập các bộ sách về chế-độ nước ta (như bộ *Khâm-dịnh Đại-Nam hội điển sử lệ*), hay là về địa-dư nước ta (như bộ *Đại-Nam nhất thống chí*).

Số mộc-bản lúc trước rất nhiều; trong lúc chiến-tranh, bị hao-hút một phần, hiện nay còn trên 31.000 tấm, tàng-trữ tại Viện Văn-hóa Trung-Việt (Huế). Mộc-bản toàn bằng gỗ cây thị (plaqueminier), vì chỉ có thứ gỗ ấy mới đủ sức cứng và dẻo dề khỏi nứt mẻ trong khi khắc chữ và không bị mối mọt tàn-phá.

Những sự việc kể trên tỏ rõ rằng ở thời Hán-học, sử-học là một môn tương-đối thịnh-dạt hơn hết trong văn-học sử nước ta, và những tác-phẩm sử-học ấy đều là *quan-thư* của các họ vua xưa và tác-giả là những *sử-thần* do nhà vua bổ-nhiệm.

Về các sách *sử-học* của *tu-nhân* thì hiện nay xưa nhất là bộ *An-nam chí-lược* của Lê-lắc ở đời Trần-Nhân-tông (1279 — 1293) viết trên đất Trung-hoa, ngoài ra còn lại thì chỉ là những tác-phẩm từ thời cuối Lê trở xuống như các bộ *Việt-sử bị lãm* của Nguyễn-Nghiêm, *Việt-sử tiêu án* của Ngô-Thời-Sĩ thuộc về thế-kỷ XVIII, các bộ *Lê quý kỷ sử*, *Hậu-Lê thời sự kỷ lược*, *Lịch-triều tạp ký* viết khoảng cuối thế-kỷ XVIII và đầu thế-kỷ XIX. Tựu trung đáng chú ý nhất chỉ có bộ *Lê-triều thông sử* (còn gọi là *Đại-Việt thông sử*) của Lê-Quý-Đôn. Nhà bác-học

đệ nhất của thời Nho-học xưa viết bộ này đã bắt chước bút-pháp của Tư-Mã-Thiên chép *Sử-ký* để chép lịch-sử nước Việt, nhưng tiếc rằng công-tình này bị bỏ dở dang.

Trong sử-học của nước ta xưa, còn có loại *thư-chí* cũng là một loại rất phát đạt. Về loại này, nay ta còn thấy của đời Hậu-Lê là thiên *Địa-dư chí* của Nguyễn-Trãi (1380 — 1442) chép trong *Ức-trai di-tập* (bản in năm 1868, Tự-Đức thứ 21), mấy thiên rơi-rớt của bộ *Thiên-Nam dư hạ tập* của đời Hồng-Đức, sách *Kiến-văn tiểu lục*, *Phủ-biên tạp-lục* của Lê-Quý-Đôn soạn ở đời Lê - Cảnh - Hưng (1772 — 1786), sách *Gia-định thành thông-chí* thời Nguyễn sơ, bộ *Lịch - triều hiến - chương loại chí* của Phan - Huy - Chú triều vua Minh-Mệnh, sách *Đại-Việt địa-dư chí* của Nguyễn-Văn-Sieu đời Tự-Đức (1847 — 1883), bộ *Đại-Nam nhất thống chí* của sử-thần các đời Tự-Đức và Duy-Tân (1907 — 1916).

Xét về sử-học thời Hán-học, diễm nổi bật là người chép sử thường là sử-quan (historiographe), biên-niên-sử (annaliste) hay là ký-sự-viên (chroniqueur), mà rất ít sử-gia (historien) không lệ-thuộc Chính-quyền. Mặc dù môn sử-học được liệt-triều vun quén và đề cao, song các sử-thần thường làm công việc sao chép lẫn nhau và rất ít người có cái khổ tâm theo dõi sự thực như Tư-Mã-Thiên mà ai nấy đều tôn làm *Sư-biêu*. Tuy vậy, đối với sự nghiên-cứu sử-học của thời hiện-đại, các nhà Đông-phương-học dù các quốc-tịch trước đây cũng từng xem các sách sử cũ kể trên là cả một kho tài-liệu vô giá và đã tổ-chức ra Học-viện Đông-phương Bác-cô (École française d'Extrême-Orient) và Viện

Văn-thư đồ-thư (Direction des Archives et Bibliothèques) cốt để sưu-tập những sách vở ấy và tổ-chức sự nghiên-cứu về các nước ở Đông-dương, và cũng đã công-bố nhiều thành-tích nghiên-cứu về Việt-Nam rất đáng kể.

Hầu hết các sử-liệu kể trên, kể cả đời Lê, đều đã được chụp hình (microfilmer) và hiện nay hơn 800 cuốn phim còn tàng-trữ tại chi-nhánh của trường Viễn-Đông Bác-cô, 37, đường Trương-Minh-Ký, Sài-gòn. Đó là một kho tàng vô giá mà học-giả và sử-gia cần phải khai-thác, trong khi nghiên-cứu lịch-sử nước nhà.

Các học-giả và sử-gia, ngoài các bộ văn-tịch chí của Lê-Quý-Đôn và Phan-Huy-Chú, cần tra-cứu thêm những biên-khao rất công-phu của Léopold Cadière và Paul Pelliot (*Première étude sur les sources de l'histoire d'Annam*), của Emile Gaspardone (*Bibliographie annamite*), của Trần-Văn-Giáp (*Les chapitres bibliographiques de Lê-Quý-Đôn et de Phan-Huy-Chú*) và của Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng (*Sử-liệu Việt-Nam*) sắp xuất-bản trong « Văn-hóa tùng-thư » của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Sau hết, chúng tôi nghĩ rằng : trong khuôn-khò phục-hưng văn-hóa dân-tộc, cần phải dân-chủ-hóa Sử-học để đưa ra ánh sáng sự thực lịch-sử (la vérité historique) và tái-lập *Quốc-sử-quán* (Bureau des Annales) trên một cơ-sở khoa học và dân-chủ tại một địa diễm yên-tĩnh như Đà-lạt, Nha-trang hoặc Hà-tiên, để tiếp tục sự-nghiệp của tiền-nhân và công-trình của các học-giả trước 1945 đã bị bỏ dở vì chính-chiến.

Viet-Điễn
THÁI-VĂN-KIỂM

thác mắc

Vai trò của TRÍ-THỨC

QUI-ĐỊNH vai trò của trí-thức, của những người « ưa chuộng tinh-thần và tư-tưởng », thật là nguy-hiểm và táo-bạo. Tuy nhiên, nếu không có thẩm-quyền để qui-định, thì mọi kẻ tự cho mình là trí-thức có nên nêu lên một vài yêu-sách của chính lương-tâm thức giục mình phải có gì, hay phải làm gì, để đáp lại kêu gọi của núi sông, công ơn của tiên-tổ, mong mỏi của hậu sinh ?

Tinh-thần là giá-trị tối-cao của nhân-loại ; tư-tưởng là hướng-đạo duy-nhất của thế-gian. Nhân-loại không đời-truy nhờ bởi tinh-thần ; thế-gian không diệt-vong nhờ bởi tư-tưởng. Vậy bồi-dưỡng tinh-thần và phát-huy tư-tưởng trước hết là phận-sự của ai, nếu không phải là của trí-thức, đã được định nghĩa là hạng « ưa chuộng tinh-thần và tư-tưởng ? »

Vai trò của trí-thức, do đây, phải chăng là quan-hệ đối với quốc-dân, nhưng đồng thời nó cũng đòi hỏi trí-thức những nhiệm-vụ cực-kỳ nghiêm-trọng để thành tựu sứ-mệnh của mình ?

Phải chăng nó đòi hỏi người trí-thức phải

— biết độc-lập trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không a-dua, không xu-nịnh, không nói theo miệng người, bước theo chân người, luôn luôn hướng về độc-đạo, sáng-tạo, phát-triển tài-năng đặc-biệt của mình ;

— biết chân-thành trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không giả dối, không lừa gạt, tin rằng chân-thành là nguồn gốc của tin-nhiệm và là điều-kiện căn-bản để giải-phóng, xây-dựng con người cũng như xã-hội ;

— biết can-đảm trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không khiếp-nhược, không cảm lạng, cương-cường dám nói dám làm, biết chân-lý không phải để giấu giếm chân-lý mà để chứng tỏ chân-lý không phải là danh-từ trống rỗng, vô-ích cho thời-đại ;

— biết công-phản trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không sợ sệt, không lẩn trốn, quyết-tâm tranh-đấu chống sự bất-công, dù từ đâu tới, để tránh sự đồng-lôa với những kẻ gian, tham, đang gieo mầm loạn trong quốc-dân ;

— biết bao-dung trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không ghen ghét, không gièm pha, nghĩ rằng sự việc gồm nhiều bình-diện và nhiều sắc-thái, người có thể nghĩ khác mình, làm khác mình mà người vẫn không nhất-thiết là ngu-dốt hay gian-tà ;

— biết quán-thông trong tinh-thần và trong tư-tưởng, không nông nổi, không hẹp hòi, cố công trau dồi học-vấn để tiến tới, để đánh dẫn thời-đại mình trong lịch-sử và tiếp-vận trí-thức cho hậu-sinh là mầm giống sau này sẽ kế-tục và hoàn-tất sứ-mệnh của dân-tộc ?

PHẠM-HOÀNG

QUÂN-NHÂN PHẠM PHÁP

★ HUYNH-ĐỀ

(Tiếp theo B.K, số 62)

II. — Tổ-chức quân-pháp bất thường

Những nguyên-do khiến nhà cầm-quyền thấy cần phải có một sự trừng phạt đặc biệt nhanh chóng, có thể rút trong tình-trạng riêng của quân-nhân, hay trong tình-trạng chung của Quân-đội. Nói một cách khác, một quân-nhân có thể phạm tội trong những trường-hợp đòi hỏi một sự trừng phạt mau lẹ hơn, hay Quân-đội đang ở vào một hoàn cảnh mà mọi phạm pháp cần bị trừng trị tức khắc. Để đối phó với các trường-hợp trên, nhà làm luật đã thiết-lập Tòa-án binh đặc-biệt, và Tòa-án Quân-sự tại mặt trận, đồng thời ấn-dịnh một vài sửa đổi về thủ-tục trước Tòa-án Quân-sự thường, khi nước nhà lâm vào chiến-tranh.

A) *Tòa-án binh đặc-biệt.* — Khi quân-nhân bị bắt quả tang về một tội đại-linh hay tiểu-linh dự liệu trong Bộ Quân luật (2), Bộ-trưởng Quốc-phòng có thể truyền đưa bị can ra xử thẳng trước Tòa-án Quân-sự, không cần có sự thẩm cứu của Dự-thẩm, mặc dầu việc phạm

pháp có thể đưa đến tử-hình. Tòa-án Quân-sự lấy tên là Tòa-án binh đặc-biệt khi nhóm xử trong những trường-hợp này.

Ta đã thấy rằng binh thường chỉ bị can phạm tội tiểu-hình mới bị truy-tố do lính xử thẳng. Nhưng khi y phạm pháp quả tang, thì y có thể bị đưa thẳng ra Tòa-án về một tội đại-hình.

Trước Tòa-án binh đặc-biệt, thủ-tục lại được giản-dị hóa rất nhiều. Ủy-viên Chánh-phủ có thể tổng-đặt trái đòi hầu, và bản cáo trạng cho bị can bất cứ lúc nào trước khi Tòa xử, chứ không bó buộc phải làm ba ngày trước. Nếu không có trạng-sư do bị can chọn, hay nếu vị này không có mặt tại phiên Tòa, Chánh thẩm Tòa-án binh đặc-biệt sẽ tùy ý chọn một biện-hộ viên trong hay ngoài Luật sư đoàn. Ủy-viên Chánh-phủ phải buộc tội bị can theo huấn-lệnh của Bộ-trưởng Quốc-phòng. Quyết-dịnh của Tòa-án binh đặc-biệt phải thi-hành ngay, không thể bị thượng tố.

Sở dĩ nhà làm luật ấn-dịnh một thủ-tục quá giản-dị như thế là vì bị can bị bắt quả tang, bằng cơ đã rõ rệt do khẩu-cung của nhân chứng sở thời, với những tang vật vừa tịch thâu được. Dầu sao, thủ-tục ấy làm cho quyền biện-hộ của bị can giảm hiệu-lực rất nhiều.

(2) Hầu hết các tội dự liệu trong Bộ Quân luật có tánh-cách thuần-tuý binh-bị như dẫu hàng địch-quân, mưu-phản, phiến-loạn, đảo-ngũ, lạm-quyền, lột đồ đạc của quân-nhân bị thương hay chết, bán quân-dụng, vi-phạm quân-lệnh, cố ý làm thành phế tật, tiêm đoạt huy-hiệu, v. v. ...

Bị đòi hầu Tòa quá gấp, bị can có thể không đủ thì giờ để dự-bị lý lẽ chữa mình. Biện-hộ viên của y có thể là một người không có khả-năng về luật học. Việc Ủy-viên Chánh-phủ phải buộc tội theo huấn-lệnh của Bộ-trưởng Quốc-phòng là một điểm bất lợi cho bị can. Theo nguyên-tắc, đại-diện Công-tổ viện trước Tòa phải tuân lệnh thượng-cấp khi làm luận-trạng, nhưng khi buộc tội bằng lời nói, viên chức này có quyền kết-luận theo quan-điểm riêng của mình. Trước Tòa-án binh đặc-biệt, Ủy-viên Chánh-phủ không có quyền làm như vậy, mà phải buộc tội theo chỉ-thị nhận được. Sau hết, bị can mất quyền xin phá án, mà phải thọ hình ngay.

Vì những bất lợi ấy, luật không bố buộc phải đưa bị can ra Tòa-án binh đặc-biệt mỗi lần y bị bắt quả tang vi-phạm quân pháp, mà để Bộ-Trưởng Quốc-phòng tùy nghi áp dụng thủ tục này, nếu xét là cần thiết.

Trái lại mỗi lần quân nhân phạm một tội thuộc thẩm quyền Tòa-án Quân-sự tại mặt trận, Công-tổ-viện bố buộc phải đưa y ra trước Tòa này.

B) Tòa-án Quân-sự tại mặt trận.— Trong thời bình, Tòa-án Quân-sự thường trực và Tòa-án binh đặc-biệt xét ra đủ để trừng trị quân nhân phạm-pháp, nhưng tình trạng khác hẳn khi Quân-đội phải hành quân tảo thanh để duy trì trật tự hay phải chiến đấu với Quân-đội địch quốc.

Trong thời chiến, toàn thể Quân-đội phải đứng lên như một người, đem toàn lực bảo vệ non sông. Nếu một quân nhân không chịu tích cực tham dự vào cuộc tranh đấu chung thì gây trở ngại không nhỏ cho các chiến hữu. Bởi lẽ đó, sự duy

trì kỷ luật lại cần thiết hơn là trong thời bình. Các vi phạm cần được trừng trị cấp tốc hầu làm gương và thúc đẩy mọi quân nhân triệt để thi hành bổn phận.

Muốn đạt được mục đích này, ngoài việc giản dị hóa thủ tục, rút ngắn thời hạn, còn có việc tăng số Tòa-án để công-lý được gần mọi người. Chính để thực hiện phương thế sau cùng này mà nhà chức trách thiết-lập Tòa-án Quân-sự tại mặt trận.

Vậy trong thời kỳ chiến tranh, hay mỗi khi có nội loạn mà Quân-đội hành quân tảo thanh để duy trì trật tự, thì tại mỗi khu-vực hành quân, có một Tòa-án Quân-sự tại mặt trận.

Thành phần Tòa này gồm có một Chánh-thẩm và bốn phụ-thẩm, toàn là quân nhân thuộc các đơn vị chiến đấu trong khu-vực hành quân.

Chánh-thẩm Tòa-án Quân-sự tại mặt trận không phải là một thẩm phán chuyên nghiệp nữa. Điều ấy rất dễ hiểu vì khu-vực hành quân thường thường là ở vùng biên giới, dầu sao cũng xa trụ sở của Tòa Thượng-thẩm, việc chỉ định một vị Hội-thẩm để chủ-tọa các phiên Tòa sẽ gây nhiều trở ngại cho sự điều hành công-lý. Tuy nhiên, để pháp luật được tôn trọng, vị Chánh-thẩm sẽ được chọn trong số các sĩ-quan có năng lực về luật học.

Chánh-thẩm phải đồng cấp bậc với Chỉ-huy trưởng khu-vực hành-quân hay kém hơn một cấp; mặt khác, nếu bị can là sĩ-quan, Chánh-thẩm phải hơn bị can ít nhất là 2 cấp.

Để xử một sĩ-quan, phải có hai phụ-thẩm đồng cấp và hai phụ-thẩm trên một cấp. Ví dụ thành phần để xử một Trung-

tá gồm có một sĩ-quan cấp Tướng Chánh thẩm, hai Đại-tá và hai Trung-tá phụ thẩm.

Cấp-bậc của các phụ-thẩm, Tòa-án Quân-sự tại mặt trận để xử hạ sĩ-quan và binh-sĩ vẫn y như cấp-bậc của các phụ-thẩm Tòa-án Quân-sự thường-trực mà ta đã thấy nơi phần thứ nhứt bài này.

Trong trường-hợp không có nhơn-viên đủ điều-kiện cấp-bậc, chức-vụ Chánh-thẩm hoặc phụ-thẩm sẽ được giao phó cho sĩ-quan không thuộc các đơn-vị chiến-dấu trong khu-vực hành-quân.

Ngoài ra, ở mỗi Tòa-án Quân-sự tại mặt trận cũng có Ủy-viên Chánh-phủ, Dự-thẩm, Lục-sự và Thừa-phát-lại như tại Tòa-án Quân-sự thường-trực.

Một khi Tòa-án Quân-sự tại mặt trận được thiết-lập, Tòa-án Quân-sự thường-trực vẫn còn hoạt-động như trước.

Thật vậy, thẩm-quyền địa-hạt của Tòa-án Quân-sự tại mặt trận là khu-vực hành-quân. Ngoài khu-vực đó, quân-nhân phạm

pháp thuộc thẩm quyền Tòa-án Quân-sự thường trực. Hơn nữa Tòa-án Quân-sự tại mặt trận chỉ xử ba tội :

— quân-nhân hợp thành đoàn di cướp bóc.

— Trộm cướp của nhân dân.

— hiếp dâm.

Các tội khác, mặc dầu phạm trong khu-vực hành-quân, cũng thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự thường-trực.

Ba tội trên đây, phạm trong khu-vực hành-quân, khi đối-diện với quân địch hay quân phiến-loạn, xâm hại đến tài-sản hay thân thể của nhân-dân mà chính Quân-đội có nhiệm-vụ bảo-vệ, là những vi-phạm táo-bạo chứng tỏ nơi thủ-phạm một tinh-thần kỷ-luật suy-dồi, cần phải trừng trị nặng nề thì quân-lệnh mới uy-nghiêm. Bởi đó, luật đã dự-liệu một hình phạt nặng hơn.

Dưới đây là bảng so sánh các hình phạt tùy theo khu-vực :

Tội danh	Trong khu vực hành quân	Ngoài khu vực hành quân
Cướp bóc thành đoàn	Tử hình	Cấm cố hoặc khổ sai chung thân,
Trộm thường	Cấm cố	Tù tiêu hình
Trộm có hành hung gây thương tích	Tử hình	Khổ sai chung thân
Trộm có hành hung không gây thương tích	Khổ sai chung thân	Khổ sai hữu hạn
Hiếp dâm	Tử hình	Khổ sai hữu hạn hay chung thân.

Hình phạt nặng nề trên đây cần được ban bố và thi hành ngay. Nếu bị can bị bắt quả tang, y sẽ bị truy tố theo thủ-tục đơn giản của Tòa-án binh đặc-biệt mà ta đã thấy nơi đoạn trên. Nếu y không bị bắt quả tang y sẽ được hưởng thủ-tục châu đáo hơn, áp dụng trước Tòa-án Quân-sự thường trực.

Tuy nhiên, trong thời chiến, thủ-tục trước Tòa này cũng được giản dị hóa đôi phần.

C) *Thủ-tục trong thời chiến trước Tòa-án Quân-sự thường-trực.*

Thủ-tục tố-tụng được giản dị hóa tại hai điểm :

1) Can phạm có thể bị truyền đưa ra xử thẳng trước Tòa-án Quân-sự, dầu việc y phạm là một tội đại hình, ngoại trừ trường hợp luật phạt tử hình về tội đó. Trong thời bình ta đã thấy thủ-tục này chỉ có thể áp dụng cho can phạm bị truy tố về tội tiểu-hình.

Thời hạn đòi hầu Tòa chỉ rút lại có 24 giờ thay vì 3 ngày như trong thời bình.

3) Nếu xét một bị can có phạm tội, dầu là tội đại hình, Dự-thẩm Quân-sự sẽ ra án lệnh đưa y ra Tòa-án Quân-sự xét xử, trái với thủ-tục thời bình mà quyền đưa bị can phạm tội đại hình ra Tòa thuộc Phòng Luận tội Tòa Thượng-thẩm.

Duyệt qua các Tòa-án được tổ-chức để trừng trị quân nhân phạm pháp, ta thấy rằng nước Việt-Nam có một hệ thống rất châu đáo để duy trì kỷ luật trong Quân-đội.

Không những tánh cách châu đáo ấy đã có từ thời bình, mà tổ-chức quân pháp cũng đã được dự liệu để đối phó với những nhu-cầu mới do tình trạng chiến tranh gây ra. Quân-đội sở-dĩ có trong thời bình không ngoài lý do dễ dễ phòng thời chiến, mặc dầu mọi người đều ước mong hòa bình vĩnh-viễn. Nhưng nếu chiến cuộc xảy ra, khi Quân-đội phải đứng lên để thi hành sứ mạng cao cả, tổ chức quân pháp, có nền móng sẵn sàng từ thời bình, cũng sẽ được điều động kịp thời tránh khỏi sự vội vàng hấp tấp.

Tuy nhiên, bộ máy tốt cũng phải cần những người thợ giỏi điều khiển và sẵn sàng thì mới có năng xuất khả quan. Các Thẩm-phán Quân-sự phải có học vấn chuyên môn và kinh nghiệm vững chắc để giải quyết những vấn-đề pháp-lý gay-go. Các vị ấy lại cần có đức tánh độc-lập và liêm-khiết để có thể xét xử một cách công minh, theo lương tâm và pháp luật. Đó là bảo đảm tối cần cho quyền lợi kẻ bị truy tố, cũng như quyền lợi của Quốc-gia.

HUYNH-ĐỀ

✱ Tưởng rằng có uy-quyền thì không nên khoan dung và lịch sự là một điều lầm.

Turenne thường bảo các binh-sĩ của ông : « Tôi không nặng lời với ai, nhưng khi lệnh tôi đưa ra mà ai từ khước, thì tôi chém đầu. »

Đó là câu nói bông đùa của nhà quân-sự trọn đời chỉ chăm lo xây-dựng uy-quyền bằng công-bình, khoan dung và nhân-dạo.



Nhân ngày (22-7-1959) húy-nhật thứ 27

Bạch-Thái-Bưởi

(1874-1932)

Người Việt đầu tiên dám hơn
thua cùng người Tây, người
Tàu trên đường doanh-nghiep



TÂN-FONG-HIỆP

(Tiếp theo B.K. số 62)

VUA MỎ NƯỚC VIỆT

LAO-tâm đã lắm, lao-lực cũng nhiều,
nay thành triệu-phú, cơ-sở doanh
thương lại vững vàng, ai chẳng nghĩ « thầy
ký Bưởi » sẽ nghỉ ngơi mà hưởng lợi.
Nghĩ thế là không hiểu con người của
họ Bạch.

Dường như con người này lúc nào
cũng thừa sinh-lực. Phải hoạt-dộng, luôn
luôn hoạt-dộng. Cần làm hơn, mãi mãi
làm hơn. Tranh giành với người Tàu
trên mặt biển, sông, đã là điều táo bạo.
Rồi lại còn hơn thua với người Pháp
dưới lòng đất đá, thì quả là việc liều
lĩnh. Nhưng đã đánh bại « Tàu » trong

ngành buôn bán chở chuyên thì sao lại
chẳng thề thắng « Tây » ở địa hạt kỹ-
nghệ ? Và lại Bạch-Thái-Bưởi không
thích « Thắng không hiềm-nguy... » Đã
hơn được kẻ lắm bạc tiền, thì cũng thử
ăn thua với người nhiều quyền thế.

Và Bạch-Thái-Bưởi bước mạnh vào
« cấm địa » : mỏ than đá lúc bấy giờ
nằm gọn trong bàn tay người Pháp.

Bạch-Thái-Bưởi xoay hướng kinh-
doanh, dành rằng vì khoảng 1928, phần
lớn tàu muốn hư, xộc xạch, nhưng cũng
vì ông thấy xa, nhìn rộng.

Đường xe lửa trong nước đang hồi
được mở mang nhiều, cuộc giao-thông với

các nước bằng tàu thủy cũng không quan-trọng, thì lo « nuôi ăn » cho các con thú không lỗ căn ích có tên là tàu hỏa, tàu thủy, đó là điều vô cùng hệ-trọng.

Vào năm 1928, ông bán hết tàu cho hãng Sauvage, đem cả khả-năng và dốc hết tài-sản vào việc làm mỏ.

Ông đã khéo léo lắm, khi dùng mưu lược gây tình-cảm, hoặc đem lợi hại ra bàn, nên ông được phép khai khẩn mỏ trong vùng Quảng-yên.

Thất bại dành ngay cho ông ở bước đầu : khai mỏ, chỉ có đất đỏ. Ông bèn mua lại một hầm mỏ của người Pháp ở làng Bí-chợ (tên mà người Pháp quen gọi theo họ : Bicho), rồi ở Cẩm-thực (thuộc tỉnh Quảng-yên) :

Qua buổi khó khăn ban đầu, công cuộc khai mỏ ngày càng có kết quả khả-quan.

Không bao lâu, dưới quyền ông chỉ-huy, có tới 2.500 phu.

Số người lớn lao ấy đã từng mệt vì ông chủ quá ư cần mẫn, mà cũng quá ư nóng nảy, nơi nào cũng có « mất chủ nhơn ». Nhưng ai ai cũng trọng ông nhà giàu dựng nghiệp mình bằng hai bàn tay trắng này. Ông đề ý đến đời sống của hạng người đầu tắt mặt tối đã chung số phận với ông : công cuộc y-tế và xã-hội được tổ-chức đàng hoàng. Ông lại tập lần cho con gần gũi với phu phen : có ai đau, cho con theo người y-tá bếu thuốc, tặng đồ ; có gia đình nào bị tai nạn hay có tang, cùng con đến thăm, an ủi vỗ về.

Với những người Mường, Mán ở gần vùng hầm mỏ của ông, ông tìm mọi cách để gây cảm-tình : nào tổ-chức xay giùm

gạo cho họ, nào giúp thuốc men, nào cho rau trái.

Được lòng mến trọng của kẻ giúp việc rồi, ông nghĩ sao cho công cuộc kinh-doanh mới này càng phát-triển, cho kết-quả thâu thập hơn các mỏ của người Pháp ở Bắc-kỳ. Muốn được thế, nhân-công trung-thành không, chưa đủ, còn cần có người đốc suất chuyên-môn giỏi giần, thấu đáo kỹ-thuật tối-tâm nhất. Ông mới cho người thân-tín ở Pháp chực sẵn người đậu ra trường số 1 để mượn ngay người kỹ-sư hầm mỏ xuất sắc ấy, và cho đi máy bay sang nhận việc liền. Kỹ-sư Pháp giúp việc nhà kỹ-ngệ Việt là việc đã đành, mà còn có cả một xếp-mỏ (maître-mineur) người Ba-lan.

Ông hoạt-động cả ngày lẫn đêm, làm việc bất chấp lúc mệt, lúc ăn, lúc ngủ. Hết ở bàn giấy thì đến nơi hầm mỏ, vừa đốc thúc xong nhân công phá núi con, núi ông Tình, thành bến đò tàu lớn vào ăn than để đàng, thì lại đặt kế-hoạch mới với các thuộc viên tin cần để mở mang công cuộc kinh-doanh, để tìm khách mua ngoại-quốc. Thường thì dậy lúc ba giờ sáng, cùng người kỹ-sư Pháp đi thăm qua các mỏ xa, khi đi bằng ngựa qua đường rừng, núi, khi phải đi bộ, lội nước bì bõm. Người con sự trai trẻ kia theo ông mà phát ngán ! Mà ông có còn mạnh khỏe gì cho cam. Từ 1913, ông bị tệ-bại hết nửa người bên mặt.

Ông đã tung hết sức, tài mình, lại còn « động-viên » cả con cái. Những con trai con gái đến tuổi trưởng thành đều được người cha cường sinh ấy cắt giao phần việc : kẻ trông coi bến, kẻ đôn đốc ở mỏ này, mỏ nọ, người thường trực ở văn

phòng... Đến các con gái học nội trú ở Hà-nội, nghỉ hè về, ông cũng dắt đi theo ông đề tập hiểu việc, biết người, ghi chép giúp ông, cùng phụ xét hồ sơ các du học sinh nghèo mà có chf đề trợ cấp.

Hoạt-dộng như thế nên không bao lâu, than đá chất thành núi ; sau này, đến năm 1945 bán mới hết. Lúc bấy giờ, than tốt bán cho Pháp, than xấu bán cho Nhật, bán tại bến. Ông định rồi sẽ mua tàu lớn, chở than bán khắp đó đây, sao cho ngọn cờ của công-ty Bạch-Thái-Bưởi, công-ty của một người Việt, được phấp phới ở các hải cảng quan trọng của năm châu. Nhưng mộng lớn này không thành, và ông cũng chẳng được thấy một ước muốn mình thực-hiện : than của nước Việt, do người Việt khai thác, được triển-lãm tại hội-chợ quốc-tế Paris, vì ông chết trước ngày hội-chợ khai mạc.



Những ngày cuối cùng

Từ 1931, bệnh đau tim của ông ảnh-hưởng nhiều đến sức khỏe của con người mà lẽ sống dường như là : phải hoạt-dộng. Tháng 11 năm ấy, bác-sĩ buộc phải nằm nghỉ sáu tháng, nhưng chỉ được ba tháng, là ông về, làm việc lại, hăng hơn nữa, như để bù thời gian bị mất vì dưỡng bệnh.

Khoảng giữa năm 1932, con cháu thấy bệnh tình ông thế, cản ngăn, van nài ông hãy tính dưỡng thì ông gạt phăng ngay : « Thấy biết không còn sống bao lâu nữa, thì phải làm nhiều hơn nữa. Còn bao nhiêu việc, mà thấy lại ngồi không, thì thấy càng mau chết ! »

Có lần bệnh lên cơn dữ, ông chết ngất, mở mắt lại thấy con cháu khóc, ông nôi giận ngay : « Tao chết già mà chúng bây khóc thế, tao chết thiệt, thì chúng bây còn

khóc thế nào nữa. Khóc được cái gì ! Chỉ có làm mà thôi. Có thương tao, chúng bây rán tiếp-tục công việc tao làm dở, đề tụi Tàu tụi Tây kiêng giống Annam này. Chúng bây đừng quên câu tao dạy : « Thăng Tây, chú Khách, ông Annam ! »

Cách đó không bao lâu, ngày 22 tháng 7, lúc 5 giờ sáng, ông còn nhắc con trai lớn sẵn sàng đề cất than cho tàu của hãng Mitsubishi Kaisha sắp cập bến, thì qua 8 giờ rưỡi, một cơn đau tim dữ dội vật ngã con người kinh-doanh bền chí, quả cảm có một không hai của nước Việt thời Pháp thuộc.

Chúng ta hãy nghe học-giả Ưng-Hồ Nguyễn-Văn-Tổ thương tiếc người « anh hùng kinh-tế » ấy, cách đây 27 năm rồi...



Ông Bạch-Thái-Bưởi tạ thế rồi !

Ông Bạch-Thái-Bưởi tạ thế rồi !

Ông là bậc anh hùng thứ nhất trong kinh-tế giới nước nhà, xuất thân hai bàn tay trắng, buôn bán mấy mươi năm, trở nên một nhà đại tư-bản, giàu có hàng triệu, nếu không phải là người thao-lược hơn đời, khôn gan đủ vẻ, thì quyết không làm được như vậy. Bởi vậy nên cái tên ông cả nước cùng biết, cái tài ông cả nước cùng phục, gọi ông là bậc anh hùng thứ nhất trong kinh-tế giới nước nhà, tưởng không quá đáng. Mấy năm trước, ông có mấy chục cái tàu, ông bán một tiếng với bao nhiêu nếp nhà, đề xoay ra làm nghề khai mỏ, chẳng may gặp lúc kinh-tế khủng-hoảng, tư-bản ông cũng có thiệt hại ít nhiều, song cũng là một cuộc thất bại anh hùng mà can-đảm lại càng đáng phục lắm.

Trong thế-giới kìm-kiến vạn năng này, đang mong trong nước có nhiều người có tư-bản và tư-cách được như ông trảng thọ đề bồi bổ cho nền kinh-tế nước nhà, thì ngày thứ sáu 22 tháng 7 năm 1932, đã nghe tin ông tạ thế rồi. Năm nay ông mới 59 tuổi. Than ôi tiếc thay!

Ông có cái não lực hơn người, thường khi hay nghĩ những việc người ta không nghĩ đến, lượng ông rất hào-khết, thường bỏ tiền làm những việc nghĩa, mà người khác không làm được, chỗ đó là chỗ ông hơn cả mọi người. Nay ông đã thành là người thiên-cổ, chúng ta nghe tin ấy, ai không nhớ đến người xưa cảnh cũ mà ngậm ngùi cho cuộc thế tang thương!

(Đồng-Thanh tạp chí, số 2)



Đề kết luận : một ước mong

Cái gương của Bạch-Thái-Buổi, người Việt nào chẳng thấy là một tấm gương trong ; công trình của Bạch-Thái-Buổi, người Việt nào chẳng bảo là một công trình đáng tự hào, tự hào riêng cho họ Bạch, mà cũng tự hào chung cho cả giống dòng.

Người Pháp thực dân xưa, tuy chẳng ưa gì ông, mà cũng tỏ rằng vẫn trọng ông : một con đường nhỏ ở Hải-phòng được mang tên ông.

Thời kháng chiến, chánh quyền thực-phong Pháp-Việt khai sinh bến Bạch-Thái-Buổi. Người Việt độc-lập nay chẳng lẽ lại chẳng dám làm hơn hay sao ?

Giới học hỏi cùng làng văn làng báo đã buồn lòng khi thấy thủ-đô nước Việt tự-do chưa có tên đường Nguyễn-Văn-Vĩnh.

Giới kinh-tế cũng chẳng vui gì lúc chẳng tìm đâu cho thấy tên Bạch-Thái-Buổi tại đầu một con đường — dù là một con đường nhỏ — tại thủ-đô nước Việt Cộng-hòa.

Trong khi đó, dân Việt lại được nhìn bao người được vinh dự lịch sử ấy, mà họ đã làm gì cho nước non này : như Huỳnh-Quan-Tiên, như Tổng-đốc Lộc, như Tổng-đốc Phương, như Bùi-Quang-Chiêu (1), ... Vì thế, một ước mong : ước mong bất công kia được xóa.



PHỤ VÀI GIAI-THOẠI

I. — Thoát tay giặc, nhờ tài đánh đáo

Lúc ấy, người Pháp chưa bình định hẳn miền Bắc nước Việt. Giặc chồm giặc lủ như ong. Cậu bé họ Bạch — mới lên mười — bị chúng bắt. Có lẽ biết cậu là con nhà giàu, bọn chúng nhốt cậu trong một lều nhỏ, ở giữa rừng, để làm con tin, và giao cho hai tên canh gác.

Buồn, hai tên « chúa ngục » tạm thời này bày trò đánh đáo để giết thì giờ. Đứng trong nhà giam, nhìn ra, thấy chúng

(1) Theo Thuần-Phong trong « Sài-gòn — Chợ lớn chỉ nam » thì :

Huỳnh-Quan-Tiên : « từng - chinh sang Pháp trong trận 1914 - 1918, bỏ dụng trong lò thuốc súng Toulouse, bị bệnh và mất, tại thương-binh bệnh-viện Toulouse, ngày 29-8-1916. » Còn những Tổng-đốc Lộc, Tổng-đốc Phương, Bùi-Quang-Chiêu, Lê-Quang-Liên là những người cộng-tác viên rất đặc-lực của người Pháp (quân-sự, hành-chánh, chánh-trị) lúc họ mới chiếm miền Nam nước Việt hay khi đã hoàn thành cuộc đồ-hộ.

chơi tồi quá, cậu bèn lớn tiếng : « Hai bác đánh đáo gì mà xoàng thế ! Đề tôi dạy hai bác đánh ». Bị chọc tức, và nghĩ rằng giữa rừng rậm, thằng oắt con này liệu trốn đi đâu, chúng cho cậu ra. Cậu thử sức với chúng, thắng chúng dễ dàng, làm chúng phục, chúng nhờ cậu chỉ cho vài mảnh khoé.

Thế rồi, lợi dụng dịp may, này cậu Bưởi lên trốn thoát và lần mò về đến nhà, trong khi cả gia-dình đang khóc cậu.

II.— Một đám cưới không có chàng rể

Sau chuyến đi Pháp về, thì bà vợ hai lần sanh con trai đều bỏ hết. Gia-tộc lo ngại, quyết định cưới vợ thứ để có người nối dõi. Vợ lớn ông cũng tán thành.

Ngày cưới gần đến, thì « tai nạn » xảy ra.

Sau một đám nhậu nhẹt với bạn bè, chàng trai sắp có điểm phúc làm chồng... hai vợ ấy ra về, hơi ngà ngà. Rủi một ông quan nhớn ta đi qua phố ấy, « tiền hô hậu ủng ». Thấy anh chàng họ Bạch không nép bên đường, kính cần đứng im như thiên hạ, mà lại có vẻ nghênh ngang trong đường đi nước bước, đoàn tùy tùng bèn ra oai bắt nạt. Song dụng phải con người tánh nóng, ngang, thêm có hơi men trợ lực, nên đám người nạt người kia bị nạt lại :

« Đường Nhà-nước làm cho mọi người đi, chớ có phải làm riêng cho quan nhớn quan bé đâu mà ép người ta phải nhường, phải tránh. Làm quan là ở công-đường, chớ ra đường thì ai cũng như ai ! Thằng này chả nhường cho thằng nào cả ! »

Kết cục chẳng cần chờ đợi lâu : bị bắt, bị tống vô nhà lao, đề đủ thì giờ mà ngắm nghĩ về luật di đường !

Và đám cưới đành cử hành vào ngày giờ đã định, không có chàng rể cạnh cô dâu.

Không thể làm tròn bổn phận làm chồng đối với người vợ... thứ hai, thì họ Bạch lại như cái « tai nạn » này để làm tròn bổn phận đối với con người hiếu học ở trong mình : học chữ Hán với một bạn đồng lao.

III.— Còn người chẳng còn ta

Bạch - Thái - Bưởi rất nóng, và khi đang cơn nóng, thì không kể gì nữa.

Trong một cuộc hội-ngộ về kinh-tế lý tài, có đại biểu Bắc-Trung-Nam, ông đã đứng về phe người dân bị trị mà công kích chánh sách kinh tài của Nhà-nước bảo hộ. Toàn quyền Robin tức quá, đe ông ngay giữa hội-ngộ :

« Nơi nào có Robin, thì không có Bạch-Thái-Bưởi ».

Ông trả đũa ngay :

« Nước này còn Bạch-Thái-Bưởi, thì không còn Robin ! »

Ai cũng ngại cho ông. Nhưng người Pháp đang cầm đầu cõi Đông-Pháp này chỉ phì cười, và chẳng làm gì phiền con người đã lớn tiếng đối chọi với mình tại một chỗ toàn người tai mắt.

IV.— Dạy con

Có hôm ông dẫn các con đi chơi với ông suốt buổi sáng, vào mỏ này, đến xóm thợ nọ, dừng lại chợ nhỏ kia. Rồi cách một tuần sau, ông cho gọi lại, bảo thuật

lại những điều nghe thấy cùng cảm nghĩ. Các con cái được một phen toát mồ hôi: tường theo cha là đi chơi rong, chớ có dè dặt mà quan-sát, mà nghĩ suy, mà ghi nhớ.

Lại có hôm, một cô gái cho một bà ăn xin một xu. Ông thấy, sa sầm nét mặt, bảo vào phòng riêng. Cô gái chưa hiểu sao bố thí cho người nghèo già cả lại làm cha giận, thì ông xách tai, dạy:

« Cách con cho làm người ta tủi. Đứng xa mà thấy đồng xu vô nón, là mất dạy. Từ rày, có cho ai, con phải đến gần người ta, đưa tận tay, hay dè vào nón. Con mà tái phạm, thì coi chừng thầy ! »

★

Tới đây, chúng tôi xin sao lục ít câu thơ của một nhà nho mừng ông lúc sinh thời để gọi là kết thúc phần phụ này :

*Buôn bán như ông nhất nước nhà,
Tiếng tăm lừng lẫy khắp gần xa.
Cờ vàng gió phất miền Nam-hải,
Hiệu Bạch in son cột Bắc-hà.*

.....
.....

*Công-ty thịnh vượng trăm năm mãi,
Quyền lợi ta cầm lấy của ta.*

Đông-Giang PHẠM-ĐÌNH-TRÁC
(Nam-phong, số 18, tháng 12-1911)

TÂN-FONG-HIỆP

★ Một người trung chính và có thiện-tâm không chịu để cho khuyết-điểm hoặc độc ác của người đời lung lạc được mình.

Không đòi hỏi sự tuyệt-đối, người ấy biết gạt lọc lấy cái tinh-hoa ; trong lý-thuyết nào, người ấy cũng thấy có nhất điểm chân-lý ; trong con người nào, người ấy cũng thấy có nhất điểm lương-tâm ; trong mỗi hạt đậu nhỏ nhit, người ấy thấy tiềm ẩn một cái cây rườm rà.

Tha tội con quạ mà làm tội con bồ câu

Tòa thẩm sát tha tội con quạ mà làm tội con bồ câu (Dat veniam corvis, vexat censura columbas), đó là câu thi-sĩ Juvénal đặt vào miệng nàng Laronia và dùng làm câu kết cho lời biện-hộ của nàng chống lại các nhà khắc-kỷ chủ-nghĩa đã quyết-liệt đả-kích phái yếu. Câu ấy đời sau thường dùng để nói về người chỉ biết hành hạ kẻ vô tội mà không biết triệt-hạ kẻ độc-ác đã gây nên tội.

Cá-tính văn-học miền Nam

★ ————— VÕ-PHIẾN

HỒI năm 1949, Hoài-Thanh có xuất bản một quyển sách ở liên khu 10, nói về truyện Kiều (1) Đề khen rằng Nguyễn-Du tả Kiều rất là hay, ông ta có đem những đoạn Đỗ-Chiêu tả Nguyệt-Nga ra so sánh, nêu lên các chỗ dở mà cười. Chuyện đó thật dễ, là vì so với truyện Kiều thì Lục-Vân-Tiên kém xa. Nhưng có điều Hoài-Thanh lại nhận đó giảng giải luôn rằng sở dĩ Đỗ-Chiêu kém như thế là vì sáng-tác trong chế độ phong kiến lúc suy tàn : « sức sống phong kiến đã quá khô héo không còn đủ cho văn-ngệ phong kiến tạo nên được những con người sống thực ». Điều đó chắc ai cũng cho là một lối giảng giải hàm hồ. Bởi vì thời đại Nguyễn-Du nào có hơn gì thời Đỗ-Chiêu ? Chính Hoài-Thanh ở một đoạn sau, viết về thân thế Nguyễn-Du cũng nói rằng : « Nguyễn-Du sinh năm 1765. Kể từ Lê-Lợi đánh quân Minh dựng nước đến bây giờ đã có hơn ba trăm năm. Sau ba trăm năm ấy chế độ phong kiến ở nước ta đã suy vi đến cực độ ». Một người ở vào thời « phong kiến quá khô héo » với một người ở vào thời « phong kiến suy vi đến cực

độ » thì có ai mảy mẩn gì hơn ai đâu ? Sao lại đem chi chuyện đó để giải nghĩa cái hay cái dở cho dăm vào sự mâu thuẫn buồn cười ?

Ngoài Hoài-Thanh ra, nhiều người khác cũng nghĩ ngợi về cái dở trong văn Đỗ-Chiêu. Phan-Văn-Hùm nhận rõ rằng : « Xem Ngự tiều vấn đáp, xem Dương từ — Hà mậu, nhất là xem tác-phẩm rất dung thường của tiên sinh là quyển *Lục-Vân-Tiên*, ta sẽ thấy những chỗ bơ thờ, lạt lẽo, sống sượng, lúng túng, vụng về, không có chút gì văn vẻ cả » (2). Cái dở trong văn chương mà cũng khiến cho người ta băn-khoăn suy nghĩ và đi tìm nguyên nhân cái nghĩa thì là một sự lạ. Phan-Văn-Hùm cái nghĩa rằng người ta đọc văn Đỗ-Chiêu là bởi chuộng người có tiết tháo hơn là vì nghệ-thuật, còn Đỗ-Chiêu cũng chỉ muốn viết sách để bày tỏ chí khí và dạy đời chứ không cốt làm văn chương. Ông Phan cho rằng giá ông Đỗ mà chịu « phí thêm thì giờ, thao luyện văn thơ, thì tiên sinh quyết cũng làm nên văn thanh thoát ».

Ông Hà - Như - Chi cũng đoán thế : Nguyễn-Đình-Chiêu nếu muốn tài hoa mỹ

(1) Quyển sống của con người trong truyện Kiều của Nguyễn-Du.

(2) Nỗi lòng Đỗ-Chiêu (Phan-Văn-Hùm).

lệ thì cũng rất có thể tài hoa mỹ lệ » (3) như ai !

Nghe giọng nói đó, người ta có cảm-tưởng rằng ông Phan và ông Hà lại cũng quá mến trọng tiết tháo của cụ Đồ-Chiều, nên không ngừng lại ở một nhận xét khách-quan, mà còn tìm cách biện bạch che chở khuyết-diểm của cụ Đồ. Luận điệu hai ông thoát tiên quả có vẻ kỳ cục. Phàm người ta xét văn thường chỉ nhận cho là hay hay dở, chứ gặp văn dở mà dám đoán thêm rằng đó là tại tác-giả không muốn viết hay thì người phê-bình đi có hơi quá xa rồi đó ! Vả lại viết văn để răn đời, tỏ chí, giải bày tâm sự, thì xưa nay biết bao nhiêu người đã làm như thế, có phải đó là lý-do để viết ra văn dở đâu ? Nói ngay về Nguyễn-Du, người ta cũng cho rằng người viết truyện Kiều chẳng qua là muốn ký thác một tâm sự, chứ đâu phải cốt hăm hở « phí thì giờ, thao luyện văn thể » chăm chỉ làm ra tác-phẩm văn-chương để đời, vậy mà cứ thành văn hay.

Tuy nhiên, luận-diệu của hai ông Phan và Hà thoát tiên như kỳ cục mà ngầm nghĩ vẫn có chỗ lý thú. Người ta tự hỏi có chẳng một hạng tác-giả « rất có thể tài hoa mỹ lệ » mà không chịu khó làm ra tài hoa mỹ-lệ, « quyết cũng làm nên văn thanh thoát » mà không chịu khó làm ra văn thanh thoát ? có chẳng một hạng tác-giả tánh tình xuề xòa dễ dãi quá như vậy ? — E rằng cũng có ! Nhiều người kể lại trước đây không lâu ở Sài-gòn nữ-sinh trung-học tóc thề cứ ngang nhiên mặc áo bà-ba đội nón cối đi học, mà ngay mới hồi trước phong-

trào di-cư vừa rồi phụ-nữ miền nam phục sức cũng giản-dị, xuềnh-xoàng hơn bây giờ nhiều lắm. Sự chú ý chăm chút đến một màu quai nón, đến hình dáng đôi guốc, đến một kiểu tay áo, cổ áo, không phải là bản-tính của họ. Phụ-nữ đã vậy, nói gì đàn ông ? Mà người ta đã dễ dãi như thế trong sự làm đẹp bản thân thì người ta cũng rất có thể dễ dãi về quan-niệm cái đẹp trong văn-chương. Trong thái-độ thường-thức cuộc sống, chúng ta còn nhiều dịp thấy người miền Nam tránh mọi sự cầu kỳ. Chỉ ở Bắc mới có người ăn uống kiểu-cách như Tân-Đà và luận bàn về cách ăn kỹ-lưỡng như Tân-Đà, mới có kẻ đi ném đủ thức ăn ở Hà-nội 36 phố-phường rồi viết thành sách, mới có người tinh-tế đến nỗi đất nước chia đôi, cách xa quê hương lâu rồi mà vẫn nhớ rõ mùi vị từng miếng ngon Hà-nội. Như thế cũng là vì miếng ăn ở miền ngoài nấu nướng thật là công-phu khéo léo. Còn như ở trong này cách nấu nướng thường thường giản-dị, nhiều khi chỉ nướng hay luộc, ít gia-vị ; món ăn như lươn, ếch, thịt bò vân vân... ít bị chế biến mất hương-vị thiên-nhiên. Nghe tên một món ăn như món « bò búng » người ta đã thấy cái tâm-lý không có chút nào kiểu cách của người thực khách trong Nam. Ở Sài-gòn Chợ-lớn, theo lời một ký-giả nhật-báo, không có tiệm nào chế được bình trà ngon, vì rất ít gặp hạng khách thích nhắm từng hớp trà tỉ-mỉ.

Ở cái nơi có một cái tập-quán sinh sống, có một thái-độ thường-ngọa dễ-dãi như vậy, một tác-giả không khắt-khe với hình-thức câu văn mình viết ra cũng là tự nhiên. Nhưng ta đã gọi đến tánh xuề-xòa chung cho cả miền Nam thì tức là ta

(3) Việt-Nam thi văn giảng luận.

không muốn nói riêng về « một tác-giả » nữa rồi. Thực vậy, không riêng gì ở Đồ-Chiều, đọc văn của Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh-tĩnh-Cử trước kia, của Hồ-biêu-Chánh, Phú-Đức... sau này, người ta cũng thấy đặc tính ấy.

Những khuyết-diểm hình-thức của câu văn ở trong Nam còn có lý-do khác, mà ông Thanh-Lãng nói rất đúng : «... các nhà văn miền Bắc, có lẽ vì uyên-thâm nho học hơn, nên khi viết văn đã chịu sức tác động của văn chữ Hán rất mạnh : câu văn đặt dài, cân xứng, đối chác và điểm xuyết nhiều Hán tự. Ngược lại, lối văn trong Nam là lối văn đơn sơ, mộc mạc, dùng hầu toàn chữ nôm ; cách đặt câu có vẻ cục cằn, vắn tắt, không xét gì đến cân xứng đối chác » (4). Vả lại theo tình trạng văn-học chung thì đến thế-kỷ thứ 19 nền văn-học quốc-âm của ta đã phát-triển đến độ cực-thịnh, kỹ-thuật thi ca Việt-nam đã đạt đến độ rất cao, nhưng thuở ấy miền Nam là đất mới khai phá, việc học hành thi cử bắt đầu chưa bao lâu, người miền Nam tham dự vào hoạt-động văn-học còn mới mẻ quá, nên cùng là tác-giả một thời-đại mà nhà văn miền Bắc có cái lợi được sử dụng một ngôn ngữ đã thuần thục hơn.

Nhưng điều chúng ta chú ý đến lần này không phải là ảnh-hưởng đậm hay nhạt của Hán học, hoặc quá khứ văn-học lâu dài hay ngắn ngủi, mà là một vài yếu tố tâm-lý nó làm ra cá-tính của miền Nam cùng với ảnh-hưởng của cá tính ấy trong văn học. Bởi vì từ đây về sau chắc chắn ảnh-hưởng đó càng ngày càng quan trọng thêm nhiều.

Vừa dễ dãi xuề xòa, người Việt miền Nam vừa mau mắn hoạt-bát. Giọng văn của

các tác-giả trong Nam có một vẻ gì rất khỏe khoắn, nhanh nhẹn. Cho đến cách xây dựng cốt truyện cũng thế. Truyện của Đồ-Chiều, tiểu-thuyết của Hồ-Biêu-Chánh, cách kết-cấu không có gì là chặt chẽ khéo léo, không tỏ ra tốn nhiều công-phu, nhưng bao giờ cũng linh-động. Ở những tác-giả lớp sau như Bình-Nguyên-Lộc và Sơn-Nam, kỹ-thuật đã điêu-luyện hơn nhiều, cốt truyện và lối viết văn giữ đặc-tính truyền thống đó. Người câu chấp sẽ trách Bình-Nguyên-Lộc ở chỗ ông để cho bốn cô gái ông Nam-Thành trong *Đồ đọc* nối tiếp nhau xuống thang gác trình diện anh Long, rồi hai cô nối nhau đi tự-tử, rồi lại ba cô nối tiếp nhau đi lấy chồng. Tác-giả như tưởng hơi lơ-dãng, không quan tâm mấy đến sự sắp đặt cuộc đời của các cô. Nhưng sự lơ-lãng đó lại có vẻ tài hoa, phóng khoáng, nghịch-ngợm. Nếu Bình-Nguyên-Lộc chăm chút nhân-vật mình hơn, « có trách nhiệm » hơn chút nữa, ông sẽ mất cái thái độ thành thơi khinh khoái nhẹ nhàng rất đẹp để ấy đi. Hồi 1956-1957 (?), trong tạp chí Nhân-loại, Sơn-Nam có đăng mỗi kỳ một cái truyện nhỏ về phong tục ở miền quê Nam-Việt, truyện nào cũng lý thú và xây dựng một cách giản dị dễ dàng. Người đọc có cảm-tưởng tác-giả viết khỏe như bốn Vì thế mà đọc càng thấy lý thú. Chính vì không thấy công phu bố trí xếp đặt nên mỗi cảnh đời, mỗi câu chuyện, mỗi nhân-vật mang vào trong truyện còn nguyên vẻ linh-động như chưa rời khỏi khung cảnh sinh-hoạt ngoài trời đất bao la. Người ta nghĩ đến những con cá ẩn câu vừa giật lên khỏi mặt nước, còn tươi sống dẫy dảnh-dạch !

Nhưng « anh hoa phát tiết ra ngoài » rục rỏ cũng là điều không tốt. Những người

(4) Biều nhất lãm văn-học cận-đại.

hoạt bát nhanh nhẹn thường thiếu đi sự thâm-trầm, sâu sắc. Người lanh lợi có thể chỉ nhìn qua một thoáng là đã nhận xét tâm-lý kẻ khác rất nhanh chóng, sở trường của họ không phải ở chỗ triển-miền trong sự suy tưởng sâu xa về những hoạt-động rắc rối của tâm-giới. Chúng ta không gặp ở miền Nam những tác-giả như Nguyễn-Tuân, suy nghĩ tần mần dài dòng suốt đôi ba mươi trang tùy bút vì một ngọn gió giục lên đường, hoặc một tác-giả phân tích tỉ-mỉ một trường-hợp tâm-lý do dự như Thạch-Lam trong *Sợi tóc*. Tỉ-mỉ không phải là tính người miền trong. Ở ngoài đời, đó là một đặc-điểm tâm-lý rất quý, những người như thế đáng tìm đến mà giao thiệp. Nhưng mà nhân-vật tiểu-thuyết không cần gần gũi kẻ tốt bụng ! Những kẻ hay xoi bói khó chịu nhất, hay tìm tòi khai quật những hắc ám giấu giếm kỹ trong tâm-hồn nhất, lại là những kẻ có công tác-thành đối với họ, làm cho họ mau có hình dáng bản sắc, mau « nên người ». Cho nên sự cạn cợt của cụ Đồ-Chiều đã hại Lục-Vân-Tiên nhiều lắm khi chàng thanh-niên đó gặp gái đẹp lần đầu. Chàng hồ « khoan khoan » không cho Nguyệt-Nga xuống xe, chàng ngoảnh mặt làm ngơ không nhìn trộm, rồi nghe cô gái xin làm thơ thì :

« *Vân-Tiên* nói lại rằng : « *Ừ,*

Làm thơ cho kịp một giờ chớ lâu ».

Giọng điệu của chàng có vẻ hách quá ! Người thanh-niên văn võ toàn tài ấy chỉ vì chỗ tâm-lý thiếu tế-nhị mà bị người đời sau chê cười, nhạo báng mãi. Tôi chắc nếu chàng mà biết được những lời chế giễu của Hoài-Thanh thì chàng sẽ oán-

trách cụ Đồ-Chiều vô cùng vì cái tính hời hợt của cụ.

Không sở-trường về những phân tích tâm-lý sâu xa tinh-tế, tác-phẩm các nhà văn miền Nam quặn-rủ bằng sự hoạt-động. *Đồ đạc* là một quyển truyện tâm-lý, nhưng mà các tình tiết luôn luôn diễn biến nhanh nhẹn bất ngờ. Chúng ta chê Hồ-Biểu-Chánh cạn cợt, kể chuyện chỉ phác qua lướt phớt tâm-lý các nhân-vật, không chịu ngừng lại phân tích cho tử tế. Nhưng giới bình-dân trong Nam lấy làm thú một phần ở chỗ động-tác trong truyện biến chuyển nhanh thoăn-thoắt. Cũng không phải tình cờ mà Phú-Đức viết một pho truyện dài như *Châu về Hợp-phố*, nhìn vào trang nào trong đó cũng toàn những hoạt-động hoa cả mắt. Đọc xong một tác-phẩm của miền Nam, rồi đọc tới *Lửa thiêng* của Huy-Cận hay *Quê hương* của Nguyễn-Tuân chẳng hạn, người ta có cảm-tưởng đang đi dạo giữa buổi mai đẹp dưới trời xanh, ánh nắng nhấp nháy trên muôn hoa lá, bướm bay chim hót tung bừng xung quanh, bỗng lạc chân bước vào một con đường tĩnh mịch, hơi tối và lạnh, một nơi yên lặng, thuận-tiện cho sự trầm ngâm suy tưởng, nhưng dần ta đi tách lìa ra xa cuộc sống náo nhiệt.

Nhân nói về sự hoạt-động, tôi nghĩ đến quang cảnh những đường phố ở trong Nam. Sự thật thì một người từ Trung, Bắc vào, vừa đi qua Nha-trang đã để ý đến hiện-tượng ấy. Quán ăn ở các thành-phố miền trong thực là rộn rịp đông đúc, thường khi tràn ra đến ngoài lề đường. Người trong này thường ăn ở quán, kéo cả gia-dình và bạn bè ăn uống ở quán, trong khi người miền ngoài thích khung cảnh ấm cúng yên tĩnh thân-mật trong nhà.

Dầu khi đến quán, người Trung, Bắc cũng muốn tìm một chỗ khuất và yên tĩnh một chút. Trái lại người Nam không ngần ngại mà có vẻ còn thích những quán lộ thiên sát bên đường đi. Cuộc sống mỗi người ở miền ngoài thu rút vào dưới mái gia-đình, cuộc sống trong này cứ tràn ra ngoài xã-hội rộng lớn náo nhiệt.

Bản tính hiếu-dộng nên nhà văn miền Nam có thể kể một nỗi vui, một nỗi khổ đau, một cơn tức giận thịnh nộ, nhưng lại không hay diễn tả cái thứ buồn uể-oải, thứ buồn nó ngấm trong điệu thơ lục bát của toàn quyền Kiêu như là một cảm-giác tê mõi ngấm khắp gân cốt, tăn mác khắp châu thân của một người mệt nhọc. Nguyệt-Nga cũng có lúc khổ đến tự tử, nhưng không có khi ngồi như Kiêu ở lầu Ngưng-bích « buồn trông » chân trời mặt bể. Mà dầu có đứng trước cảnh đó chắc Nguyệt-Nga cũng không tự hỏi cái câu :

« Hoa trôi man mác biết là về đâu ? »

« Hoa trôi về đâu » thì không có gì đặc-biệt. Nhưng thêm bốn chữ « man mác, biết là » làm cho giọng nói dịu dàng thấm một nỗi buồn mênh mông tiêu-cực vô hạn.

Hạng người nào trong đời cũng có thể gặp hoàn cảnh bi-đát dề đau đớn. Nhưng buồn rầu nhẹ nhàng vì một cảnh

« Bèo dạt về đâu hàng nối hàng » hay vì một cảnh « dèo cao quán chật », một cảnh « trời rộng nhớ sông dài », thì hạng người đó phải trầm tĩnh lắm. Chỉ có những tâm-hồn quen với quạnh hiu cô tịch mới hay có những xúc-dộng như thế. Người miền Nam thích sự hoạt-dộng quá. Cái hay của họ phải tìm về một hướng khác.

Chẳng hạn nhờ tính hoạt-dộng, nhờ trí óc lanh lợi bén nhạy luôn luôn nảy bật ra sáng kiến mới mẻ, gần như nhà văn nào trong Nam cũng có một sức sáng tác thật dồi dào, đó chẳng phải là một ưu-diễm cho các tác-giả miền ngoài ao ước sao ? Người ta nói nhiều đến sự nghiệp đồ sộ phi-thường của Trương-Vĩnh-Ký : con người minh-mẫn sắc bén và rất hoạt-dộng ấy, trong sự tìm tòi khảo sát đã nhảy băng từ sinh-vật học Tây-phương đến triết-học Đông-phương, từ văn-chương bình-dân Việt-Nam đến sách vở kinh điển La-mã Hy-lạp, đang lúi húi nghiên-cứu về con bọ rầy bống đi dịch và chú thích Tứ thư Ngũ kinh, đang kể chuyện đời xưa « Bụng làm dạ chịu » bống đi làm tự điển và viết sử. Vừa bằng ngoại-ngữ, vừa bằng tiếng nước nhà, tác-giả đó đã đề lại một sự nghiệp trước tác ghê gớm về số lượng. Sau này viết tiểu-thuyết mà được nhanh được nhiều như Hồ-Biêu-Chánh, Phú-Đức, Bình-Nguyên-Lộc v v... các nhà văn có tiếng ở miền ngoài cũng ít ai bằng.

Viết được như vậy tất nhiên họ có trí tưởng-tượng phong-phú lắm. Trí tưởng-tượng ấy thừa sức đề vẽ ra những cảnh tượng ly kỳ, bày ra những câu chuyện lạ lùng quái đản, nhưng đôi khi có hơi ngầy thơ, khó tin. Nếu muốn bới tìm những chỗ sơ hở vô lý trong các cốt truyện của Hồ-biêu-Chánh và ngay đến của Bình-nguyên-Lộc nữa, cũng không thiếu gì. Họ bay đuổi theo sự tưởng-tượng phơ-phới mà ít quan-tâm đến chi-tiết lắm.

Giỏi tưởng-tượng thì tội gì chẳng đặt chuyện ma ! Bởi thế chuyện ma quỷ cũng có mà chuyện đánh nhau bắn nhau cũng có vô số. Đánh bắn nhau thì kịch-liệt

dữ-dội có thừa, nhưng khung-cảnh không có gì rùng rợn bí hiểm lắm đâu. Ma quỷ thì vẫn biến hóa đủ cách tài tình nhưng không lấy gì làm khủng-khiếp. Đọc *Trại Bồ-Tùng-Linh* của Thế-Lữ, người ta thấy rờn-rợn tuy rằng người con gái trong truyện vẫn nguyên là một người con gái thường từ đầu đến cuối, không biến ra mặt xanh, lè ra lưỡi đỏ lần nào : cái ma trong truyện chỉ là một khung-cảnh ma, một không-khí ma mà thôi. Gần đây, Phong-Ngạn viết *Tân Liêu-trai*, lại cũng một tên sách nhắc đến Bồ-Tùng-Linh. Ở đây ma nhiều hơn, biến hóa ly kỳ hơn, nhưng toàn quyền truyện không thể bảo là đem đến cho ai một cảm-trưởng sợ hãi nào. Trái lại, có thể coi đó là những mẩu chuyện vui. Ông Phong-Ngạn kể thoăn-thoắt một lát, xem chừng người ta hơi lo lắng, ông đã vội vàng cười xòa bảo ngay cho biết là nói dối cho vui đấy thôi. Tôi đã bảo người miền Nam thực đáng tìm đến mà kết thân ! Có muốn nát người một chút mà chơi, họ cũng không nát được : họ nhanh nhẹn, dí-dỏm, nhẹ tính, cạo-cọt quá. Trong tâm-hồn họ không có chút hắc ám nào, nên làm sao họ hình dung ra được một cảnh âm-u, nặng nề tử-khí, ghê rợn. Sơn-Nam nhắc tích cũ ở miền Hậu-giang không thiếu gì chuyện hùm thiêng rắn dữ, chuyện hoang đường ma quỷ, nhưng cũng không nhằm gây ra cảm giác kinh sợ hãi hùng. Câu văn ngắn ngắn nhẹ nhàng, Sơn-Nam kể lúc nào cũng có nụ cười trên môi, làm cho ma quỷ trông có vẻ ngộ nghĩnh hơn là hung-ác, cảnh âm-ti sáng sủa lên nhiều lắm. Ma cộp ở rừng Càmau của Sơn-Nam không giống ma cộp ở rừng núi Bắc-Việt của Lan-Khai chút nào. Cái

khác đó không phải bởi ma cộp khác loài mà bởi người khác tính.

Con người còn có thể bị một thứ ám ảnh khác cũng khủng-khiếp không kém ma quỷ : đó là những thắc mắc siêu hình. Ý nghĩa cuộc đời, ý nghĩa sự sống và cái chết, thân phận con người trước vũ-trụ bao la, những vấn-đề cũ kỹ đó từ xưa đến giờ thỉnh-thoảng lại thấp thoáng chờn vờn hiện lên trong các tác-phẩm văn-ngệ như những bóng ma truyền kiếp không sao xua đuổi cho tan biến được. Hiện lên để gây sự bối rối hoăng hốt.

Những thời kỳ sống êm gió lặng, cuộc sống xã-hội tiếp diễn đều đều, người ta có thể nguôi ngoai. Nhưng lâu lâu, đời sống bị một phen xáo trộn điên đảo, những giá-trị cũ bị phá đổ, người ta hoăng hốt khắc khoải đặt lại những vấn-đề trên. Hồi Khổng-giáo bị tư-tưởng Tây-phương lay đổ, giọng Xuân-Diệu cuống quýt vì lo hãi tuổi xuân với kiếp người ngắn ngủi, Huy-Cận bị ám ảnh bởi tính-cách mang mang của trời đất vô cùng khiến con người trở trời thực là bơ vơ lạnh lẽo. Trong văn xuôi, Hoàng-Đạo cũng đưa ra một anh Duy vừa chơi bời vừa thắc mắc suy nghĩ ý nghĩa đời sống của mình.

Sau cuộc chiến-tranh thứ hai, đời sống con người lại xáo trộn lần nữa. Lại nổi lên bao nhiêu là hoang mang. Ngày nay, những nhân vật tiểu-thuyết trong *Bếp lửa*, *Bốn mươi*, *Sáu cô-nương*, *Thần tháp rùa* v. v. . . cũng trải qua một cuộc khủng hoảng tin-tưởng, có lẽ còn quan-trọng hơn lần trước. Anh chàng Duy trước kia rồi nhờ tình yêu, nhờ xem sách, ngắm giàn đậu vãn nghĩ ngợi có thể tìm ra « con đường sáng ». Chứ bây giờ những

người thanh-niên do Thanh-Tâm-Tuyền và Mặc-Đỗ giới-thiệu vẫn cứ kéo dài cuộc sống lộn xộn không mục-dích cho đến trang sách cuối cùng của họ. Muốn biết hồi sau phân giải thế nào, e còn phải chờ lâu.

May làm sao phần đông các tác-giả miền Nam đều khỏi biết đến cơn khủng-hoảng ấy. Đó là phần thưởng dành cho những tâm-hồn giản-dị, hồn-nhiên, lạc-quan. Nhân-vật của Bình-Nguyên-Lộc, của Sơn-Nam cũng trải qua mọi thế thảm của chiến-tranh, cũng khổ sở đủ điều, họ cũng thở than buồn phiền, nhưng họ không đến mất tin-tưởng ở cuộc đời. Vợ chồng cha con ông Nam-Thành trong Đò dọc bị cảnh nghèo ở quê thì ra đô-thị sinh sống. Lại gặp thời cuộc biến đổi, bị khó khăn ở đô-thị họ liền vui vẻ ríu rít kéo nhau về quê. Trông họ nhẹ nhõm, vô tư lự. Những ông bác-sĩ, luật-sư, những thanh-niên giàu sang mà bối rối trước thời cuộc, đang gặp tai họa lớn trong đời sống tinh-thần và đang ngằn ngor trong các cuốn tiểu-thuyết của Mặc-Đỗ, họ có thể ngừng uống rượu lại một chút lái xe Hoa-kỳ tìm đến gia-dình ông Nam-Thành mà mua chiếc áo lót, vì ở đây chắc chắn họ gặp những kẻ sung sướng. Lẽ cố nhiên ở đời làm gì có kẻ sung sướng tuyệt đối. Miễn được tính vô tư như thế là tiên trên đời rồi.

Hoài-Thanh so sánh hai cảnh tự trầm của Thúy-Kiều và Nguyệt-Nga. Ông nói : « Trước khi chết Kiều bị ám ảnh vì cái cảnh trời cao sông rộng. Hình như nàng cảm thấy cái bé nhỏ của mình và thấy ngợp trong khi đi vào cõi chết mệnh mông. Chỉ có mấy câu thơ mà ba bốn lần lấy đi lấy lại cái ý mệnh mông.

*Cửa bỗng vội mở rèm châu,
Trời cao sông rộng một màu bao la.*

.

*Thôi thì một thác cho rồi,
Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông.
Trông vời con nước mệnh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng giang.*

Chúng ta liên tưởng đến cái rợn ngợp của Pascal trước cái vô cùng của vũ-trụ ».

Nguyệt-Nga thì không nhìn trời đất gì cho mất thì giờ. Nàng chỉ :

*Than rồi lấy tượng vai mang
Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy ngay.*

Hoài-Thanh hỏi : « Việc gì mà vội vàng nhảy ngay ? Nguyệt-Nga nhảy xuống sông tự-tử mà vô tâm như người ta nhảy trên sân vận-động. Nhịp điệu câu thơ cũng gấp gáp, láu táu đến buồn cười ». Như ta đã biết, Hoài-Thanh cho rằng sở-dĩ Nguyệt-Nga đến như thế là vì sức sống chế độ phong-kiến thời cụ Đồ-Chiều quá khô héo, không còn đủ cho văn-ngệ phong-kiến tạo ra được những nhân vật ra hồn. Hoài-Thanh sống trong một xã-hội mà mọi người đua nhau nói chánh-trị cho nên ông cũng đem một lý do chính-trị ra nói vậy thôi. Nhưng hiểu được sự giải thích của ông cũng khó lắm thay ! Chúng ta chỉ ghi nhận sự vô tâm của Nguyệt-Nga mà khoan tìm cách lý giải. Nguyệt-Nga không có cái rợn ngợp trước vũ-trụ vô cùng. Nhưng chỉ vô tâm như thế cũng chưa đáng xử cho là không thành người !

Sau Nguyệt-Nga, trong văn chương miền Nam rồi vẫn còn có thiếu nữ yêu đương, gặp nghịch cảnh, và cũng tự-tử

nữa, sau Lục-Vân-Tiên rồi vẫn còn có thanh niên gặp hoạn nạn, hoặc họ phản ứng dữ dội tung hoành dọc ngang, hoặc họ tiêu-cực trách nhân tình thế thái, nhưng ít thấy kẻ nào bị xáo động mà cảm thấy mình bơ vơ trước hư vô và kêu lên :

« Không gian ôi ! Xin hẹp bớt mông mênh »...

Cuộc đời còn dài, cá tính của một miền cũng như của cả một dân tộc không phải là cái gì cố định, không thể biến hóa. Suy nghĩ về một đôi nét cá tính đó cũng không phải là có ý gì phân biệt Bắc Nam, rạch chia ranh giới trong văn chương. Sài Gòn trong giai đoạn lịch sử này đã thành ra thủ đô cả nước, thành trung tâm hoạt động văn-hóa, cá tính của Sài Gòn, của miền Nam chẳng bao lâu sẽ ảnh hưởng mạnh đến xu hướng chung của văn học trong nước mà không còn là cá tính địa phương nữa. Vì lẽ đó mà dò dẫm về một hướng phát triển văn-nghệ trong tương lai, chúng ta không thể bỏ qua việc tìm hiểu cá tính văn học miền Nam. Nghĩ về cá tính miền Nam chẳng qua chỉ là bản khảo về một phương diện trong vấn đề định hướng văn-nghệ lúc này.

Miền Nam còn trẻ quá, chưa có thì giờ xây dựng những thành tích to lớn về văn-học. Nhưng chính vì còn trẻ mà miền Nam dám đi trước miền Bắc. Trước đây một trăm năm, trên địa hạt văn-học, miền Nam đã làm một kẻ tiên phong, tuy thiếu tế nhị tao nhã, nhưng liều lĩnh gan dạ, làm công việc khai sơn phá thạch, dặt dừ miền Bắc tiến theo con đường Âu-hóa : những văn-phẩm đầu tiên viết bằng quốc-ngữ in bằng

bằng mẫu tự La-tinh ra đời ở miền Nam, tờ báo đầu tiên khai sinh ở miền Nam, lớp nhà văn dùng ngòi bút sắt xuất hiện đầu tiên ở miền Nam với Trương-Vĩnh-Ký. Những sinh-hoạt tiên-phong đó rồi lôi cuốn cả văn-học toàn quốc về một hướng mới.

Ngày nay, lại vì những biến cố chính-trị nữa mà Sài Gòn đóng vai trò lãnh đạo ở phần đất tự do nước ta. Ngót một triệu người, trong đó có rất nhiều văn nhân nghệ-sĩ, dồn vào sinh sống ở miền Nam, đã mang vào đây một không khí mới, đã du nhập vào đây nhiều tập tục hay, nhưng rồi nếp tục ăn ở lâu dài trên đất miền Nam làm sao họ giữ mãi được bản sắc của mình. Hoàn cảnh-sinh hoạt mới, nhịp sống mới ở miền Nam chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến tâm hồn họ và đến những sản-phẩm văn-nghệ của họ. Rồi đây kỹ-thuật tinh-vi trau chuốt của văn-học miền Bắc phối-hợp với tinh-thần dễ dãi, hoạt-bát, hiếu động, lạc-quan của miền Nam biết đâu không làm nên một đặc-điểm của nền văn-học mà thể-hệ chúng ta đang xây dựng ? Nghĩ đến cái cá-tính có nhiều nét trẻ trung của miền Nam, ta nghĩ rằng sự phối-hợp này có thể như là việc tiếp một nguồn sinh-lực mới cho văn-nghệ. Lại cũng giống như chuyện ghép một nhánh cây đã trưởng thành vào một thân cây mới lớn đang độ sung sức.

Nghĩ như thế không biết có phải là một lối nghĩ lạc-quan quá sớm chăng.

VÕ-PHIẾN

Vấn-đề thuốc giả

(PLACEBOS)

Lai-lịch và công-dụng

★ ————— B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

TRONG vòng hơn 10 năm nay, chúng ta thường nghe nói đến những vị thuốc giả, những « thuốc » không phải là thuốc, mà lại được đem dùng để chữa nhiều bệnh thông thường như hen suyễn (asthme), thấp-chần (eczéma), loét dạ dày (ulcère gastrique) v.v...

Những loại thuốc này, y-giới Âu-Mỹ đều mệnh-danh là Placebos. Người Trung-Hoa hiện-giờ dịch là « Khoa-Tâm Hoàn » (thuốc viên để làm cho lòng người được thư-thả, khoan-hòa) hoặc là « an-ủy-vật » (vật dùng để an-ủi bệnh-nhân)

Theo ý tôi, hai chữ người Trung-Hoa dùng chưa hoàn-toàn đúng nghĩa với chữ placebos. Vì đầu-tiên, những vị thuốc này không phải chỉ được dùng với hình-thức thuốc viên như người Tàu đã dịch là Hoàn. (Chúng ta ai đã đi qua những phố hàng Bồ, hàng Buồm ở Hà Nội hoặc ở Chợ Lớn, đều thấy dễ ngoài cửa các hiệu thuốc Bắc, bốn chữ Cao đơn hoàn tán, chữ hoàn chỉ hạng thuốc viên này vậy). Hai nữa là những vị thuốc này không những chỉ có tính-cách an-ủi mà thôi đâu, chính còn có công-dụng để chữa khỏi bệnh là khác nữa !

Nay nếu ta khảo đến nguyên-ủy của chữ Placebos, ta thấy chữ đó là một tiếng la-tanh (latin). Chữ này gốc ở động-từ *placere* (ra tiếng Pháp là *plaire*, làm vừa lòng, làm đẹp lòng ai). Vì thế placebos, nghĩa đầu-tiên dịch ra tiếng Pháp là *Je plairai* (tôi sẽ làm vừa lòng). Danh-từ tiếng Anh *Please* cũng một nghĩa với chữ Pháp: *Pleire* đều ở gốc la-tanh này mà ra. Tuy nhiên chữ placebos không phải vì thế mà được thông-dụng ngay trong y-ngữ. Nó có một số-phận khá buồn cười vì người ta nhặt được chữ này trong một câu thánh-kinh như sau: « Placebos Domino in regione vivorum » (*Je plairai au Seigneur au pays des vivants*). Tạm dịch ra tiếng Việt: « Tôi sẽ làm đẹp lòng Người ở nơi dương-thế ». Câu này trích ở kinh Vulgate 9, Psaume CXIV (đạo Thiên-Chúa).

Đến thế-kỷ thứ 14, trong tiếng Pháp, đã thấy nảy-nở ra một thành-ngữ: *aller à placebos* và có nghĩa là chiều ai, đón ý ai... Mãi đến thế-kỷ thứ 18, ta mới bắt đầu thấy chữ này dùng trong y-giới. Theo các tự-diện thời ấy, *placebos* đã có nghĩa là « một trạng-từ để chỉ tất cả các vị thuốc nào dùng để chiều bệnh-nhân hơn là để

chữa bệnh của họ » (qualificatif donné à toute médication prescrite plus pour plaire au malade que pour son bénéfice).

Đến thời Cách-mạng Pháp, người ta còn chưa thêm vào định-nghĩa chữ ấy : phương-tiện thông-thường để chữa bệnh (méthode banale en médecine). Nhưng dần dần với thời-gian, những loại thuốc này bị lãng bỏ cho đến mãi sau chiến-tranh thế-giới lần thứ hai. Năm 1940, một nhà hóa-học người Anh, ông A.J. Clark có cho xuất-bản một cuốn sách nhan là : « Applied Pharmacology » (Dược-vật-học ứng-dụng) trong đó ông ta có dành riêng loại thuốc « chiều con bệnh » này cho những nhà chuyên-môn chữa bệnh thần-kinh. Tuy những thuốc này không có những tính-chất « dược hiệu » hay « dược lực » (pharmaco-dynamique) thực-sự như những thứ thuốc thông-thường, nhưng tựu chung nó vẫn có công-hiệu trong sự chữa-chạy các « tâm-bệnh », hoặc các bệnh như loại bệnh « đồng bóng » bên nước ta (hystérie, Trung-Hoa dịch là *Ưc-bệnh*).

Với thời-gian và kinh-nghiệm, các thầy thuốc Âu-Mỹ đã có một quan-niệm khác trước về cách chữa bệnh. Họ không còn coi bệnh-nhân như một trường-hợp của một bệnh rõ-ràng hẳn-hoi (la maladie). Họ bắt đầu hiểu mỗi một bệnh-nhân là một thể-giới riêng-rẽ, một vũ-trụ thu nhỏ, một con người có cá-tính đặc biệt với một tâm-trạng riêng, một tiểu-sử riêng, một mối thất tình (dau, buồn, vui, giận, v.v...) cũng khác những người chung quanh.

Năm 1948, trong y-giới Mỹ, một quan-diểm khác cũng được công-nhận. Một số đông bệnh-nhân bị những chứng như hen, loét dạ dày, hoặc những bệnh về tuần-hoàn (maladies de la circulation), đều được

những nhà chuyên-môn về ngành « tinh-thần thân-thể học » (psychosomatique) chữa chạy.

Người ta nghiệm thấy là những cảm-súc, những ý-nghĩ, những mong muốn có ảnh-hưởng lớn đến sự điều-hòa các cơ-quan, các bộ-phận trong người. Và hiện nay các nhà sinh-lý học đã khám-phá ra rằng tinh thần quả là cơ-thể tác-động vào thân-thể, vì sự thực đã chứng tỏ cho người ta hay là mọi cơ-năng trong người đều do những trung tâm tủy-não (centres cérébraux) điều-khiển, mà điều-khiển khéo đến nỗi chúng ta chẳng thấy động-tĩnh gì cả. Tất cả các guồng máy chỉ huy các bộ-phận đều nằm ở trong óc, và bằng một mũi kim điện dùng để kích-thích một vài điểm nào đó trong óc, người thầy thuốc có thể, tùy theo ý muốn, làm cho bệnh-nhân khi thì nôn mửa, khi thì hoảng-hốt sợ-hãi.

Cũng trong hệ-thống tư-tưởng ấy, người ta công-nhận là những vị thuốc « chiều con bệnh » không còn là những hạng thuốc vô-dụng dè riêng cho các lang-băm, lang vườn dùng dè « bịp » thiên-hạ, mà trái lại có một công-dụng lớn trong sự chữa bệnh bằng tinh-thần hay bằng tâm-lý (psychothérapie, Trung-Hoa dịch là *Tâm-lý liệu-pháp* Nhật dịch là *Tinh-thần liệu-pháp*). Sự ấy rất dễ hiểu khi người ta nghiệm thấy bên Nga cũng như bên Mỹ—có một số lớn người bầm-sinh dễ bị tự-kỷ ám-thị (auto-suggestion). Những hạng người này khi bị đau ốm, có-thể rất dễ chữa và cũng có thể rất khó chữa, tùy theo trạng-thái tâm-hồn của họ lúc họ dùng thuốc. Các y-gia Âu-Mỹ nhận thêm rằng cũng cùng một thứ thuốc, mà người thì dùng khỏi, kẻ thì chẳng thấy công hiệu gì. Cái đó đại-da số các thầy-thuốc đều cho do cái « terrain »

mà ra cả (theo các cụ lang bên nhà, c ở terrain có-thể dịch là cái tạng của mỗi người).

Năm 1950, bác-sĩ W. J. Grace ở New-York, và bác-sĩ Kryloff ở Moscou đều tin rằng tạng người ta còn có thể khác nhau về tinh-thần hay về não-tủy.

Chính ông Grace coi một nhà thương của trường Đại-học Cornell ở New-York, đã nghiệm thấy là công-hiệu của một vị thuốc tùy theo trạng-thái tâm-hồn của từng người ốm mà thay đổi. Ông ta phải săn-sóc một số bệnh-nhân bị mồ dạ-dầy. Mỗi một khi mà bệnh-nhân bị khó chịu, bực dọc hay tức tối vì một chuyện gì, thì các tuyến dạ-dầy của bệnh-nhân tiết ra rất nhiều vị-dịch (suc gastrique). Những lúc ấy dù tiêm ngay vào mạch máu hai milligrammes atropine, cũng chẳng thấy công-hiệu gì. (Ai cũng biết atropine trong trường-hợp này, dù vừa đề hạn-chế sự bài-tiết của vị-dịch, vừa đề hãm không cho dạ-dầy bóp nữa). Trái lại, những hôm bệnh-nhân vui vẻ vì được mấy cô nữ-y-tá vừa mới châm-chút hay khuyến-khích, những hôm ấy thì chỉ cần tiêm 0,2mg atropine cũng đủ đề chữa cho vị-dịch khỏi tiết ra quá nhiều. Xem thế đủ biết tâm-trạng con người có thể làm thay đổi hẳn công-hiệu của một vị thuốc ngay đến chất atropine là một vị mà người ta đã biết rõ tỉ-mỉ cả về tính-chất lẫn dung-lượng (dose).

Nói trái lại, khi người ta tin vào công-hiệu của một liều thuốc, riêng cái lòng tin-tưởng ấy cũng đã đủ đề gây ra nhiều biến-chuyển trong thân-thể. Năm 1952, bác-sĩ B. K. Hillis trường Đại-học Glasgow, trong khi khảo về công-hiệu của ba chất thuốc chữa ho : Codéine, Morphine và Hé-roïne, đã dùng nước mặn và nói dối là

thuốc ho để thí-nghiệm. Sau cuộc thí-nghiệm ông ta đã thu được một-kết-quả không ngờ : 36% sinh-viên bị ho, đã khỏi sau khi được ông ta tiêm cho một ít nước mặn ấy. Họ cứ đinh-ninh tưởng là thuốc ho, chứ nào có ngờ đâu ông Hillis đã « đánh-lừa » họ bằng cách tiêm thứ nước mặn « vô thưởng vô phạt » đó vào người họ. Ngoài ra ông ta còn nhận thấy là lòng tin vào thuốc, sức ám-thị đã giúp đến quá nửa cho sự công-hiệu của các vị thuốc thực-sự. Khi ta ho, nếu ta chịu dùng thuốc, riêng cái ý-tưởng sui ta dùng thuốc cũng đã làm bớt bệnh đi nhiều...

Sau đó, người ta còn làm thêm nhiều thí-nghiệm khác về cách dùng và công-hiệu của những thuốc giả. Những thí-nghiệm ấy đưa ta đến một kết-quả gần như là bất-di bất-dịch : 35% bệnh-nhân, khi dùng thuốc giả, đều phản-ứng lại ngay. Những người này, đại-đa số là những người đa-cảm (émotifs), hay có chứng lo sợ, hoảng-hốt bất-thường. Tuy thế họ cũng lại là những người tính-tình rất dễ-thương, dễ bảo, và chịu nghe lời thầy-thuốc. Trái lại, bọn người không phản-ứng với thuốc giả là những người cau-có, khó chịu, cứng rắn, gan lì.

Sự khác-biệt về tính-tình giữa hai loại người này không những làm cho họ xa cách nhau trong sự phản-ứng với thuốc giả, mà ngay đến với thuốc thực, họ cũng phản-ứng khác nhau rất nhiều.

Bên Mỹ là nơi đã thịnh-hành trước nhất sự dùng placebos, có nhiều thầy thuốc đứng lên phản-đối sự dùng thuốc đó trong sự chữa bệnh. Bên Anh cũng có nhiều người cho đó là một sự phản-bội, một sự dối trá bệnh-nhân. Nhưng kỳ-thực, nếu ta chịu nghĩ kỹ thì từ lâu, thầy-thuốc vẫn thường

dùng nhiều vị thuốc « vô thường vô phạt » để làm yên lòng con bệnh. Những loại ấy đã có công-dụng như « placebo » hiện giờ. Và chẳng ai cũng hiểu rằng thuốc giả chỉ dùng để chữa những bệnh tâm-lý nhiều hơn là những bệnh thông-thường. Không một y-gia nào lại dám cả gan dùng thuốc giả, để, chẳng hạn, chữa một người bệnh sung ruột thừa (appendicite) hoặc sung màng bụng (péritonite). Trong những trường-hợp mà bệnh-tình nguy-cấp cần phải có một cách chữa có hiệu-quả tức-khắc và hợp-lý, thì không ai lại liều-linh, đem thuốc giả ra mà thử. Vì vậy lãnh-vực của thuốc giả là có-thể đem dùng để chữa những bệnh nào bị ảnh-hưởng ít nhiều của thần-kinh hệ, của óc. Thuốc giả có thể thay thế cho những vị thuốc làm êm-dịu (sédatif), làm yên-thần (calmant). Thuốc

giả còn được dùng để chữa những bệnh-nhân nào vì đã quen một thứ thuốc, đâm ra nghiện thuốc ấy không thể bỏ được nữa. Trong trường-hợp này, công-dụng của thuốc giả thật không phải là nhỏ (chẳng hạn, người ta đã dùng thuốc giả để chữa những người bị hoảng-sợ (hyper-anxieux) hoặc bị bệnh-tưởng (malade imaginaire).

Đề kết-luận, chúng ta có-thể nói là công-dụng lớn nhất của thuốc giả hiện nay, vẫn là để làm các thí-nghiệm trong dược-học. Người ta nghiệm thấy là một vị thuốc giả đưa cho những người bị lao phổi, đã làm cho họ bớt ho, tiêu đờm và hết sốt... Thuốc giả vì thế đã mở một chân trời mới cho những ai muốn khảo sát ảnh-hưởng mãnh-liệt của tinh-thần đến thể-xác.

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN



BẢN ĐỐI-CHIẾU Y-NGỮ PHÁP-VIỆT VÀ VIỆT-PHÁP

Bản danh - từ Pháp - Việt

Appendicite : chứng sung ruột thừa.
Asthme : hen, suyễn.
Auto-suggestion : tự-kỷ ám-thị.
Calmant : thuốc yên-thần.
Centres cérébraux : trung-tâm tủy-não.
Circulation : sự tuần-hoàn.
Dose : dụng-lượng.
Eczéma : thấp-chần.
Emotif : đa-cảm.
Glande gastrique : tuyến dạ-dầy.
Hyper-anxieux : hoảng-sợ, cả-sợ.
Hystérie : bệnh đồng bóng, ức-bệnh.
Inné : bẩm-sinh.

Malade imaginaire : bị bệnh-tưởng.
Péritonite : chứng sung màng bụng.
Pharmaco - dynamique : dược - hiệu, dược-lực.
Placebo : — thuốc giả, thuốc chiều con bệnh
— khoan-tâm hoàn
— an-ủy vật.
Psychothérapie : — chữa bệnh bằng tâm-lý, bằng tinh-thần
— tâm-lý liệu-pháp
— tinh-thần liệu-pháp.
Sédatif : êm-dịu, thuốc làm êm-dịu.
Suc gastrique : vị-dịch (vị = dạ-dầy).
Terrain : tạng người.

Ấm-thị : suggestion.	Sưng ruột thừa : appendicite.
An-ủy vật : placebo.	Tạng : terrain.
Bầm-sinh : inné.	Tâm - lý liệu - pháp : {
Bệnh-tưởng : malade imaginaire.	Tinh-thần liệu-pháp : { psychothérapie.
Cà-sơ : hyper-anxieux.	Tinh - thần thân - thể học : médecine
Chiều con bệnh : (thuốc) placebo.	psycho-somatique.
Dụng-lượng : dose.	Tuần-hoàn : circulation.
Dược-hiệu : {	Tuyến dạ-dầy : glande gastrique.
Dược-lực : { pharmaco-dynamique.	Tự-kỷ ám-thị : auto-suggestion.
Đồng bóng (bệnh) : hystérie.	Trung - tâm tủy - não : centres cérébraux.
Êm-dịu : sédatif.	Ưc-bệnh : hystérie.
Khoan-tâm hoàn : placebo.	Vị-dịch : suc gastrique.
Sưng màng bụng : péritonite.	Yên-thần : calmant.

★ Người trên có lấy tình mà xử đối, thì người dưới mới lấy tình mà đáp lại ; có được vậy thì người trên mới đòi hỏi người dưới được hết mọi sự và người trên mới có thể tự hào là kẻ biết lãnh-đạo. (A. Gèze)

★ Việc thiên-hạ, nên đem cái tâm thiên-hạ mà khu xử, không nên khu xử bằng cái khôn ngoan vụn vặt, cái trí-tuệ nhỏ nhen.

(Tả-Tôn-Đường)

Đông-phong dữ-tiện

Đời Tam - quốc, Chu-Du và Giã-Cát-Lượng muốn dùng chước hỏa-công đốt quân của Tào-Tháo. Tiếc là giữa lúc tháng mười, không có gió đông. Giã-Cát-Lượng lập đàn cầu phong, được gió đông luôn ba ngày, nhờ vậy mà phá được quân Tào. Do đây có câu : « Đông - phong dữ - tiện », gió đông cho phương-tiện, chỉ kẻ gặp đúng cơ hội, được người giúp cho phương-tiện dễ thành-công.

Thanh-niên và mặc-cảm thời-đại

* — CÔ LIÊU

Có nghiên-cứu tâm-trạng của thanh-niên bất-mãn về ý-thức cộng-đồng xã-hội ngày nay mới rọi được ánh sáng vào những điểm không phù-hợp với hoàn-cảnh, với tâm-trạng con người đã tiến-triển, mới thấu rõ những căn-nguyên sự bất-mãn ấy.

TRONG một bài nói về F. Sagan (B. K. số 30), tôi đã tìm hiểu tâm-trạng của một số thanh-niên Pháp qua tác-phẩm của nữ-sĩ. Tâm-trạng ấy phát hiện như một thứ bệnh thần kinh của thời đại, có mấy nét đáng chú ý : sự mất tin tưởng những giá-trị luân-lý cương thường khiến con người có thái-độ kiêu căng, ngạo nghễ, phóng túng, bất mãn, chán nản. Nguyên do sâu xa là sự mâu thuẫn lớn lao bao trùm đời sống hiện đại, gây ra bởi sự chậm tiến của của triết-lý duy-lý hay duy-vật đối chiếu với khoa-học. Khoa-học tạo ra điều kiện sinh - hoạt vật - chất mới mẻ và mở màn cho một nếp sống phóng khoáng mãnh liệt hơn xưa, trong khi những công-thức khuôn xếp giá-trị tình cảm và thiêng-liêng ngưng đọng lại ở những hình-thức già nua từ thế-kỷ trước, đời sống còn ngụp nếm trong nếp sinh-hoạt nông-nghiệp và tiểu công-nghệ.

Trong bài nghiên - cứu ấy tôi đã không làm nhiệm - vụ phân tách tác - phẩm của Sagan mà chỉ đứng trên bình diện tổng

quát để nhận định qua dư-luận sách báo. Sự suy luận đặt trên những căn cứ khách quan.

Sau này đọc những bài phê-bình của các ông Thái-Linh và Nguyễn-Nam-Châu, tôi mới nhận thấy phương - pháp nhận định trên đã để lọt kẽ mắt nhiều điều u uẩn đáng là tấm phông ở trên thêu dệt những tình tiết của câu chuyện mà ta đọc. Dư - luận cũng như muốn lướt qua những niềm u uẩn của nỗi lòng mà chỉ chú trọng đến bề ngoài những tình tiết câu chuyện — một cách lấy tiêu-chuẩn đạo-đức cổ-truyền để xét định hành-vi ngôn-ngữ của nhân-vật. Đó là phản ứng của đạo đức trước sự đã phá của một khái-niệm chống đối ý-thức cộng-đồng trong tổ-chức xã-hội ngày nay.

Nhưng nhiệm-vụ phê-bình như thế chưa hẳn là đầy đủ vì việc làm thiếu sinh lực không khuyến-khích sự thoát thai những ý tưởng mới phá vỡ bờ mà tràn ra những chân trời mới.

Vậy thì chân trời mới ấy là gì ? Phải chăng là những ý-thức cộng-đồng đặt trên

nền tảng khoa học và dung nạp những quan niệm của thời đại về nhân-vị, sự tự-do của đời sống tinh-thần, những kỷ-cương và tập quán biểu lộ sự chần thản, ngay thẳng, trong việc giao-lễ xã-hội v.v...

Có nghiên-cứu tâm trạng của thanh-niên bất mãn về ý-thức cộng-đồng xã-hội ngày nay mới rọi được ánh sáng vào những điểm không phù-hợp với hoàn cảnh, với tâm-trạng con người đã tiến-triển, mới thấu rõ những căn nguyên sự bất-nản ấy. Biết rõ những căn-nguyên đó mới có thể nghiên-cứu nền tảng của những ý-thức cộng-đồng mới có sinh-lực để thu hút thanh-niên.

Nếu phương pháp làm việc nói trên đã giúp tôi mô-tả sự mâu-thuẫn thời-đại thì trái lại không rọi được tia sáng vào những căn do sâu xa, những động lực thầm kín thúc đẩy con người hành-động như Sagan mô tả. Ngôi bút tinh-vi của nữ-sĩ đã tô màu vào những sắc thái mong manh của trí-thức và tiềm thức như phòng thí-nghiệm vi-trùng học nhuộm màu sắc vi-trùng để cho người quan sát thấy rõ. Đây là tất cả nghệ-thuật của Sagan. Về phần người đọc, muốn thâm nhập những yếu tố ấy để làm gì thì làm. Nếu tôi không lầm thì là lập-trường văn-ngệ của tác-giả.

Như vậy một sự cảm-thông với tác-giả rất cần, người đọc phải gạt bỏ hết định kiến hay thành kiến, cố giữ cho mình khỏi bị ảnh-hưởng bởi các bài phê-bình trước mình để có một thái-độ thành khẩn tìm hiểu tác-giả trên hàng chữ viết và sau hàng chữ viết, qua cái gì nói ra và cái gì không muốn nói ra, cái gì nói một đằng mà người ta phải hiểu ra đằng khác.



Hãy xin nói đến cuốn «Một Nụ Cười».

Tôi nói đến chuyện này vì mới đây người ta đưa chuyện lên màn ảnh với quan-niệm lành mạnh hóa đề-tài, trình-bày tác-phẩm như là một tình éo le, tội lỗi, của một thiếu-nữ trơ hèn rất thông thường, giống trăm nghìn truyện khác với kết cấu cổ-diễn là hình phạt và hối cải. Nhà sản phẩm có những lý-do để làm vậy, bài này không nói đến, nhưng việc làm ấy cũng như phần nhiều nguyên-tắc phê-bình đã vô tình nhấn chìm một vấn-đề trọng đại của thể-hệ cần phải thanh-toán trước khi nó biến thể ra những hình-thức phức-tạp hơn.



Tâm-hồn Dominique

Tâm-hồn Dominique là tâm-hồn phức-tạp của con người thời-đại chứa đầy mâu-thuẫn. Tấn thâm-kịch của đời nàng là kết quả của sự bất-lực không giải-quyết nổi những mâu-thuẫn ấy. Không giải-quyết nổi vì không tìm ra một tiêu-chuẩn để định giá-trị những hành-vi của mình và của người, khi đã phủ nhận những giá-trị tinh-thần của xã-hội cha anh. Đó là một cuộc phiêu-lưu, và nàng đã chết ngộp trong cuộc phiêu-lưu ấy.

Phản-ứng của Dominique trước việc đời tỏ ra nàng không phải người có một tâm-hồn thô-bản, không có lý-tưởng, chỉ biết có vật-dục, có cuộc sống dễ dãi, cảm-giác xác thịt, lấy cảm-giác làm lẽ-sống, trái lại lối cảm nghĩ của nàng tỏ ra một tâm-hồn hướng về lý-tưởng, một tâm-hồn được cấu-tạo tinh-vi, có cảm-giác tế-nhị, lại có căn-bản trí-thức làm khai-triển khiếu thâm-mỹ. Nàng khao khát

sự cảm-thông, sự hiểu biết của một tâm-hồn bạn.

Dominique là một người thần-kinh không vững chắc (névrosé). Căn tạng ấy cần nghĩa được nhiều.

Con người ấy là con người thụ động, « chịu nhận một người bạn, một người tình, chứ không có sức chọn một người nào » ; (trang 23)

« Chưa bao giờ tôi quyết định. Tại sao không để mặc người quyết định cho mình... Cái gì cứ để tự nhiên rồi cũng sẽ đến, tìm hiểu làm gì vô ích » (trang 42)

« Tốt hơn hết là cứ mặc việc đời xảy đến hay không xảy đến, không nên phân tích, cứ yên lặng mạnh bạo mà đợi » (trang 66).

Nếu là một người có một chút nghị lực thì ít nhất phải chủ tâm làm đi, dù việc làm hay hay dở. Đáng này không, gặp trường hợp nào phải chọn một trong hai con đường nàng cũng lưỡng lự. Như khi thấy sức quyến rũ của Luc đã quá nguy hiểm, cần phải xa Luc, nàng theo bản tính không tìm đến mà cũng không tránh xa Luc.

Cho đến khi đã hết hy vọng với Luc, cô bạn Catherine đưa đến giới thiệu một người bạn trai là Alain, nàng cũng không muốn nhúc nhích :

« Tất cả mọi sự đã như hướng về chàng, cái gì cũng tùy chàng cả, cái gì xảy ra cũng tự nó xảy ra không có tôi ở trong » (trang 151)

Dominique thuộc về loại người có đời sống nội tâm mãnh liệt. Được như vậy là bởi nàng có cảm giác tình vi, khiêu thầm mỹ điều luyện, kiến thức không tầm thường. Bản chất con người như vậy khó tìm

được sự cảm thông với người đời, họ khó tính, muốn tìm lý tưởng trong sự giao du. Họ tìm chỗ ẩn náu trong nội tâm, vì thế nên có tâm trạng chán ngán, cô đơn, đôi khi có những phút cuồng nhiệt bất thần. Chính nàng đã tự nói :

« Trong người tôi có một con vật nóng hổi và sinh sống tôi ưa thích sự chán ngán, sự cô đơn và đôi khi cuồng nhiệt. Tôi tự hỏi có lẽ tôi đau gan » (trang 23)

Sau này ta sẽ xét đến con vật ấy. Giờ hãy trích những đoạn văn bộc lộ tính tình Dominique.

Vì khiêu thầm mỹ điều luyện, cảm giác tình vi, nên không thấy ai đáng là bạn tâm giao. Catherine đối với nàng là người khó chịu vì nói đại như đĩa dối :

« Nó nói tôi nghe, nó khuyên can tôi không nghe nữa », (trg 24).

Vì chỉ hiểu biết đến một mức quá tầm thường khiến Dominique nghe bạn nói mà nổi dóa :

«... Tôi cảm nó xuống lễ đường (rồi bỏ đi) một cách khoát trá và nghĩ rằng : thôi, cũng phải loại trừ Catherine đi, Catherine với sự lộn-tâm của nó » (trg 46).

Bực mình hơn cả là cô bạn dấn-dộn không hiểu nổi ái tình của nàng, lăm lộn sự thu-hút tâm-hồn mình một cách độc đoán, vô điều kiện là ái-tình với một thứ « quyến-luyến, ưa thích một người bạn trai hơn những người khác rồi nghĩ tới người ấy, cùng đi, cùng đứng, cùng ăn, cùng... » (trg 148-149).

Một tâm-hồn tinh-tế như thế đã khó cảm-thông với bạn bè, mà khi muốn tìm ở tình yêu một sự đồng-thanh đồng-khí lại càng khó hơn. Đối với Bernard, nàng chịu

nhận tình yêu một cách gần như thụ động, mà yêu có điều độ, bình thản, không nồng-nhiệt. Chẳng bao lâu, nàng hiểu thứ tình đó không trả lời được những đòi hỏi âm thầm cao kỳ của một người có nòi tình mà nàng là đại-diện. Phải một đại-diện khác của nòi tình mới là nguồn cảm hứng cho nàng phát huy những tình cảm cao kỳ, nồng-nhiệt.

Dominique là người đàn bà mà bản sắc đàn bà rõ hơn hết, lại có bản chất thụ-động, phải có người tình mạnh bạo để bảo vệ, để biết đường cai trị nàng. Nàng cần phải cảm thấy sức mạnh ấy. « Nhưng Bernard không phải là một người đàn ông. Ở một vài người, nhất là ở Luc người ta cảm thấy một sức mạnh mà Bernard và không một cậu trai nhỏ tuổi nào có cả » (trg 44).

Thứ nam tính mạnh bạo trước ái-tình đó được tài tử Clark Gable khai thác triệt-đề, và người xem chớp bóng cũng ưa thưởng-thức lắm.

Đã thiếu hẳn tư-cách để làm người tình lý-tưởng, Bernard lại còn có cử-chỉ ăn xin tình-yêu để tự đánh giá quá thấp :

« Nếu em thất tình anh sẽ sẵn sàng đợi em. Chắc là em sẽ thất vọng. Em sẽ thấy Luc chẳng ra quái gì. Luc chỉ là một người thông-minh buồn rầu thế thôi... Hãy tin anh. Dẫu sao anh vẫn sẵn sàng trở lại với em. Anh đã hưởng bao hạnh-phúc bên em » (trg. 146).

Dominique là người hướng lý-tưởng. Nàng tìm ý nghĩa lý-tưởng cả từ trong cảm-giác xác thật và không tha thứ một

người tình không biết đến lý-tưởng ấy :

« Tôi tự nghĩ rằng giá cứ được hôn chàng thế này cho đến sáng không làm gì khác nữa. Bertrand chưa chi đã cạn hôn rồi anh ta ham đắm-dục quá, đối với anh hôn chỉ là một giai đoạn phải qua để đi đến đích chứ không phải cái gì vô tận, tự nó đủ rồi, như Luc cho tôi hé thấy » (trg. 64).

Vậy mà khi Dominique lạnh nhạt, anh lại « tìm cách gợi cho tôi hương-vị điếm tình như muốn tôi nặng tội đồng lõa với anh » (trg. 96).

Nàng không tha thứ được người thô lậu như thế.



Vậy là giữa bè bạn, trong tay người tình nàng vẫn là một kẻ cô đơn. Nàng không cởi mở tấm lòng với ai mà quay lại sống với lòng mình. Cha mẹ thì ở xa, và chẳng cha mẹ nàng bệnh hoạn không sẵn sóc đến con, không cho nàng hưởng một tình-yêu mẫu-tử. Có lẽ sự dồn ép tình-cảm ấy đã sửa soạn cho nàng có phản-ứng của người phản-uất, liễu-linh, dồ-dại.

Nàng là mảnh đất thuận tiện để nảy nở những mối tình vĩ đại để người ta tìm lẽ sống trong ái tình. Tình sẽ là một nguồn cảm hứng và kích thích cho mọi ý chí và hành động, để con người thêm sức chịu đựng, con người trở nên độ lượng và thuần nhả. Con người như thấy chắc dạ, thấy đầy đủ vì đạt được mục tiêu cao quý nhất cho nên không tha thiết với những cái gì nhỏ nhen, tí tiện. Thế-giới Thần tiên

của cuộc tình ái lý tưởng đó chỉ là mộng ảo của Dominique mà Luc xuất hiện như một vị ác thần tốt mã để đưa nàng vào vòng tội lỗi.

Mỗi tình vĩ đại nói trên kia, con người tùy tính tình và hoàn cảnh có thể huy động những phương tiện cao đẹp nhất cũng như những phương tiện cần dỡ nhất để đoạt lấy. Phim « Địa Ngục Môn » dưới sự diễn tả tình vi của nghệ-sĩ Phù-tang đã cho ta một ý niệm về những trận đông-tổ gây ra bởi một tâm hồn cuồng nhiệt. Nhưng tâm trạng người hiệp-sĩ Samourai đã xa chúng ta rồi. Con người ngày nay văn-minh và thực-tế — con người của Camus, của Sartre — không thần thánh hóa cái gì mà cũng chẳng cần hung hãn cần dỡ, cũng

chẳng cần chinh phục bằng thứ gì cao đẹp. Nghĩ đến những trò « yêng hùng », đó, họ chỉ mỉm cười và uống một ly whisky. Mà lòng có tan tác vì thất vọng họ cũng vẫn mỉm cười chua chát và uống whisky. Họ cho rằng người ta bị lôi cuốn vào khung cảnh đời sống xô bồ, phải tâm thương hóa những nguồn tình cảm thanh cao để thích ứng với hoàn cảnh. Tối hơn hết là phớt, phớt tuốt cho đỡ mệt.

Dominique lặn vào cuộc đời với sự thất vọng kin-dáo nhưng triển miên, và con vật nóng hổi trong người nàng mở lối ra cho những tâm tình bị dồn ép.

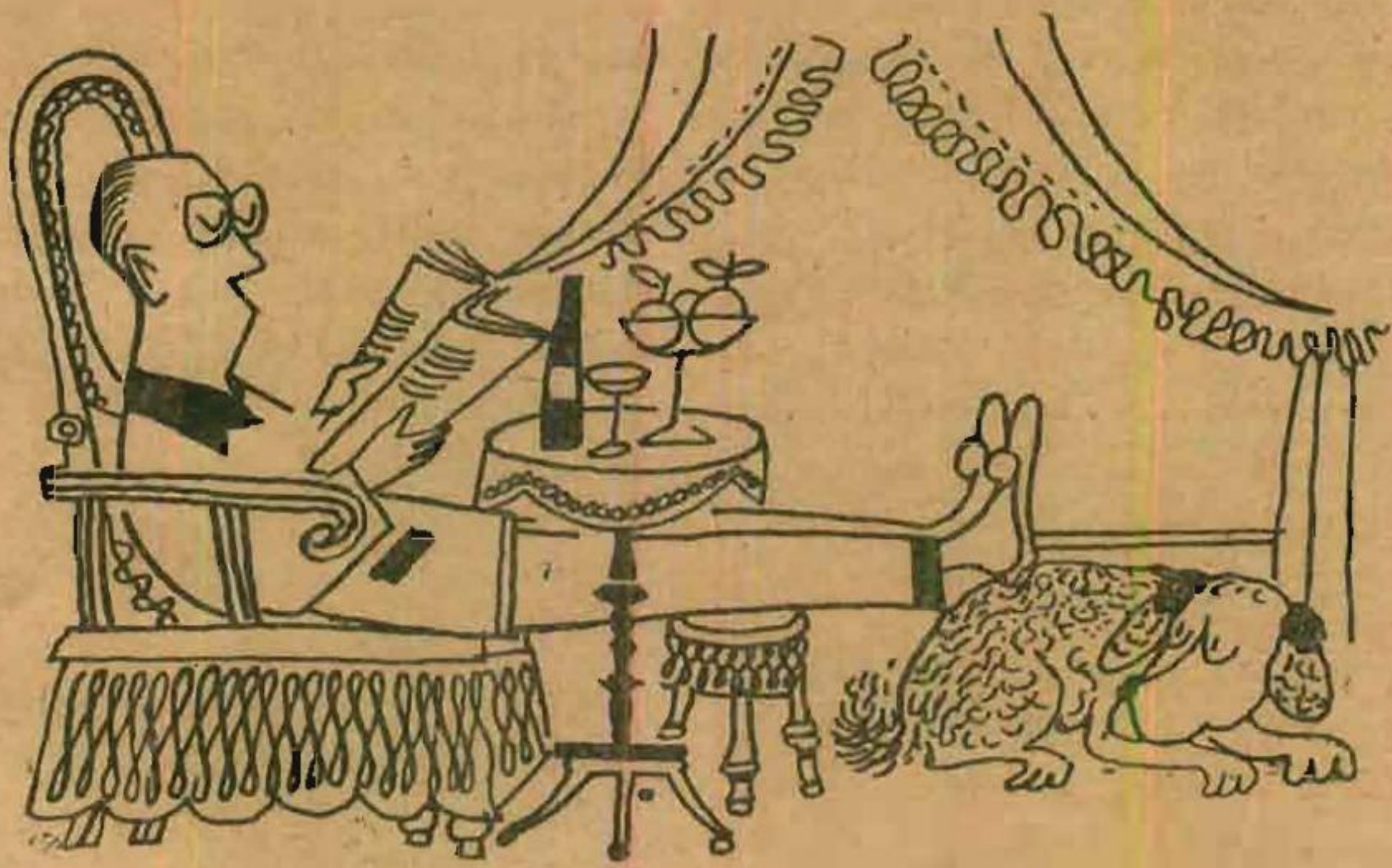
(còn tiếp)

CÔ LIÊU

- ★ Uy-quyền mạnh là uy-quyền biết dựa vào sức mạnh của lòng người (giáo-sĩ Thellier de Poncheville).
- ★ Hùng-dũng gặp người hùng-dũng thì hùng-dũng không đủ cậy ; Khôn ngoan gặp người khôn ngoan thì khôn ngoan không đủ nhờ. (Tô-Triệt)
- ★ Người cai-trị khôn ngoan là người cai-trị mà không phải dùng đến mãnh-lực (Vauvenargues)
- ★ Không thể cai-trị được người, nếu không biết cai-trị lòng người. (Lacordaire)

Đồng-ly quân-tử

Đời Tần, bên Trung-quốc, có ông Đào-Tiêm rất yêu hoa cúc. Trong vườn, ông trồng toàn hoa cúc. Do đấy, có câu thơ : « Thái cúc đồng ly hạ ». Người đời về sau gọi hoa cúc là « đồng-ly quân-tử », có nghĩa là người quân-tử ở hàng rào bên đông.



★ — ĐOÀN-THÊM

THỦ GIẢI QUYẾT VẤN-ĐỀ GIẢI-TRÍ

NGOÀI giờ làm việc, Phú hay buồn, và muốn tìm một cách giải-trí.

Đánh bài như mấy ông hàng xóm thì không biết. Đọc sách ? cũng chỉ có lúc thôi, vì mỏi mắt nhưc dầu. Chơi đàn ? Đã lâu lắm, bận không mó tới, nên ngưng ngẹn mất rồi. Chẳng lẽ ra ngồi quán rượu hàng giờ, ngắm người qua lại ? Bà con không khéo lại tưởng là bê tha...

Kiểm điểm các biện-pháp giải buồn, Phú còn thấy nhiều nữa, và mình cũng đã thử, chớ nào có lập-dị ? Song chưa hiểu vì sao nhiều lý-do đề chán ; sau mỗi lần giải trí như trên, Phú lại thấy trống rỗng

và mong ước trò gì khác... Đến nỗi nhiều sáng chủ nhật, vừa mở mắt, Phú đã buột mồm sau cái ngáp dài : biết làm gì hôm nay đây ?

Có khi Phú trông con mà thêm : Lư, 6 tuổi, lúc chạy nhảy, lúc nghêu ngao hát, giả vờ làm cao-bồi với khẩu súng nhỏ, hay xin cái lõi chì của má nó để lăn bon : cũng đủ vui thích rồi, cả ngày hí húi loay hoay như vậy. Mấy ai được như nó ? Họa chăng có ông Tung.

Ông Tung 56 tuổi, cống hiến ngày giờ cho đóng sách chồng chất đầy tủ hay la liệt khắp bàn trong căn phòng nhỏ : ông

đọc, ghi chép, nghiên-cứu về cổ-học và lịch-sử Âu Á, sưu tầm để viết một cuốn sách về chế-độ quân-chủ qua các thời-dại, đã bao năm mà chưa đủ tài-liệu. Hễ ai tới thăm, ông mừng như vớ được một tri-ký, rồi thao thao bất tuyệt, ông kể cho khách thuyết nọ tích kia, ông chê, ông khen, ông châm biếm, ông cười rung cả bụng về những thói oái oăm của Kiệt, Trụ hay tính nhút nhát của vua Louis XIII. Hỏi thì ông cho biết : chẳng bao giờ buồn cả, cần gì giải trí ?

Có lẽ cũng chẳng cần, nếu Phú còn giữ lại được tính tình hồn nhiên của con trẻ như Lưu hay Phú cách đây hơn 30 năm : khi đó, vạn vật vạn sự đều mới lạ, nhiều sức hấp dẫn, dễ kích động ngũ-quan để gợi tính tò mò, cho những vui thích của nhà thám-hiềm mới bước chân tới một thế-giới nhan-nhân kỳ-quan. Hoặc ít ra không bị vất-vả mưu-sinh, chẳng vướng víu lắm về gia-đình, được một căn-bản học-vấn vững vàng, để tiến tới cảnh đời ông Tung, sống theo sở-thích mà tìm thú thanh cao, như Khổng-Tử 70 tuổi « tòng tâm sở dục ».

Nhưng giữa hai thái-cực thơ-ngây chất-phác và thông-thái xuất-nhân, có biết bao người như Phú ! Cuộc đời đã đưa lại cho họ sự mệt nhọc hay thêm muốn sôi nổi, nên họ cần thông dong thư thái hay thỏa thích say sưa ; những sự bi-thương, thất-vọng, hoang-mang hoài-nghi, bất-mãn khiến cho họ cầu mong an ủi, phấn khởi hay lãng quên... Nhưng sao có thể cái lão hoàn đồng quay lại dĩ-vãng trong trắng mà tự tức một cách giản-dị ? còn như vượt quá mức thường đề gần như siêu

thoát, thì khó lắm thay, mà cũng chẳng mấy người ao ước !

Cho nên, đối với Phú và bà con bạn hữu, cần có những giải-pháp vừa phải dễ theo, dễ đời sống hàng ngày đỡ nhọc nhằn khô khan hay tẻ ngắt.

Thực ra, chung quanh Phú, thiếu chi sự tiêu-khiển ? Song nổi khó khăn, là làm thế nào cho những trò mà Phú đã chọn, có thể ưa lâu, ưa mãi, để mỗi khi cần tiêu thời-giờ, lại đỡ ra chơi mà không thấy chán ?

Nếu thấy rồi, còn phải hưởng được tùy theo ý muốn, nghĩa là đủ phương-tiện, như sức khỏe đối với thể-thao, tiền bạc để đi du-lịch, năng-khiếu học-vấn tối thiểu để thưởng thức thi họa cầm kỳ...

Song có sự dĩ-nhiên đáng lẽ phải kể ưu-tiên, vì lắm khi quên mất : phải cố gắng tìm, mà nhiều bạn với mình chỉ chép miệng phàn nàn, hay uể oải không muốn suy nghĩ, gặp trò gì thì tạm chơi rồi lại chán. Bởi thế, ta hãy thử nhìn nhận ở chung quanh và ở chính mình ta.

Lý-thuyết thì như vậy. Nhưng thực ra, Phú vẫn chưa thấy cái gì đủ những điều-kiện kể trên ; và khi hỏi chuyện nhiều bạn thì anh em lại bảo : ấy chính tôi định hỏi Phú !...



Tại sao khó như vậy ? Suy nghĩ kỹ hơn nữa, Phú luận ra những nguyên-nhân sau :

Thiếu tài-liệu kiểm-điểm.— Giá thử có một bảng kê khai các trò giải-trí như các số điện-thoại hay các mẫu hàng-hóa, chắc sẽ dễ nghĩ ra hơn. Dở Văn-hóa sử-cương của Đào-Duy-Anh, về mục tiêu-khiển,

bất quá bảy tám thứ cũ rích như bài, cờ. Tập Encyclopédie Larousse thì kể nhiều hơn, nhưng phần nhiều là trò phương Tây không có ở đây như truyền-hình hay ca vũ Opéra. Ở nhà sách, đôi khi thấy một vài cuốn nhỏ, song chỉ nói riêng về một trò như đánh bài bridge. Nếu có vị nào soạn giúp cuốn chỉ nam, chắc ít lợi và bán chạy. Việt-Nam cũng cần có những tờ-chức chuyên-môn mách bảo về cách tiêu thời giờ, như Hội Tương-tế « Ngày nghỉ Bình-dân » ở Đan-Mạch (Congés populaires danois), tờ « Du-lịch và Nghỉ-hè » ở Anh (British tourist and Holidays Board) v.v .. Phòng Quốc-tế Lao-động cũng đã nhận rằng đa số người không biết dùng ngày g'ở nhà, rồi làm gì vì thiếu tài-liệu tra-cứu (L'Utilisation des congés payés C.I.T. 1954).



Thiếu huấn-luyện. — Hồi bạn Lý còn nhỏ, nếu đ'ng ý ra, thì được phụ-huynh khen ngoan ; nếu chạy nhảy lãng quăng thì bị kêu là nghịch ngợm mất nết. Thành ra, tuy ưa cử tạ, phi thân nhảy xa, đấu võ Tàu

võ Nhật, mà Lý dành nhường các trò đó cho Tiết-Nhân-Quý hay Từ-Minh-Cao. Ngay đến đá banh cũng không ai bảo tập từ bé, nên ngày nay 40 tuổi mới đem cặp đùi ống sậy ra bãi cỏ làm khổ mắt thiên-hạ, thì gương ngừng, không dám... Còn những trò theo đòi bạn nhỏ mà biết, càng khó áp dụng : chắc bà con chẳng cho phép lò cò đánh đáo nữa. Thành thử có nhiều hoạt-động vui mà Lý không thể nghĩ tới.

Ham muốn quá nhiều. — Bạn Thương vốn ưa đọc, song nhiều khi rất phân vân : sách dày hai tủ lớn, có những quyển mua tích từ bao giờ chưa rọc ; nhưng hể ngó tới, thì quyển nào cũng muốn xem, được vài tờ ở cuốn này đã sốt ruột muốn chạy sang cuốn khác, rốt cuộc cả buổi sớm chủ nhật không đọc hẳn được gì. Quay sang tập báo, hay đĩa hát, cũng một tâm-trạng, một thái-độ, và một kết-quả : không được thỏa thích.

Bạn Văn không nhiều phương-tiện bằng Lý, nhưng lại đòi hỏi quá mức. Đối với Văn, hầu hết các thứ giải trí quanh mình đều kém cỏi nhạt nhẽo, không cho cảm giác mạnh. Văn muốn thưởng thức những trò chỉ thấy ở ngoại-quốc như đấu bò rừng *corrida*, đánh vật *catch*, bay bằng máy *planeur*... Văn dư sức, máu huyết hay sôi nổi, đã có lần thú thực rằng nếu từ đồ-tường không bị cấm, thì có lẽ vẫn tiếp tục truy-hoan ở đó.

Không chịu tìm hiểu. — Chú Tư vốn thường nhận là thiên về đời sống tình-thần và muốn tiêu khiển bằng văn - hóa. Nhưng Chú vẫn lắm lúc thiếu vui tuy đọc nhiều : thì ra chỉ có tiểu thuyết, hoặc thơ là cùng. Còn bao nhiêu loại văn khác, chớ không kể những sách nói về các văn - đề xã - hội,

chánh-trị, kinh-tế, triết-lý, mỹ-thuật v.v... Chú không đề ý, tuy trình-độ trí-thức cao hơn bậc trung - học. Nghe nhạc, nhất là nhạc cổ-diễn, thì Chú ngủ gật ; nếu bước chân vào phòng triển-lãm hội-họa, Chú chỉ liếc qua rồi lui ra ngay : Chú không tự hỏi vì sao những người khác có thể ưa được những bức tranh, say mê được màu sắc ? Chú ngạc nhiên thấy bao thanh-niên tươi cười phóng xe scooter, anh ghế trước, nàng ghế sau, đi khắp các ngã đường : Chú coi là vô vị, nên chiều thứ bảy, chủ-nhật hay ngày lễ, Thím và xe của Chú đều được nghỉ ở nhà. Bác Ba đã bảo Chú : có ăn thử mới biết ngon, có tập mới biết chơi, có chơi thử mới hiểu và thích, « nghề chơi cũng lắm công-phu » !



Văn nghe Phú nói như trên, văn tỏ vẻ hoài nghi :

— Ủ, anh cũng đã chịu căn cứ vào những điều mắt thấy tai nghe : nhưng anh đã tìm lâu rồi, và rút kinh-nghịệm đó, đã thấy gì cho anh ?

— Sách báo, điện-ảnh, và đi chơi lang thang.

— Giải thích coi !

Theo Phú, thì các thứ đó đều có thể thực hiện dễ dàng, bất-cứ lúc nào, không tốn kém nhiều, hồi xưa thích được, ngày nay vẫn ưa, chắc sẽ bền lâu. Lâu bền vì thích-hợp với một khát-vọng sâu xa được kích thích từ khi đi học : là thỏa mãn tính tò mò tự-nhiên, nhu-cầu hiểu biết nhiều hơn, mới hơn, và lợi hơn. Đáng lẽ là ước-vọng chu du thiên-hạ, nhưng vì không có cơ - hội, phương - tiện và địa - vị của hoàng-tử Ali-Khan, văn-hào Tibor Mende hay học - giả Gustave Le Bon, nên đành

nghe chuyện kể, lời bàn, ý nghĩ của những người may mắn hơn đã được mục kích ; — hoặc nhìn gián tiếp trên phim hay ảnh-áoát-phần, những hình-ảnh thiên-nhiên, xác thực hay phỏng theo sự thực. Như vậy, có thể thâm lượm kiến - thức của những tác-giả, ký-giả, đạo-diễn, tài-tử các ngành nghệ-thuật : họ đã học hộ, điều tra hộ, nghiên-cứu hộ, đề sắp đặt trình-bày cho mình hiểu gần như họ. Nhưng trong nhốn-giời và hoàn-cảnh chật hẹp của mình, cũng phải cố nhìn nhận lấy các hình - thức sự sống quanh mình, với những phương-pháp quan-sát và suy luận học được của những hạng người kể trên : áp-dụng được phần nào, thú vui phần ấy.

— Những thứ đó, chẳng phải riêng anh biết thưởng thức. Song chính tôi vẫn nhiều hồi thấy chán, hàng tháng có khi chẳng đi coi một phim, báo thì ngó qua rồi bỏ, sách thì thú thật hàng năm may ra được một hai cuốn. Cũng chẳng phải vì bận rộn.

— Nếu vậy, thì cần xét tỉ-mỉ hơn. Xin anh nhớ rằng tính tình và hoàn-cảnh, nghề-nghiệp của chúng ta, tuy có điểm tương-tự, không giống hệt như hai giọt nước, nên cần tránh sự chủ - quan, không thể suy ta ra người.

Giá thử chán hết cả mọi thứ, thì chắc anh ở vào một tâm-trạng bất-thường, như bị đau khổ, phần uất, lo lắng... hay một nhọc quá, gần lâm bệnh : nếu đã ở trường-hợp đặc-biệt thì xin miễn bàn, cần đi hỏi thầy thuốc hoặc tìm phương giải quyết sự khó khăn chớ không tìm giải trí được.

Còn nếu bình thường, thì không khi nào tôi chán cả ba thứ : chẳng muốn đọc nữa, tắt đi coi điện-ảnh ; thiếu phim hay thì dạo

cảnh, ít ra cũng đầy đủ một buổi tối hay một ngày nghỉ. Chính vì dễ chán, nên cần có sẵn vài trò kế tiếp bổ túc lẫn cho nhau.

Hơn nữa, đối với mỗi thứ, phải nhận ra nhiều lý-do đề ưa. Nếu anh chỉ tìm khoan-khoái, rùng-rợn, hay mê-ly, anh có thể thất-vọng khi không thấy cảm-giác mong đợi. Nhiều khi anh buồn nhưng ngại khó đạt mục-dịch trên, nên không muốn đọc, không muốn đi, không muốn coi phim nào hết.

Song nếu đừng chú trọng quá đến phần xúc động (sensational) mà còn mong biết nhiều hơn bất cứ điều gì mới lạ, thì có khi bất chấp cả giá-trị về phương-diện truyền-cảm của báo, phim hoặc cảnh vật. Đọc được bài hay thì hứng thú, lỡ gặp bài dở cũng nhận được trình-độ khuynh-hướng của tác-giả hay của tạp-chí hiện nay ra sao, và không tiếc đã thêm một tài-liệu về tình hình báo chí mà tôi tò mò theo dõi. Coi phim Le Saint chẳng thích, nhưng có thể nhận được vì khác phim trình thám Hitchcock như thế nào để không làm cho tác thờ. Cũng như khi anh yêu một người đàn bà mà không chán, thì phải thương vì nét, trọng vì nghĩa, nếu nhan sắc kém rồi. Chúng ta muốn tha thiết với cái gì, phải có nhiều mối dây ràng buộc mới hồng chặt chẽ.

Chúng ta còn cần nhiều lý lẽ vì tính-thần ta thay đổi cũng với thời-gian; tính-cách hay mục-dịch giải trí phải biến chuyển theo, mới thích-hợp lâu với con người. Hồn bí hay quả cầu chỉ được tôi ưa hồi thơ ấu; song điện-ảnh được thích mãi vì mỗi ngày tôi tìm thấy thú-vị mới hơn. Cho đến năm 13, 14 tuổi, tôi chỉ cốt xem truyện phim ly-ký; rồi sau chán hiệp-sĩ chần bô bắn súng, lại muốn

thường thức tài-nghệ của các vai trò, nên miễn là thấy G. Cooper hay I. Bergmann đóng vai chánh, thì sốt sắng đi coi mặc dầu truyện hay hoặc dở, rồi có khi đi còn vì âm nhạc, điệu múa, màu sắc, cách dàn cảnh, bố cục, tâm-lý các nhân-vật... tôi còn đọc cả các báo về nghệ-thuật điện-ảnh...

— Hơi nhiều công-phu !

— Không phải vì tính cầu kỳ, song cần khám phá ở mỗi trò nhiều khía cạnh, nhiều ý-nghĩa mới đề đáp lại đòi hỏi của tâm-hồn mỗi ngày một phức-tạp, hay tiến-bộ hơn thì mới đúng.

— Còn đối với sách báo và sự đi chơi ?

— Đối với hai thứ này, muốn khỏi chán, cần áp dụng nguyên-tắc của ông Tung : biết rõ mình muốn tìm gì ? phải có chủ-ý hướng dẫn và thúc đẩy, thì mới thoát một tình-trạng hay gặp : phân vân, lưỡng lự, không biết đọc gì xem gì, rồi chán như ở trường-hợp anh Thương, tôi đã nói qua khi nãy. Sách báo như rừng, đời sống quanh mình thiên hình vạn trạng : chúng ta dễ nản không muốn dẫn mình vào nữa, nếu không lựa chọn đề tự hạn chế trong một phạm-vi nhất định. Ông Tung vào một tiệm sách lớn, mở các tạp-chí, đã sẵn sàng tìm những gì liên-quan trực-tiếp hay gián-tiếp đến đề-tài « quân-chủ » mà ông vẫn nghiền ngẫm, song riêng đồng tài-liệu mà ông chồong chất cũng đủ thu hút tâm não ông lâu năm. Tôi theo ông, và đã lâu chỉ muốn tìm sách báo hình-ảnh nào có thể giúp tôi so sánh đời sống hàng ngày của người mình và dân nước ngoài : bao giờ xong việc thì có lẽ mới chán, nhưng chắc phải độ vài chục năm nữa...

Tôi đi chơi, nếu chỉ lơ phờ nơi này nơi khác, chắc chỉ thấy nhiều lần như anh, mỗi gối, chồn chân, mồ hôi ướt áo. Nhưng mỗi bận ra đi, có một câu hỏi trong óc : xem cảnh nhà ở tại các khu xóm đông đúc của đồng-bào thiếu thốn, hoặc cách phục sức của các giới đạo này ra sao, hay thái-độ cử chỉ của thanh-niên trước công chúng có gì khác không ?... Kể sao cho xiết ? song anh có thể tin rằng mỗi lần, tôi trở về nhà với thỏa-nguyện của kẻ đi câu mà được nhiều cá. Anatole France đã nói : đá còn kể chuyện cho ai biết nghe (les pierres parlent à ceux qui savent écouter) huống chi là người...

— Nhưng hình như anh chú trọng đến phần ích-lợi hơn là khoái-trá, e nhiều bạn khó theo, vì tiêu-khiển của anh gần có tánh-cách một công việc, mà quan-niệm như công việc thì thấy khô khan...

Phú không đồng-ý, vì khoái trá và ích-lợi hoặc ý-nghĩa vẫn có thể đi đôi với nhau. Ông Cả Láng hí hục đóng hoặc sửa chữa ghế đầu, chân bàn, cánh tủ và các đồ gỗ lặt vặt trong nhà, mỗi khi thư thả : nào ai bắt, có thích mới làm, nhưng dù sao cũng đỡ tốn tiền thuê thợ. Cựu Thủ-tướng Winston Churchill sẵn tay áo xây hẳn một căn nhà nhỏ để nghỉ ngơi, cho vừa ý ông và có cái vui tạo tác. Việc ích-lợi của thợ mộc thợ nề đã thành ra trò tiêu-khiển của các vị kia. Do đó, mới nảy ra những hoạt-dộng mà người phương tây coi như nghề thứ hai (Violon d'Ingres), và nhiều tài năng mới có dịp nảy nở : thích viết văn ngoài việc hàng ngày, thủy-quân đại-tá J. Vaud hay P. Loti, kỹ-ngệ gia A. Maurois, đại-sứ P. Claudel đã thành văn-hào thi-sĩ...

Nhân tiện, Phú nhắc cho Văn kết quả phân-tích của các nhà xã-hội học : mỗi trò giải-trí thường có một, hai hoặc ba tánh-cách ; cho phép con người đi dưỡng đỡ mệt nhọc, lấy lại sức sau khi làm việc (récupération), cho tâm-hồn cảm-tưởng thoát-ly khỏi cảnh đời tầm thường tẻ ngắt (libération) giúp cho nâng cao phẩm-cách cá-nhân (élévation, développement). Khoái trá thú-vị là kết-quả riêng biệt hay hỗn hợp, phát sinh ở trò nào có một hay các tánh-cách vừa kể (Se distraire — Les loisirs dans la vie quotidienne — Jeffre Dumazedier).

— Biết vậy. Tôi chỉ còn tiếc anh giải-trí một cách thụ động lấy giác quan tâm não mà an hưởng cái thú, chứ không hoạt-dộng như ông Cả Láng hay W. Churchill dễ gây ra thú. Những người nóng sốt như tôi, chắc không theo được anh.

— Đúng như thế. Cho nên, muốn đầy đủ hơn, cả thân-thể lẫn tâm-hồn cùng phải hoạt-dộng nhiều, để tạo ra thú mà hưởng : như khi nhảy múa, hòa nhạc. Loại tiêu-khiển này thích-hợp hơn với nhiều người, nhất là thanh-niên máu-huyết dồi-dào không ưa ngồi yên hay lơ-phờ như tôi. Vả lại, những trò của tôi chỉ có thể mở mang trí-thức mà thôi : nếu tôi cố một bước nữa, vừa đọc lấy vui vừa lợi dụng sách báo để viết văn giúp ích như J. Lemaitre, E. Fa-guet, Lê-Quy-Đôn hay Trần-Trọng-Kim, nghĩa là có hoạt-dộng sáng-tác, thì sự đọc sách mới rõ ràng nâng cao phẩm-cách. Nhân-phẩm còn có thể cao theo một hình-thức khác, để con người tự tin và vui sống mặc dầu gặp nghịch-cảnh : anh Chung ưa hội họa mà vẽ, vì khi gửi tâm-hồn vào sắc màu hình bóng, anh thấy mình là một

nghệ-sĩ chứ không phải là viên thư-ký chịu lệ-thuộc một ông chủ tiệm buôn. Cây bút sơn tung-hoành trên vài lụa, đã đưa lại cho anh sự an-ủi đền bù: tuy phải dạ dạ vâng vâng, con người của anh được thoát ly khỏi kho hàng và sổ sách kế-toán, để này nở theo khả-năng mà tạo-hóa đã phú cho anh.



Sau buổi hội-dàm với Phú, Văn ngẫm nghĩ nhiều. Dù thỏa hiệp, hay cần đề dặt đối với những ý-kiến của Phú, Văn cũng thấy vấn-đề giải-trí đáng được cứu xét kỹ hơn.

Cách đó chừng hơn một năm, đến lượt Văn cho Phú rõ quan-điểm của mình. Một điều đáng chú ý, là Văn đã có chân trong nhiều hội: Hướng-đạo, thể-thao, nghiệp-đoàn công-nhân, văn-nghệ, phụ-huynh học-sinh v.v...

Văn nói chuyện với giọng giông giặc, nét mặt cương-quyết chứ không còn vẻ chán chường hoài-nghĩ như trước. Văn đã tìm được cách tiêu-khiển thích-hợp.

— Đọc và ngắm, trong phạm-vi mà chúng ta đương dò xét, tôi nhận ra ba hạng người: hạng cần tìm giải-trí, nghĩa là đại-đa-số —; hạng làm cho người khác vui thích, như các nhạc-sĩ, ca-nhĩ, tài-tử, người giết giải thể-thao; — hạng thứ ba giúp cả hai hạng trên tổ-chức để đạt mục-đích chung.

Chắc anh đã thấy chỗ mình đứng trong thiên hạ như thầy Mạnh-Tử.

Văn xét mình không thể ngồi yên kêu chán và ước mơ suông, hoặc tìm thú gì mà an hưởng như Phú; song cũng không đủ năng-khiếu hoặc còn tuổi trẻ để luyện tập thành hạng thứ hai. Nên chỉ còn cách đem

thời-giờ dư mà hoạt-động để gia-nhập hạng thứ ba.

Phú mĩa lại:

— Thế chẳng hóa ra Văn cũng lăm lăm công việc với tiêu-khiển?

— Tôi đã thấy việc vui nên tìm vui ở việc. Một hoạt-động chỉ là việc khi buộc phải làm, nhưng thành ra nguồn vui khi tự mình thấy hay mà tự-ý đảm nhận.

Văn đã chịu khó xét xem sự giải-trí đòi hỏi những biện-pháp gì ở nước ngoài và quanh mình, thì trước hết thấy các dân-tộc tiên-tiến, ở phạm-vi này cũng như về khoa-học kỹ-thuật đã đi xa ta rất nhiều. Văn-đề không những chỉ đặt ra cho cá-nhân, mà đã được các chánh-quyền và các tổ-chức quốc-tế cố-gắng giải quyết bằng những phương-tiện xứng đáng với tầm quan-trọng mà các nhà xã-hội học đã nêu rõ.

Chế-độ dân-chủ càng được phổ-biến, mức sinh-hoạt của các tầng lớp dân-chúng cần được nâng cao, nhất là của các giới cần-lao, để họ hưởng được những thực-hiện của văn-minh hiện-đại, những thú vui mà xưa kia thiếu-số quý-tộc, trưởng-già, cự-phú nắm giữ độc-quyền. Cho nên luật-lệ xã-hội ở nước tự-do nào cũng theo đà tiến chung mà cho kẻ làm việc những dịp nghỉ ngơi và giải-trí tối-cần cho con người (1).

(1) « L'éducation ouvrière est la condition fondamentale du progrès social et de la libération des travailleurs. L'utilisation des loisirs doit servir à l'éducation, elle doit aider à réaliser la justice sociale » (Albert Thomas, Chủ-tịch Phòng Quốc-tế Lao-động).

« Besoin absolu de la personne humaine » (Commission Supérieure des Conventions Collectives).



Tổ-chức Lao-dộng Quốc-tế (O.I.T.) và Tổ-chức Văn-hóa Quốc-tế (U.N.E.S.C.O.) đã cùng các nước hội-viên nhiều lần bàn xét và trao đổi kinh-nghiệm ở phạm-vi giải-trí tiêu khiển, với mục-đích giúp các tầng lớp xã-hội, nhất là căn-lao và thanh-niên dùng ngày giờ nghỉ hàng ngày hàng tuần và hàng năm một cách ích-lợi cho thân thể, tinh-thần và trình-độ sinh-hoạt (1).

Công-cuộc đó được các chánh-phủ và các đoàn-thể tư-nhân hợp tác để thực hiện. Nước nào cũng đặt ra những cơ-quan chuyên-trách, như British and Holidays Board ở Anh, có khi thiết lập hẳn một Bộ Giải-Trí, Ministère des Loisirs như ở Pháp hồi 1936. Song phần hoạt-động quan-trọng nhất do các hiệp-hội và nghiệp-đoàn đảm nhận: các hội du-lịch (Touring Club) hội cắm trại (Camping club) bên Anh, Mỹ, hội Tương-tế Nghi-

hè Bình-dân ở Đan-Mạch (Congés Populaires Danois), hội Nghi-hè và Sức khỏe ở Bỉ (Vacances et Santé) và các ủy-ban xã-hội trong các xí-nghiệp, học-hiệu lớn v. v. . .

Các hoạt động giải-trí có rất nhiều hình thái, trong gia-đình, xưởng-máy, công-viên nhi đồng, lâm-viên quốc-gia, sân vận-động, bãi biển, . . : các môn thể thao, hòa nhạc, ca kịch bình-dân, (théâtres populaires) thư-viện lưu-động (bibliothèques roulantes) diễn thuyết, hội họp văn-nghệ, trại hè (colonies de vacances) quán trọ thanh-niên (Auberges de la Jeunesse), du lịch trong xứ hay trao đổi các đoàn du-khách từ nước nọ sang nước kia... nhiều khi những địa-phương tiếp giáp nhau cùng lập chung những khu-vực di dưỡng (zones de récréation et de délassement).

Để thực hiện những kế-hoạch giải-trí, mọi sự dễ dàng, giúp đỡ tiền bạc hay các phương-tiện cần-thiết khác, cũng được lo liệu chu đáo. Chánh-quyền, các nghiệp-đoàn cũng góp phần với tư-nhân để xây các trụ-sở, lữ-quán, hí-trường, hồ bơi... Giá tiền thuê khách-sạn hoặc chuyên chở, được miễn giảm nhiều. Trợ cấp của các ngân-sách quốc-gia hay các thị-xã, tiền

(1) « Les méthodes suivies », permettant de bénéficier pleinement de leurs congés payés, de leur repos hebdomadaire et de leurs loisirs en général « en vue de leur délassement physique et culturel, « ainsi que l'élévation de leur niveau culturel et de leur niveau de vie — Résolution de la C.I.T. 1949. Conférences Internationales du Travail 1924, 1938, 1949, 1953, 1954.

đóng của những người thụ - hưởng và các đoàn - thể xã - hội, thường được thâu vào những quỹ riêng (Fonds d'épargne syndi-caux, Caisses de Vacances, Caisses de voyage, Fonds de Loisirs v v...) Nhiều xứ như Ý, Anh, Thụy-Sĩ, Perou, đặt ra chế-độ cho vay để nghỉ hè, du-lịch rồi trả dần từng tháng, hoặc phát hành những trái-phiếu đặc - biệt thay tiền (bons de crédit touristique, bons de vacances...)



— Anh cũng có tham-vọng nhập cảng các thứ đó vào xứ ta ?

Đến lượt Phú mỉm miệng hoài nghi, và hỏi Văn với giọng hơi giễu cợt.

— Sao lại không ? Mình kém gì ai ?

Nhu-cầu giải trí công-cộng ở nước ta cũng mạnh như ở xứ khác, và đứng về phương-diện cải-tiến xã-hội, tôi thấy còn có phần cấp bách hơn.

Văn nhắc cho Phú một thực - trạng cần phải lưu ý : từ hồi ngoại thuộc, chúng ta đã bắt đầu có các thành - phố, có kỹ - nghệ thương - mại, với sự tụ dân lao - động và thanh-niên ở những khu-vực chật-hẹp. Sự chen chúc thiếu vệ-sinh, cũng như cuộc đời ô ạt, làm tổn hại sức khỏe và thuần-phong mỹ-tục của một dân-tộc quen sống ở đồng ruộng : cảnh đó đã diễn ra từ thế-kỷ trước ở Âu-Mỹ và lan tràn sang ta. Cho nên ta phải theo gương ngoại-quốc mà chống lại các tai họa xã-hội về vật-chất và tinh-thần, phòng theo những phương-pháp mà họ đã thí nghiệm.

Ta còn phải tiến gấp để kịp họ, hay ít ra để sinh tồn trong giai-đoạn tranh đấu gay go mà ta đương phải vượt. Như vậy phải khỏe, giỏi, và hăng hái. Song đối với đại-

chúng, học chữ đề tiến, chưa chắc mau lẹ bằng tập chơi trò có ích : đó là một ý-kiến không quá táo bạo như Phú ngộ tưởng.

Phú không thể chối cãi rằng chiếu bóng có ảnh hưởng mạnh hơn sách vở. Giảng cho hiểu nỗi bài thơ hay, tốn công hơn là cho nghe nhạc để kích động. Uốn nắn trẻ em mà chỉ bắt học bài luân-lý hoặc thuyết rất cò, không chóng có hiệu-quả bằng cho chúng gia nhập đồng-tử-quân.



Hơn nữa, tập một trò chơi mới, phải thay đổi cử-chỉ tác-động và lễ lối cảm giác nhận thức. Văn nhớ lại sự dị-biệt về thể-chất và tinh-thần, khi xếp bằng tròn trên sập mà phỗng chi-chi-nầy, và khi xông sáo trên bãi cỏ để tranh cướp bóng truyền : từ trò nọ đến trò kia, Văn đã biến từ thái-độ lễ phè và tâm trạng ảo thua của ông phú-hộ « an-nam », đến hùng mạnh hiên ngang của thanh-niên Việt-Nam mới.

— Nhưng liệu có gây nổi phong-trào ở Việt-Nam không ?

Văn yêu cầu Phú xét một cách khách-quan. Có nhiều bằng chứng cho phép tin vào tương-lai. Ai cũng nhận thấy đồng-bào cần giải-trí, muốn vui sống. Giấy vẽ rạp tuồng hay đá banh, rất khó mua. Các nhà điện-ảnh, phòng trà có ca vũ

nhạc, những quán ăn bên dòng ruộng rất đông khách. Sở Thú Đà-Thành, bãi biển Vũng Tàu, Nha-trang, nhan nhản người qua lại, nghỉ ngơi.

Từ sau khi đóng cửa Đại-Thể-Giới, các cơ-quan chánh-quyền đã phát động phong-trào giải-trí lành mạnh, ở khắp các nơi. Tại Saigon, hiện nay có 21 địa-diểm hòa nhạc, chiến bóng không lấy tiền, nhiều cuộc vui khác được tổ-chức ở các tỉnh: thể thao, cắm trại, du lịch tập-đoàn, trình diễn văn-nghệ...

Tuy-nhiên, sự phát-triển công-cuộc này còn tùy thuộc nhiều điều-kiện mà ta chỉ có thể liệu cho đủ dần: mức sinh-hoạt phải cao hơn, lối-tức của dân-chúng có dư thì giải-trí mới được nghỉ ngơi. Các đoàn-thể xã hội, kinh-tế, văn-hóa cần tham-gia mạnh hơn để bổ-túc và phổ-biến những hoạt-động mà chánh-quyền đã khuyến-kích, chứ không chánh-phủ nào có đủ phương-tiện tài-chánh hay nhân-sự để ứng phó với một nhu-cầu đời tư mà tư-nhân trước hết phải tự mình thỏa-mãn.

Song nỗi khó khăn khiến Văn quan-tâm nhất, là sự cần-thiết thay đổi cả quan-niệm về giải-trí của một số người còn khá đông.

Có nhiều bạn như Phú, chỉ tìm vui một mình. Cái vui đó, dù thanh-cao hay hời hợt đến đâu, chỉ như của người ăn-dật thời xưa, không ích-lợi gì cho người sống quanh mình, ngay cho vợ con.

Phú đọc sách, xem báo, coi phim, ngắm cảnh: trong khi Phú rung đùi, vỗ tay hay cười thầm, thì lũ con vẫn đứng thừ như các ông phỗng, hoặc lẩn mẩn chơi

với hòn sỏi, màu gỗ, tờ tranh Spirou là cùng. Bắp thịt của chúng không được cứng rắn, lớn lên chúng sẽ lại buồn vợ vãn, khóc mây gió, hay đi tìm những thứ say mê bị cấm. Phú thừa biết như vậy, sao không chơi với chúng, dạy chúng chơi mà hướng dẫn?

Vợ Phú đầu tắt mặt tối, trông nom bếp nước con cái, may vá dọn dẹp từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối, may ra được ngó qua tờ nhật-báo vài phút, mặc dầu có vú già giúp đỡ. Chủ-nhật, ngày lễ, chồng con ở nhà, thì lại bận hơn. Còn đâu là sinh-thú, và nét xuân mấy lúc sẽ phôi pha? Có bao giờ vợ Phú tính toán xếp đặt công việc để có dư chút thời giờ thông dong giải-trí?

Cũng chẳng nên trách: thói quen của chị Phú là kết-quả giáo-dục mà chị thụ nhận từ nhỏ. Hai Cụ thân-sinh cần mẫn biết bao! Cửa hàng tạp-hóa khá lớn, mở cửa từ sớm đến gần 10 giờ đêm quanh năm ngày tháng, trừ bốn ngày Nguyên-Đán. Làm gì có chủ-nhật, nghỉ hè? Tết thì lại càng bận tju hơn ngày thường. Thấy các con xin phép đi chơi, cụ bà kêu: lêu lộng vừa chứ. Tóm lại phải làm ăn, và cứ như lời cụ nói, thì đời người chỉ có hai việc làm và ăn.

Như vậy, có chi lạ, khi sự gia-nhập đồng-tử-quân hoặc sự tham dự trại hè của các em vợ Phú bị cản trở? Các cụ dạy: để thời giờ mà học, con gái lớn ngày nghỉ phải giúp đỡ cha mẹ, đàn đúm chơi rong sao tiện? còn con trai nhà gia-giáo, mà vác bị vác gậy lang thang, nhà chẳng ở đi cắm lều ngủ ngoài đồng, rõ hết khôn đồn đến đại.

Ý-kiến các cụ như vậy, tuy mới hơn 60 tuổi, nghĩa là cũng đã mục kích nhiều sự thay cũ đổi mới, chứ không phải quá già nua hay bo bo thủ cựu. Không, chính cụ ông đã có can đảm tiết giảm nhiều lễ-nghi phiền-phức. Song trong việc cải-cách, cụ đã bãi bỏ mất cả nhiều tết, như mừng ba tháng ba, rằm tháng tám, nghĩa là những dịp có thể cho lũ trẻ xum họp vui chơi, quanh những đĩa bánh trôi chẳng tốn kém gì, hoặc những bàn cỗ bánh trái hoa đèn đã đem lại cho tuổi thơ thời trước một hai đêm tung bừng thường thức nguyệt. Dân nước nào cũng có tục-lệ nhiều ý-vị mà họ

vẫn giữ, nhất là đề cho cảnh gia - đình tăng phần ấm cúng hân hoan...

Cho nên, phải làm thế nào cho những người trẻ như Phú, hay có tuổi như hai cụ nhạc, chịu xét lại đề bỏ khuyết hay cải tiến ý-niệm về giải-trí, thì mới mong có sự tham-gia sốt sắng của đại-đa-số phụ-huynh và thanh-niên các giới, ngõ hầu thành lập những đoàn-thể khá đông đúc, hăng hái : điều-kiện tối-yếu để theo kịp đà tiến vui sống của nước ngoài.

Mặc dầu Phú còn mỉm cười, Văn vẫn sẽ cố gắng...

Đ. T.

- ★ Khi ta nhận thấy thiện-tâm hình như đã rời bỏ thế-gian rồi, thì ta nên nghĩ thiện-tâm có lẽ đã rời bỏ lòng ta trước. (Duhamel)
- ★ Trách người đề đến nỗi người phải ngậm miệng, nín tiếng, đỏ mặt, toát mồ hôi thì tuy được hả lòng, song tỏ ra nông nổi khe khát quá. (Lã-Khôn)

Muốn thống-trị kẻ có vàng hơn là được vàng

Curius Dentalus, người La-mã, nổi danh về tài điều binh khiển tướng, còn nổi danh hơn nữa về tinh-thần bất vụ lợi. Ba lần chấp-chính, hai lần được vinh-thắng vì thắng người Brutiens, người Lucaniens, người Sabins và vua Pyrrhus trong trận Bénévent. Khi người Samnites thua trận, phái hai đại-biểu tới xin ông ra cho những điều kiện đầu hàng trong vinh-dự, đồng-thời dâng nộp ông một số binh vàng. Ông Curius Dentalus từ chối không nhận bảo vật, nói :

— « Ta muốn thống-trị kẻ có vàng, hơn là được vàng của những kẻ ấy ».

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đài-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Zibute Matia (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

ĐỐT SÁCH

Ký-sự của MỘNG-TUYẾT thất tiểu muội

*Sách tội-linh gì phải kiếp tro
Thủy-hoàng ông mắc cái lăm to
Diệt Tần gặp phải tay Lư, Hạng
Một chữ nào ai biết cóc khô*

Năm 1925.

Cô Út, đang học lớp nhì trường tỉnh, năm ấy, vừa mười một tuổi.

Có một độ, ngày ngày, cô mang tập vở « Devoir » to bằng nguyên khổ một « manh » giấy trắng. Bìa vở bọc bằng « giấy nhứt-trình ».

Chiều đọc tập vở là chiều ngang của tờ giấy báo bao tập. Một hàng chữ út choán cả 6 cột báo. Những con chữ to đậm nét : « **Phan Bội-Châu bị tòa kêu án khổ-sai chung-thân** » Hàng chữ to gần bằng hàng chữ « yết thị » mà Út thường thấy dán ở nhà việc làng.

Mắt cô học trò, mặc dầu, lướt qua quen thuộc với hàng chữ kia, lòng vẫn âm-thầm thắc-mắc : « Phan Bội-Châu là người thế nào ? Làm gì, mà bị khổ-sai chung-thân ? Một tội-danh ghê gớm. Lòng trẻ thơ cứ thấy gờm-gờm cái tên đó, mỗi khi mắt thoáng lướt qua. Nhưng mà lạ, ba chữ « Phan Bội-Châu » nghe có vẻ thanh-nhã văn-hoa chứ không phải cộc-lốc dữ tợn như những tên tội phạm ăn cướp sát phơ

trong xứ, mà cô đã từng nghe người lớn nói đến.

Những người lớn xung quanh, hình như cũng có bàn tán về tin đăng trên tờ báo kia. Nhưng mà bàn tán một cách e-dè thăm kín, cho nên trẻ nhỏ xung-quanh vẫn không được nghe ai nói rõ-ràng về cái tên mà tự mình cho là khả kinh khả úy.

Cũng vào hồi mấy năm trên đó, cứ vào khoảng những ngày đầu tháng năm dương-lịch (1er Mai), buổi sáng nào vào trường, cũng nghe các bạn học tùm năm tùm ba xì-xào.

Nào : Có ai rải giấy ở thớt thịt ngoài chợ.

Nào : Ở Cầu cống trên đường đi Pháo đài, có ai giấu một bó truyền-đơn bí mật.

Nào : Anh Đ. học trò lớn nhất của trường đã trốn mất, cái anh học trò cao lớn nhất lớp ấy mà.

Nào : Anh T. anh M. đã bị bắt.

Anh M. là anh có nhiều sách cho các bạn mượn ấy mà. Anh M. mà bị bắt thực

là uồng. Anh ấy là cháu một ông chủ tiệm nước, có nhiều tiền, mua được nhiều sách. Tiểu-thuyết của anh mua, được chuyển tay khắp trường. Nhưng trò nào thích đọc mà không quen anh, vẫn đọc được sách của anh, mà không cần phải mượn tới anh đâu. Cứ tuần-tự, quyền sách chuyển từ tay này qua tay khác, đến khi trở về tới anh, là quyền sách đã nát như. Có khi không trở về nữa. Mà anh vẫn thản-nhiên không tỏ vẻ bức-tức bao giờ.

Út vẫn học cùng lớp, nhưng không quen anh, vì anh thuộc về đám học trò lớn là đàn anh cả lớp. Út thì kể là trong đám em út.

Trường học ngày xưa vẫn có hai hạng tuổi cùng học chung một lớp. Hạng thì lớn như người lớn, hoặc có anh đã có vợ, hay đã đi nói vợ, mà còn phải học chung với lũ trẻ em. Út đọc sách của anh M. qua tay một bạn gái. Chị Lan vẫn cùng trang lứa, nhưng là con gái của thầy giáo, nên chị mượn được sách của anh M. dễ-dàng. Có quyền anh M. mua về chưa rọc mà chị cũng đã giành rồi.

Nhưng hình như anh M. không phải vì nể chị mà cho mượn như thế. Mà vì những cái bí ẩn gì khác.

Cho đến hôm nay, sau cuộc rải truyền đơn, anh đã trốn mất, thì các bạn học mới hơi hiểu anh hơn một chút, qua những hành-vi sấm sách thật nhiều và cho mượn bừa bãi đó.



Toàn là những tin bí ẩn và kín mật, hình như có liên-quan đến những vấn-đề « Quốc-sự » cho nên cô học trò nhỏ đó vẫn không biết hỏi ai. Mà đã có ai bằng

lòng giải thích để cho cô được thỏa tính tò-mò.

Ở trường, không dám hỏi thầy giáo ; về nhà, cũng không dám hỏi cha anh. Nỗi thắc-mắc cứ âm-thăm càng ngày càng thêm thắc-mắc.



Rồi dùng một cái, có những anh học trò « trường lớn » ở Cần-thơ, ở Mỹ-tho chờ rương về, mà không đúng vào kỳ nghỉ bãi trường nào cả.

Danh từ « làm reo », làm reo vì « quốc-sự » lại được làm đầu đề cho bọn học trò con nít bàn bàn luận luận.



Cách đó ít lâu, cô Út lại được theo mẹ lên thăm người chị họ ở Chợ-lớn. Nhân dịp này, Út lại được nghe thấy nhiều điều mới lạ hơn chút nữa.

Tình-cờ, Út được gặp một tập vở chép tay, bìa cứng. Chữ viết nắn nót trịnh-trọng. Cô bé không giành tập vở trên tay cậu em họ, vì cậu này vừa lòi ra, trong đáy rương, của một người bạn học với anh mình.

Hai anh bạn lớn đã gửi rương học lại mà đi về tỉnh xa, để tránh bớt việc chuyên chở bẽ-bộn giọc đường.

Trong tập đó, có chép rất nhiều bài văn, bài thơ. Đọc lên, bí mật và xa lạ quá. Bảy giờ, Út cũng đem giấy ra chép lại :

Á-tế-Á năm châu là bậc nhất

Người thì nhiều mà đất cũng nhiều hơn

Cuộc đời mở hội doanh-hoàn

Anh-hùng bốn bề, giang san một nhà

.

Lời huyết-lệ gởi về trong nước
 Kề tháng ngày chưa được bao lâu
 Liếc xem phong-cảnh năm châu
 Gló mây phảng-lặng dạ sầu ngàn-ngor

Cô học-trò cảm thấy có cái gì bí ẩn ở trong những bài thơ kia, những lời kêu gọi thiết-tha, hùng-hồn quá. Út chỉ âm-thầm đọc lấy một mình; cũng chưa dám đọc cho ai nghe và cũng chưa dám hỏi ai cả. Mỗi lần đọc lên, thấy lòng rung động sâu xa, một thứ rung động e-dè, không phân tích được.

Chỉ biết là đọc nó không như những bài học thuộc lòng của nhà trường, mà nó có cái gì rờn-rợn trong tâm hồn.

Những khúc thơ, bài văn, có nhan đề xa lạ vô cùng, nào là *Chiêu hồn nước* nào là *Hải-ngoại huyết-thư*, nào là *Lưu-câu huyết-lệ tân-thư*. Và lại, có những bài *Vô-đề* mà cũng đều một giọng kêu gọi thúc-giục thiết-tha, bằng những chữ *át-quốc, hợp-quần, dân-quyền, nô-lệ* v.v...

Từ ngày biết đọc, chưa từng được thấy những tiếng đó trong sách vở. Thực là một thứ chữ nghĩa lạ-lùng, khác hẳn với các bài luân-lý, cách-trí ở nhà trường đã đành, mà cũng khác hẳn với các loại văn-chương trong các pho truyện tàu, trong các pho tiểu-thuyết mà Út được biết.



Trong tỉnh, có một nhà giáo. Nhà ở ngay bên bờ Đông-hồ.

Gia-thế này thuộc về nhà hay chữ, nổi tiếng. Ông cụ bác tuy không khoa-cử

mà văn hay chữ tốt. Tánh tình nho nhã, không giàu có, mà vẫn phong-lưu. Những khách giang-hồ, những thầy đồ « nghệ », khăn gói gió đưa, mà có đến đất Phương-thành, thì cũng đều ghé qua chơi với Cụ năm ba hôm, xướng họa vài bài thơ, thôi-xao đôi câu đối, kê-lễ ít giai-thoại văn-chương, bình phẩm những chuyện anh-hùng bốn bề. Nhờ chí-sĩ Cúc-nông Trương-Gia Mô, có lúc đến nằm chơi ở đây hằng đôi ba tháng.

Anh Trác-chi, cháu gọi cụ Hữu-lân bằng bác, là nhà giáo sống trong gia-đình đó. Theo thói nhà, anh đọc sách và dạy học. Cái ông giáo nhỏ này đã nổi tiếng kỳ khôi. Ít giao-du bạn bè trong xứ, chỉ đóng cửa đọc sách viết văn.

Ít chơi-bời với người trong tỉnh, nhưng mà hình như giao-thiệp nhiều lắm với những ai ai xa dàu. Mỗi lúc có chuyến xe chuyển tàu bưu-dịch về tỉnh, người bưu trạm phải dành riêng cho nhà giáo này một ngăn để chứa những thư giấy báo chí. Số nhiều gần ngang với số công văn của tỉnh đường. Út biết rõ việc này, là nhờ Lành, nhờ Cửu. Lành và Cửu đều là bạn học của Út. Hai cô bạn gái nhỏ này đều là con gái của hai ông chủ sự Bưu-điện tại tỉnh. Ở tỉnh, viên chủ-sự ở ngay tại nhà Bưu-điện. Bọn con nít chạy vào chơi phòng giấy xem coi người ta soạn thư từ là sự thường.

Lại thêm một chàng thư-sinh cao lênh-khênh như trúc, đang tòng-học ở trường Trung-học Cần-thơ, nhân mùa đám táng Cụ Phan Châu-Trình, cũng lục-tục vác rương về nằm khềnh đó...

Làm gì thì không ai biết làm gì, chỉ thấy bộ tướng dài lưng tợn vãi, ăn no

lại năm, rồi thì cùng với anh Trác-chi ngao-du sơn thủy...

Vào khoảng mấy năm đó, sách xuất-bản cũng nhiều, mà sách bị cấm cũng lắm. Nay mới có lệnh « Cấm lưu-hành và tàng trữ », mai đã có lệnh khác cũng « Cấm lưu-hành và tàng trữ » không quyền này thì quyền khác.

Những người không đọc sách, và không chứa sách thì những lệnh đó không quan-hệ gì hết. Còn những người yêu sách, mê sách, nhất là chứa sách thì, đối với những lệnh cấm kia, có liên hệ không biết chừng nào.

Ai hay đọc sách, ai hay chứa sách, ai hay đọc báo ai hay viết báo, ở một vùng hẻo-lánh nhỏ-xiu như đất Hà-tiên thì thực là khó mà làm cho người ta không đề ý.

Một trăm mối nghi-ngờ của nhà đương-

cuộc đồ xô vào ngôi nhà cũ năm căn, mái thâm-thấp trước có trồng hai bụi trúc.

Lại còn hai bụi trúc nữa ! Trồng hoa trồng cỏ chẳng trồng, trồng chỉ hai bụi tre ngay trước sân nhà, quanh năm ngày tháng, rậm-rạp um-tùm. Đề mà che mắt dòm ngó của người qua lại hai chẳng ?

Khoảng mùa hè năm 1930, Anh Trác-Chi, chủ-nhân gác sách kia và nhà học-xá nọ, nhân mùa nghỉ dạy, đã khăn gói lên đường, đi « chu-du thiên-hạ... ». Bồng-bềnh khăn gói, dẫu bèo chẳng biết trôi dẫu và ngừng dẫu. Nhưng mà ở tỉnh nhà, thì người ta đồn-đại rằng anh đi tuyên-truyền Quốc-sự. Chuyện đó hãy biết vậy thôi...

MỘNG-TUYẾT thốt tiểu muội

(Văn cỏ Dưới mái Trăng non)

(còn tiếp một kỳ)

-
- ★ Không được lòng người thì khó lòng điều-khiển được công-hiệu ; dùng mánh-lực có thể ép buộc người thi hành một công việc nhất định, song không thể khiến người đem toàn tâm, toàn lực phụng-sự một cao nghĩa. (A. Gèze)
 - ★ Người dưới chỉ có thể xuất toàn tâm, toàn lực vào một công cuộc khi cảm thấy người trên điều-khiển họ với tấm tình sâu xa thành thật, với ý-chí hy-sinh tận tụy, tận tâm, với nguyện-vọng thiết-tha nồng-nhiệt làm nảy nở mọi khả-năng tiềm ẩn ở trong người họ để họ được góp phần vào công cuộc chung. (A. Gèze)
 - ★ Một tấm lòng khô khan có thể khiến người ta sợ, nhưng chỉ được người ta giúp với tinh-thần của một kẻ nô-lệ, nghĩa là giúp một cách dở vô cùng.
 - ★ Người bị nhiều kẻ ghét ở trong thế rất nguy. (Tuân-Tử)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

✻
Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

✻
Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

✻
Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac

✻
*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*

✻
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**
Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

Yā-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Đăng từ B. K. số 59)

Sau anh bạn đồng-nghiep (dạy học và viết văn) ở ngay chốn kinh kỳ ồn ào chen chúc này, đến lượt một anh bạn đồng-nghiep khác (cũng viết văn và dạy học) góp ý, bàn lời; nhưng anh bạn sau đây lại ở tận chốn « lều lờ thơ » ở mút miền Nam nước Việt, nơi rất giàu « cá chốt và Triều-châu », vì thế mà phần « đóng góp » của anh thật là hết sức đầy đủ và quá ư đặc-biệt. Anh bạn này chẳng xa lạ gì với các bạn, vì chúng tôi đã nhắc đến anh khá nhiều trong bài kỳ trước : anh Yā-Học Nguyễn-Văn-Trung ở Bạc-lieu.

(Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í)



« Công việc làm của anh Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í quả được chú ý và theo dõi một cách nhiệt-liệt. Nhưng số người yêu quốc-văn ở khắp miền Nam nước Việt, muốn tham-gia vào việc sưu tập và định-nghĩa, vừa gian-nan vừa thú-vị này, số người ấy sẽ tăng-gia lên nhiều, và sự hợp-tác của họ sẽ đặc-lực hơn nhiều, nếu hai anh không buộc họ phải « ghi riêng số báo nào, trang nào, đã đăng những tiếng địa-phương nào đã giải-thích, để sau tiện việc tra tìm ». Hỡi ôi ! Ai là người có đủ thời giờ, mà dẫu dư thời giờ đi nữa, xin hỏi ai là người có đủ kiên-nhẫn để làm việc biên chép và sắp thể (fiche) khô khan ấy chứ !

« Dở mười một số « Bách-Khoa » cũ, chép các từ-ngữ vào từng mảnh giấy rời dể rời sắp lại theo thứ tự a, b, c...,

thử nghĩ phí bao nhiêu thì giờ. Chắc có đến nửa ngày công-phu, nghĩa là sáu giờ.

« Trong bốn phép tính gốc, có một phép quan-trọng vô cùng mà đôi khi chúng ta lại quên bẵng đi. Có một thi-nhân hồi trước giấc đã không thể làm ngơ với nó khi chuyện-văn cùng Trăng :

« *Biên nhân người thành ức triệu vòng khuyên* ».

« Nay giả-sử hai nhà biên soạn của chúng ta chịu khó làm một bài toán nhỏ, đem số 6 giờ ấy nhân cho số người ham thích gom góp tiếng địa-phương, thí-dụ là 500, thì hai anh sẽ ngạc nhiên đến cực-độ trước cái số lượng thời gian mình đã làm phí-phạm cho bao người cầu học ở xứ này.

6 giờ $\times$ 500 = 3.000 giờ.

« Ba ngàn giờ ! có thể dùng để hoàn thành một tác-phẩm văn nghệ, để viết xong một truyện dài trên 300 trang chữ nhỏ li-ti như « Đồ đạc » chẳng hạn.

« Quả tình tôi không làm sao cưỡng lại nổi cái ý muốn chép ra đây một lần nữa câu nói của nhà triết-học Nietzsche mà giáo-sư Jean Guittou nêu lên làm đề từ (épigraphe) ở đầu bài tựa quyền « Le travail intellectuel » (Paris, Editions Aubier, 1951) :

« Les vérités les plus précieuses sont celles que l'on découvre en dernier lieu ; mais les vérités les plus précieuses, ce sont les méthodes. (1) » Nietzsche

(Những chân-lí quý báu nhất là thứ chân-lí mãi đến giờ chót ta mới phát kiến được ; mà những chân-lí quý báu nhất ấy (2) chính là những phương pháp.)

(1) Dở sách ra trước mặt mà chép, dò lại năm lần bảy lượt, chứ không phải bằng và 40 trí nhớ bấp bênh (Ng. V. Tr.)

(2) Chúng tôi cho in đậm chữ ấy này, vì không hiểu anh bạn « thấy » nghĩa chữ « ấy » ấy ở đâu trong nguyên văn, và sự có hay không có chữ « ấy » này nó cực-khỉ quan-trọng. Và lại, anh bạn trích lại đoạn văn trên của Nietzsche, qua một nhà văn khác, thì chúng ta cũng có thể nghĩ đến câu—dù đây mới có hai lần — : « Tam sao .. » (Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í.)

Bài biên soạn vội-vàng này, chỉ cốt để chứng minh cùng quý vị độc-giả thân mến của Bách-Khoa, và riêng với hai anh Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í, rằng dẫu chúng ta « đang lẫn dò, gần như thấy đầu nói đó », dẫu « không muốn đi sâu vào đường chuyên môn, mà chỉ đứng về mặt văn-chương » đi nữa, chúng ta cũng nên và cũng có thể sắp những thờ ngừ rời-rạc, đã sưu tập được giữa hai kì báo, theo cái thứ tự phổ-thông nhất, và cũng được việc nhất, là thứ tự a, b, c... vậy (3). Tuy sự sắp xếp ấy, chỉ có thể làm được trong từng số báo một, nhưng học giới sẽ cảm ơn hai anh gặp bội, bởi lẽ hai anh sẽ tránh được cho họ sự ngao-ngán khi buộc phải dở chồng báo cũ để kiểm điểm từng hàng chữ nhỏ li-ti, và nhất là tránh được cho họ sự thất vọng đôi khi đột hiện vào phút cuối cùng, sau mấy giờ khổ công tìm kiếm.

Ngày 4 tháng 4 năm 1959

Yũ-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(3) Về điểm này, chúng tôi đã trả lời trong bài trước. Và chúng tôi đã hiểu lầm ý anh bạn : hiểu là anh thất vọng vì toàn thể loạt bài « Danh từ địa-phương », nhưng anh chỉ thất-vọng về điểm bài không sắp theo một trật-tự nào, và chúng tôi lại hiểu anh phản nân chúng tôi sao chẳng sắp toàn thể các bài « Danh-từ địa-phương » theo thứ tự a, b, c, trong khi anh mong chúng tôi sắp từng bài một (Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í)



Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)



Kỳ này, chúng tôi nhường mục này lại cho bạn Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung. Có một điều chúng tôi cần nói rõ là bạn Yã-Hạc đã lấy hầu hết thí dụ trong tiểu-thuyết « Đò dọc » của một trong hai chúng tôi. Sự khiêm-nhượng xui chúng tôi phải giấu mặt bài này, nhưng sự cần biết của đồng-bào ba miền lại khiến chúng tôi phải cho đăng ra.

Nhiều văn hữu miền Bắc, miền Trung có phản nản chúng tôi dùng nhiều danh từ địa-phương trong « Đò dọc ». Khiến chúng tôi nghĩ : tại sao chúng tôi, người miền Nam, cần cù tìm hiểu văn nhân hai miền Trung Bắc, trong khi đó thì các bạn văn và bạn đọc hai miền kia lại không chịu tìm hiểu chúng tôi ? Các bạn không chịu tìm hiểu thì chúng tôi xin giúp các bạn cho các bạn đỡ nhọc vậy.

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í

XIII

Chữ viết tắt
và ký hiệu.

< do... mà ra. Thí dụ :

Hênh xui < Hưng suy, ý
nói rằng :

Hênh xui do Hưng suy mà
ra.

Ng r.	Nghĩa rộng
Ph v.	Pháp văn
T B.	Tiếng Bắc
T d.	Thí dụ

Bạc-liêu : Một thị trấn trù phú ở miền Nam nước Việt, trước kia là một tỉnh lỵ, (tỉnh lỵ của tỉnh Bạc-liêu), nhưng nay chỉ là một chợ quận, thuộc về tỉnh Ba-xuyên. Nguyên nghĩa chữ Bạc : lựa thừa, liêu : lều. (Chớ chằng phải là Bắc-liêu, Bạc-liêu).

Sở dĩ những người Triều-Châu đầu tiên đến định cư ở nơi ấy đặt cho nó cái tên **Bạc-liêu** (lều lơ thơ), là bởi vì trước kia chỗ đó chỉ có một thiền sở cư dân làm nghề đánh cá, cất nhà lá rải rác trên bờ sông hoặc theo mé nước mà ở.

Trong Cổ văn Việt-Nam, có một thí dụ rất lí thú về sự dùng chữ Bạc với nghĩa : lơ thơ, rải rác.

Bống đầu bình lửa ầm ầm,

Gió bay nhà bạc, cát lăm cửa thừa.

(Truyện Phan-Trần, câu 155-156).

Bãi-hải : Còn nói là **Bãi-hải** : Tiếng la, tiếng nói rung sợ thái quá (Huỳnh-Tịnh-Cửa, tr. 25).

Kêu la bãi-hải : Giọng kêu nói sợ sệt hoặc la khan, không ai hiểu là chuyện gì. (H. T. Cửa tr. 399)

Td — Bà Nam-Thành ngã lẩn trên nệm, rồi la bài hãi : « Chết rồi ông ơi ! », (Bình-Nguyên-Lộc. — Đò đọc, tr. 9)

Bới đầu = bới tóc : Vắn thắt đầu tóc cho gọn (H.T. Của). Ở Bắc có tiếng *Bối tóc* ; *Búi tóc* ; *Búi tóc củ hành*.

Cà-rá : nhẵn.

Cà-rờn : Làm chuyện pha chơi

Nói cà rờn : Nói pha lửng, nói không chắc chắn (H.T. Của)

Td. — *Té ra ba nói thật à ? Cô Hoa hỏi :*

— *Chớ nầy giờ con ngờ ba, má nói cà rờn hay sao ?* (Bình-Nguyên-Lộc. — Đò đọc tr. 24)

— Ông cụ tuy vừa nói vừa cười, nhưng vẫn nghiêm trang chớ không cà rờn (BNL. — Đò đọc, 30).

Cờ : 1. Đò, ước chừng

2. Giả sử, dặt chừng, dặt như :

Td. — « Nhà lân cận ở cách đất ấy cỡ hú một tiếng dài mới nghe » (B.N.L. Đò đọc tr. 25)

— « Ông Nam-Thành nhắm sức học của con mình, cỡ đi làm thì lương chỉ đủ tiền son phấn và áo dài thôi, nên nhất quyết không cho bốn cô tìm việc » (B. N. L. Đò đọc, 28)

Chào rào : Tiếng nhiều người nói một lượt (H.T. Của) Thường dùng chung với : *chộn rộn*. T.d. — « Nơi buồng trong, nghe chào rào chộn rộn, nghe lại đui đũ lảm, rồi có tiếng cười, lại có tiếng khóc, cười và khóc đều do con gái cả » (B.N.L. Đò đọc 10)

Chắc ăn : Được kết quả đúng như ý muốn ; nên việc, thành công.

Td. — [Một loạt súng bắn xuyên qua dây phở.] Bà Nam-Thành cứ vừa la, vừa kéo mền trùm lại kín mít, làm như

trùm mền là chắc ăn lắm (B. N. L. Đò-dọc, 9)

Chiên chiên : Cà rá vàng có chạm trổ cùng dính nổi lên (H.T.C.)

Chộn rộn : Rộn ràng, lảng xảng, rối rắm (H. T. Của)

Chồng ngồng : Cao nghệu Ông Génibrel có ghi chữ nầy và dịch : Elevé.

T d. — Chồng ngồng cái đầu mà sao là như con nít é ! B. N. L. Đò đọc, 11)

H. T. Của không có ghi chữ ấy, mà chỉ có ghi ở trương 104 ;

Ngồng óc mà đại : Cao lớn mà đại : (Tiếng mắng)

Ngồng ngồng : Sầm sầm (Cũng là tiếng mắng đũa lớn mà ngu)

Dậm hú, dậm mõ : Khoảng cách xa, phải cất tiếng hú lớn hoặc phải gõ mõ mới thông tin với nhau được. Ông Génibrel có ghi tiếng này và dịch : Distant de la portée du son d'une crécelle, du son de la voix hélant 99n. (Dictionnaire annamite-français, 155)

Dóc ; Nói dóc : Nói dối, nói láo, khoác lác.

T d. — *Tụi em cho [anh] ăn trái cây thì phải biết.*

— *Nói dóc. Cây chưa trồng, lấy trái dâu mà ăn.* (B. N. L. Đò đọc, 29)

Giạ : Đồ dùng đóng lúa ở Nam-Việt, « dươn bằng tre, giống cái thúng sâu lòng, thường đựng chừng mười ô trở lại ». (H.T. Của) Giạ bằng hai tấu (20l x 2 : 40l)

Thúng giạ : Thúng đóng bằng một giạ. Ngr. Người to xác nặng nề.

T d. — « Ông ít bắn khoăn về gánh nặng bốn cái thúng giạ nầy vì ông tưởng rồi chồng nó sẽ rước con ông đi (B.N.L. Đò đọc, 28)

(Còn một kỳ)

Yã-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

Adresse Tél.
LOSSEIC

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghĩ (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Thử tìm xuất-xứ BÀI VỌNG - CỎ

★ — NGUYỄN-TỬ-QUANG

- Hoàn cảnh lịch-sử của bài vọng-cỏ hoài-lang
- Tác-giả lời ca và nhạc của ai ?
- Những biến-chuyển của thời-đại.
- Thử tìm một kết-luận cho vấn-đề.

Bài Vọng-cỏ được phổ-thông trong đại-chúng

Ở nước ta, có lẽ từ trước đến nay, trong âm-nhạc, đặc-biệt là ở miền Nam, chưa có một bài ca nào được phổ biến trong đại-chúng nhiều như bài Vọng-cỏ. Trên sân khấu, trong tiệc rượu, trong những đám hoan hôn, tang tế có Vọng-cỏ « ngự trị » đã đành mà ngay cả các em, các chị nằm vông ru em, các anh, các cậu cày cấy ngoài đồng cũng ngâm lên những câu than gió khóc mây, luyến tiếc thương vay những mối duyên bạ tình hờ, không đầu với những câu « mùi » tận mạng.

Bài Vọng cỏ có một ma lực hấp dẫn, ảnh-hưởng lan rộng như thế, nên ngay trong thời nước ta bị Pháp thống-trị, nó là một đầu đề cho các báo bản cái sôi nổi, hao giấy tốn mực nhiều lần.

Người yêu nó cũng nhiều mà người ghét nó cũng không phải ít. Lúc bỏ lúc chơi. Chơi rồi lại bỏ. Ghét nó, bỏ nó đã đành. Yêu nó mà bỏ nó là vì lý-trí, chớ

thật ra trong lòng vẫn còn băng-khuâng, bận-bịu với tình...

Nhưng rồi...

Mặc dù thời cuộc biến-chuyển, nước ta đã chuyển sang một thời-đại mới, thời-đại dân-tộc quật-khởi đấu tranh, dân ta đã biểu-dương một sức sống hùng mạnh, âm-nhạc, hội họa v.v... là một bộ môn trong văn-nghệ đã tiêu-biểu được một sức sống mãnh-liệt đó. Tuy vậy, bên cạnh đó, ta vẫn còn được nghe văng-vẳng từ thành thị đến hương thôn : « Nhìn bóng trắng khuya soi lặng lẽ giữa đêm trường... »

★

Tác-giả lời và nhạc của bài Vọng-cỏ.

Vào khoảng năm 1920, tại chùa làng Hòa-bình, tỉnh Bạc-liêu có một nhà sư, tại họ thật là gì, người ta không được biết mà chỉ biết pháp danh là Nguyệt-Chiếu. Vì ở xa lại nên người ta không rõ được tông-tích nhà sư

THỬ TÌM XUẤT XỨ BÀI VỌNG CỔ

Nhưng thấy nhà sư Nho học uyên-thâm với tư-tuởng ăn-dật, người ta đoán chừng là một « văn thân » chống Pháp trong thời Càn-vương, nay thất thời nên tạm lánh mình vào cửa Phật.

Tuy đã đi tu nhưng vẫn mang nặng tình non nước, lòng còn hoài bão chí khí lớn lao với một cuộc đời thay, nên nhà sư mới đem tâm sự của mình ký gởi trên một bài từ, đề là « Dạ cổ hoài lang » nghĩa là « Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng ». Đại ý của nó cũng tựa như tác-phẩm « Chính phụ ngâm » của bà Đoàn-Thị-Điềm.

Bài thơ này lại được vào tay ông Sáu-Lầu, một nhạc-sĩ có tiếng lúc bấy giờ. Lời thơ tuy tầm thường nhưng có lẽ lúc bấy giờ, giữa đôi bên thông-cảm được mỗi tình « thương nhà nhớ nước », nên ông Sáu-Lầu mới lấy bài thơ ấy phò ra nhạc.

Đó là bài Dạ cổ hoài lang, nhịp đơn, âm điệu mừng-tượng hai bài Hành vân và Xuân nữ, Bài ấy lời lẽ như thế này :

« Từ phu tướng,
Báu kiếm sắc phong lên đàng
Vào ra luống trông tin chàng,
Thêm đau gan vàng.
Trông tin chàng,
Gan vàng thêm đau !
Chàng dầu say ong bướm,
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.
Đêm ngóng trông tin bạn,
Ngày mới mòn như đá vọng phu.
Vọng phu, vọng luống trông tin chàng.
Năm canh mơ màng,
Chàng hơi, chàng có hay.
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.
Bao thuở đó đây sum vầy,
Duyên sắc cầm tình thương.

Nguyện cho chàng
Đặng chữ bình an.
Trở lại gia đàng,
Cho én nhận hiệp đôi ».

Nó chỉ có thể thôi.

Tuy vậy, nó cũng hàm-súc được mỗi tình thương nhà nhớ nước của một chí-sĩ đã ký gởi tâm sự mình trong một khách chinh-phụ, giữa một thời-đại mà nhà thống-trị Pháp không bao giờ cho người Việt-Nam mở miệng tha thiết nói : « Tôi yêu nước ! »

Nhưng tinh-thần kháng Pháp của phái Văn-thân tiêu tan, thì bài Dạ cổ hoài lang cũng lần lần thay đổi nội dung lẫn hình-thức và cả đến tên của nó nữa.



Quá trình biến-chuyển của thời-đại hay sự thay hình đổi dạng của bài Dạ cổ

Sau cuộc chiến-tranh thế-giới lần thứ nhất (1914-1918), nước Pháp phát-triển sự khai thác kinh-tế ở Đông-dương. Kinh-tế nông-nghiệp ở Việt-Nam bị kinh-tế thực-dân làm lung lay dữ dội. Nước Việt-Nam biến thành thôn quê của thành thị Pháp.

Hàng hóa Pháp tràn vào thôn quê làm phá sản những tiểu công-nghệ, thủ-công nghiệp ở thôn quê. Nông dân mang cảnh bần cùng, vô sản hóa. Chế-độ phong-kiến ở miền Nam lung lay tận cội rễ. Nhưng lung lay mà vẫn ở một chỗ, không tiến lên được theo sự tiến-triển tự nhiên của nó tức là con đường tư sản hóa.

Vì mỗi khi một địa chủ nào lìa bỏ đất đai để ra thành thị kinh doanh, thì bị thực-dân tìm cách hất trở lại đất đai.

Giai-cấp tư sản Việt-Nam ở miền Nam không thành hình được, mà chỉ có những phần tử tư sản thôi. Những phần tử đó không có cơ sở kinh-tế tư-sản (doanh nghiệp, thương-mại, kỹ-nghệ...) gì vững chắc, cho nên ta có thể bảo tư sản miền Nam tức là địa chủ và ngược lại, cũng là tư sản chưa thoát thân.

Vì những phần-tử tư sản địa-chủ Việt-Nam ở miền Nam không lối thoát, họ chỉ còn cách than thở, mơ mộng. Mơ mộng chế-độ phong-kiến tư sản được đứng trên địa vị rực rỡ như ngày nào.

Tuy không tích cực quật khởi được, nhưng những phần tử tư sản này dựa theo phong trào vùng dậy của nông dân trong từng thời-kỳ, nên xuất thân tranh-đấu với một đường hướng cải lương.

Chính-trị vốn có ảnh-hưởng trực-tiếp đến tư-tưởng của con người. Thế là trên hình-thức văn-nghệ — một sản-phẩm của tư-tưởng — những gánh hát cải-lương ra đời. Bài Dạ cổ nhịp đôi được đưa lên sân khấu với gánh hát thành lập đầu tiên ở miền Nam. Đó là gánh Thầy Năm Tú, tỉnh Mỹ-tho. Rồi lần lượt các gánh khác xuất hiện.

Xuất xứ ở Bạc-liêu, bài Dạ cổ qua những giai-đoạn biến đổi cũng ở Bạc-liêu. Từ nhịp đôi lên nhịp tư, nhịp tám xuất bản bằng những tập mỏng nhỏ bán 5 xu trong thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng với nhãn hiệu « *Vọng-cò Bạc-liêu* », rồi lần lần kéo dài thườn thượt như ngày nay ta đã thấy.

Từ « *Dạ cổ hoài-lang* » (Đêm khuya nghe trống nhớ chồng) đổi sang « *Vọng-cò hoài-lang* » (trông chuyện xưa nhớ chồng), có sự thay đổi ấy, vì nhiều nhạc-

sĩ cho rằng : suốt bài chánh của nó không diễn tả một tiếng trống nào ; hơn nữa, bao nhiêu bài Dạ cổ khác cũng đều nhắc chuyện xưa, như vậy sửa lại « *Vọng-cò* » cho hợp hơn.

Thay đổi như thế, nhưng thực ra cái tên không có gì quan-hệ ở chỗ nội-dung và hình-thức của nó.

Tư-sản địa-chủ lấy nó làm sản-phẩm của mình đưa lên sân khấu, cho vào đĩa hát bán chạy như tôm tươi. Thấy nhiều người ưa thích, bọn thực-dân Pháp thống-trị lợi-dụng, cho phát-triển nó để làm một lợi-khí tác-động tinh-thần.

✱

Từ nhịp đôi bài « *Từ phu-tướng...* » tả người đàn bà mong chồng « *hoài bảo mỗi tình mỗi tình non nước* », hình-thức đơn-giản, gọn-gàng, buồn man-mác, kêu gọi nhớ nhung, biểu lộ mối tình chung-thủy. Rồi từ bài Dạ cổ biến thành *Vọng-cò*, kéo dài lên nhịp tư, nhịp tám, nhịp mười sáu, ba mươi hai v.v... Càng kéo dài, càng lâm-ly, bi-sầu, não-nuột.

Từ chỗ hoài bảo mỗi tình non nước để nhắc nhở, dặn dò ai kia bao giờ cũng phải vẹn thủy toàn chung, bấy giờ lại trở nên tiết khéc suốt mướt của những kẻ bị tình phụ, những tiếng than tuyệt vọng như của những người hấp hối... Nào :

« *Con nhận đành kêu sương nơi biên Bắc...* »

« *Thức trót canh gà, thương con nhớ chồng, gan sầu ruột héo...* »

« *Tôi khóc đã lắm phen rồi. .* »

vân vân...

Chúng tôi phải nhắc lại dài dòng như vậy là để cho bạn đọc nhận thấy cái quá trình thay đổi của bài *Vọng cò*. Tuy nó

không biểu-dương được sức tranh đấu anh dũng của dân-tộc, nhưng dù sao cũng là một sản-phẩm văn-nghệ của dân-tộc, nó đánh dấu được một bước đường lịch-sử của dân-tộc — không phân biệt là giai cấp nào trong thời kỳ bị đô hộ.



Bài Vọng cồ sau tháng Tám năm 1945

Tháng Tám năm 1945, nhân-dân ta làm một cuộc cách mạng lật đổ một lần cả ba tầng áp bức thống-trị : đế-quốc Pháp, Nhật và phong-kiến bản xứ. Rồi để hoàn thành nhiệm vụ đó, nhân-dân ta hiên ngang trong khói lửa, bom đạn, quyết tâm kháng chiến, đánh đuổi thực-dân để bảo tồn đất nước, giải phóng dân-tộc. Bao nhiêu cái ủy mị, du dương, nô lệ đều bị xua đuổi, chạy trốn trước những điệu nhạc oai hùng. Những bài « *Lên đường* », « *Xếp bút nghiên* », « *Tiến lên đường máu* » v.v... được người người say sưa ca hát, phổ biến từ thành thị đến thôn quê.

Bài Vọng cồ hoài lang đã chết trong tinh-thần quật khởi của nhân-dân.

Tưởng rằng nó đã chết luôn.

Nhưng cuộc chiến tranh giữa Việt-Pháp kéo dài, ở thành thị, nhịp sống của đồng-bào với một chế-độ khác nên bài Vọng cồ tất nhiên được hồi sinh. Rồi, chiến tranh ấy lại đi sâu vào thôn quê có tính cách dằng co, trường kỳ nên hoàn cảnh nông thôn và nhịp sống xềnh xoàng của đồng-bào bắt đầu gọi lại đồng tro tàn dĩ vãng... trong âm tư của họ.

Không phải bị quan, chán nản trước cuộc kháng chiến mà đồng-bào lùi lại quá khứ để chịu sống một cuộc đời ồ ạt ; mà vì lẽ trước cuộc chống lại đạn lửa, giết

chóc thảm khốc gieo rắc của giặc, họ muốn làm êm dịu một phần nào ở cõi lòng. Họ cần tìm lại một cái gì ở dĩ vãng để tâm hồn được chút thơ thới, rảnh rang với mây trời, đất nước, trăng hoa...

Thế rồi, ở thôn quê, bao nhiêu người sửa lại cây kim, lau lại cây cò, xường đàn « măng-đô » chuyển sang đóng « guy-ta. » Đồng-bào thôn quê cũng đàn Vọng cồ.

Không nhận thức sâu sắc được tình cảm của con người, nên có người chủ-trương thay đổi nội-dung (lời và ý) hùng mạnh, tranh đấu cho bài Vọng cồ. Nhạc và lời, hình-thức phải bảo đảm nội-dung.

Nhưng hình-thức (nhạc) của bài Vọng cồ vốn du-dương, ủy mị, tính-chất của nó vốn bi sầu, như vậy nó chỉ nói lên được cái gì bi sầu. Cụ thể đã chứng minh việc đó.

Bao nhiêu bài Vọng cồ có một nội dung khá tiến bộ, tranh đấu lại không được người ưa thích, sử dụng bằng những bài ca tình tứ, lãng mạn... Vì như trên đã nói tính chất của nó vốn bi sầu, thì nó chỉ nói lên những cái gì đau khổ, bi sầu. Áp dụng nội dung tranh đấu, hùng dũng vào Vọng cồ thật trơ trẽn, khô khan, ngán lên thiếu cả « mùi vị ».



Một đầu-đề với hai tư-tưởng, hai lập-luận.

Vọng cồ ngày nay vẫn còn bành trướng.

Vọng cồ ngày nay vẫn còn ham thích, say sưa. Sáu câu « mùi » dưới ánh đèn đỏ, có nghệ-sĩ sân khấu đã hốt được bạc triệu.

Vọng cồ ngày nay vẫn còn « ngự trị » trên máy phát-thanh, trong tiệc rượu v.v... Tóm lại, nó vẫn còn mãnh lực hấp dẫn được đa số người.

Trước làn sóng ca nhạc đó, những kẻ ưu thời mẫn thế có nhiệt tâm phụng sự văn-nghệ đối với tiền đồ dân tộc, nên đưa ra hai ý kiến, hai lập trường đối lập nhau :

— Nên bỏ hay nên đề bài Vọng cồ ?

Thế là trên mặt báo chí cũng như trong những cuộc bàn phiếm bên chén rượu chung trà hồi tiền chiến, hai ý kiến được nêu lên một cách sôi nổi. Một cuộc trưng cầu ý kiến về đề mục trên được đề ra. Tổng kết những ý kiến bằng giấy mực ấy, chúng ta thấy :

Đứng trên lập trường giai cấp quá máy móc, một số người đã cho rằng : bản chất của Nông dân không ưa thích Vọng cồ. Đời sống lam lũ, tranh đấu của họ trước một hoàn-cảnh thực-tế làm cho họ không thích khóc gió, than mây, mơ mộng. Họ không cần biết « Ngân-bình sơn cốc có rừ, thu có tàn... » hay không ? Họ chỉ lo lắng vấn đề ăn, mặc, ở ăn. Đó là điều rất thiết-thực đối với họ.

Cũng như nông-dân, hạng thợ thuyền suốt ngày chỉ bù đầu trong công xưởng với cây búa, cây kềm, mình mẩy nhuốm đầy dầu, khi về lại chui rúc vào những căn nhà lá tồi tàn, ẩm thấp chẳng khác nào những ổ chuột... Như thế, họ đâu còn thì giờ nghĩ đến những câu tình tứ : « Lòng anh đây mang nặng một khối u tình... »

Vậy kiểm điểm lại, chỉ có một số người ở hàng thượng lưu ăn không ngồi rồi mới thích, hoặc các bạn nghệ-sĩ cũ còn vương mang tính chất lãng mạn của thời qua nên

còn bận-bịu với tình trăng gió, nước mây, mơ mộng...

Cùng quan-niệm trên, các bạn ấy lập luận thêm rằng : tuy chúng ta tận dụng những hình-thức văn-nghệ nhân-dân còn ưa thích, nhưng nhân-dân có nhiều giai cấp và nhiều tầng lớp, giai cấp cần-lao như nông-dân, thợ thuyền vốn chiếm đa số trong nhân-dân và họ không thích say sưa Vọng cồ. Bởi vậy, Vọng cồ không phải là cái « vốn » của nhân-dân. Đành rằng khoa-học tiến triển vẫn phải chú ý đến truyền thống, nhưng cũng mạnh bạo rút bỏ những cái cũ, thì trên lãnh vực văn-hóa, văn-nghệ tranh đấu cũng tùy theo những cái cũ lành mạnh, nhưng cũng không ngần ngại vứt bỏ những cái gì có tệ hại cho tư-tưởng tranh đấu.

Căn cứ vào quá trình phát triển của bài Vọng cồ, và tính chất ủy mị, bi sầu của nó, căn-cứ vào cảm quan của giai cấp nên hạng người có ý kiến trên đã mạnh bạo kết án, cho nó không phải là một sản-phẩm tinh-thần đáng quý của dân-tộc, không phải là một tác-phẩm văn-nghệ biểu-dương được sức sống tranh đấu anh dũng của dân-tộc. Vì thế hủy bỏ là đúng, là hợp với triều lưu tiến bộ.

Trái với lập luận trên, một số đông người cho rằng : Vọng cồ là một tác-phẩm văn-nghệ hiện nhân-dân còn say sưa mê thích vì nó hợp với cảm quan của nhân-dân, nó diễn tả được nỗi bi sầu, đau đớn của con người, biểu lộ được một cách đầy đủ tình-cảm của con người trong hoàn-cảnh đau khổ, thất vọng...

Đành rằng khóc lóc, rên rỉ là hèn nhát, nhưng đã là « một con người » thì làm sao im lìm, bất-động như gỗ đá trước

những trạng-thái biến đổi của xã-hội, trước những thói đời đen bạc, trước sự thay đổi, nham-hiềm của lòng người... mà không mượn lời ca ai oán, điệu nhạc nào-nuột kia hầu xoa dịu một phần nào vết thương lòng từ thiên-cổ!

Sao ta lại quá máy móc đến đại khờ cứ muốn mình hóa thành một thạch, không chịu nghe tiếng nói của quả tim, lại kiểm hãm tình-cảm, tự giam buộc mình mãi trong vòng hắc ám, khô khan của lý-trí, của hoàn toàn vật-chất ti-tiện, khả ố.

Sống là tình-cảm. Bản Vọng-cổ đã đánh dấu được một bước tiến dài trong âm-nhạc, xuất-phát trong nhân-dân, nó có đầy đủ khả-năng diễn tả cái sức sống dồi dào, mãnh-liệt của tình-cảm đó.

Căn cứ vào cái vốn tình-thần xuất-phát của dân-tộc, căn-cứ vào tình-cảm của con người cần phải được cởi mở, nên hạng người có luận-diệu trên cương-quyết bảo-vệ bài Vọng-cổ trên đài âm-nhạc.



Phân tách hai tư-tưởng đối-lập để thử tìm một kết-luận cho vấn-đề

Thật thế, hai luận-diệu trên không phải là mới mẻ. Nó đã được nêu ra trong thời tiền chiến. Và rồi, nó được đi đến một kết-luận cụ-thể, thực-tế nhưt: bài Vọng-cổ vẫn còn.

Vậy lập-luận thứ hai đã hoàn toàn thắng lợi một cách vinh-quang chẳng? Và bản Vọng-cổ vẫn còn ngự-trị mãi chẳng?

Như vậy, cái yếu-tố tình-thần để xây dựng một nền độc-lập, thống-nhất, dân-chủ cho đất nước bằng một nền văn-nghệ lành mạnh đã hoàn toàn thất bại đau đớn chẳng?

Kiểm diêm lại, nếu có chút ý thức khách quan, chúng ta phải thành thực nhận rằng: hai lập luận trên không phải là không có cái lý vững chắc của nó. Nhưng đáng tiếc, nó chưa được xây dựng với tính chất điều hòa và toàn diện của vấn đề.

Con người vốn có lý trí và tình cảm, hai mặt này luôn luôn xung đột, mâu thuẫn dữ dội trong nội tâm.

Quá thiên về lý trí, lập luận trên đã đặt cho con người có một tính cách quá cao, vô tình biến con người trở nên khô khan, máy móc. Trái lại, quá thiên về tình cảm, lập luận thứ hai đã đặt cho con người một tính cách rất tầm thường, vô tình biến con người thành một vô ý thức, luôn luôn bươn bả chạy theo tiếng lòng một cách nông nổi, thiếu hẳn bản năng tranh đấu.

Vậy ta thử tìm một kết luận cho vấn đề trên.

Ta không thể phủ nhận giá trị của bài Vọng cổ. Nó có tác dụng làm rung cảm người ca cũng như người nghe. Làm cho người say sưa, rung cảm được dù buồn bã, ủy mị hay hùng tráng, vui tươi đều làm tròn được sứ mạng của nó là đi đúng với bản chất của văn nghệ.

Con người có đau khổ, có sung sướng. Bên cạnh cái khổ đã có cái sướng; cũng như bên cạnh cái sướng đã có cái khổ. Vui cười hay khóc lóc vốn đi liền bên nhau. Vậy một bài văn, một bài thơ, một điệu nhạc, một bài ca v. v... kêu gọi được, truyền cảm được, diễn tả được nỗi vui buồn, tức giận, đau khổ là đi đúng với bản chất của loài người, là hòa hợp với luật tự nhiên.

Lịch sử tranh đấu của nhân loại có những thiên hùng tráng, cũng có những thiên bi ai. Hùng tráng, ta reo hò ; bi ai, sao ta lại ngán, không cho nhỏ lệ, than thở ?.. Ta đâu phải là sắt đá, cỏ cây !

Là một trong bộ môn văn-nghệ, bài Vọng có tính chất bi ai, ử-rũ tức nó đã làm tròn một phương diện của bản chất văn-nghệ, của trạng-thái tâm-lý loài người. Ở các nước được tiếng là tiền tiến, văn-minh hiện thời trên thế-giới đâu phải chỉ có những điệu nhạc hùng tráng mà không có điệu nhạc u buồn ? Nếu không sợ bị ai rầy, chúng tôi còn mong ước sao bản Vọng cổ được u buồn, bi ai, du dương mang mác, náo nuột... hơn nữa kia !

Nói như thế không phải là khôì hài hay chúng tôi bi-quan, quá thiên về tình cảm, mà bênh điệu nhạc như Vọng cổ ấy. chúng tôi cũng mong ước có những bài bản hùng tráng, hăng hái, phấn khởi, mạnh bạo, vui tươi... đã được tiếng hiện giờ càng phát triển hơn nữa với một tính chất đã sẵn có của nó.



Việt-Nam ta chỉ có đế-quốc và phong-kiến. chúng là kẻ thù của dân-tộc. Trên địa hạt tư-tưởng, văn-nghệ của dân-tộc phải tiến đánh hai kẻ thù chung đó. Vì thế, nhu cầu của mặt trận tranh-đấu đó đã đòi hỏi cấp thiết một nền văn-nghệ của nhân-dân. Nghĩa là song song với mặt trận quân-sự, chính-trị, mặt trận văn-hóa phải làm tròn sứ-mạng cao cả của nó.

Đành rằng, ngoài hạng nông dân và thợ thuyền là đối tượng căn bản, còn các lực lượng khác (các giai tầng trung gian) cũng là đối tượng của văn-nghệ. Bởi thế, xử-

dụng hình thức văn-nghệ phải là hình-thức của dân-tộc (có nhiều tầng lớp, giai cấp), bao gồm nhiều thứ mới cũ phức-tạp hợp với cảm quan của Nhân-dân.

Xét qua lịch trình tiến-hóa của bài Vọng-cổ, ta đã nhận thấy nó vốn xuất phát từ trong lòng của dân-tộc, trong tình-cảm bi-ai của dân-tộc, vậy sao ta lại hẹp hòi bảo nó không phải là « cái vốn » của Nhân-dân ? Đâu phải chỉ căn-cứ vào sở-thích của một hạng người rồi vô đoán với một lý-thuyết giai-cấp quá máy móc, mà cho đó là của riêng của một giai tầng nào trong xã-hội.

Những tác-phẩm thi ca cổ-diễn : Chinh-phụ ngâm, Cung oán, Truyện-Kiều... là những tác-phẩm có tính chất bi sầu, thế mà vẫn được truyền tụng trong dân gian, vậy tại sao ta không cho bài Vọng-cổ sống trong Nhân-dân ?

Sở dĩ có nhiều người muốn giết chết nó là vì tại ta không biết « nuôi dưỡng » lấy nó, để chiếm lấy lòng thích chuộng, mến yêu của tất cả mọi người. Nghĩa là các bạn nghệ-sĩ đã quá lạm-dụng Vọng-cổ, không biết áp-dụng, « xài » Vọng-cổ tùy hoàn cảnh : thời gian và không gian.

Giặc cướp của giết người, nước nhà tang tóc, giữa lúc con người đương đau khổ căm hờn... mà lại hát lên những lời hùng tráng, vui tươi thì thật là một hành-vi điên rồ. Trái lại, trước cảnh chiến-đấu cần có những bài bản đề nung sôi bầu nhiệt huyết, mà lại rền rĩ khóc lóc, thì đó là một thái độ gàn dở, nhu-nhược, muốn tự tử !...

Ở đâu cũng rền rĩ, nhai lại bằng những bài bản Vọng-cổ, đó là làm cho người chán ghét. Bài Vọng-cổ mất cả tác-dụng hay

quý của nó. Đề cho người căm thù bài Vọng-cồ, đó là nhạc-sĩ, ca-sĩ không biết dùng của báu, đó là vô-tình đánh giá quá thấp văn-ngệ, là hạ nhân phẩm của một văn-ngệ sĩ.

Sử dụng Vọng cồ với tính cách tự-do là trói buộc tinh-thần tiến thủ, hủy diệt tư tưởng tranh đấu làm cho con người nhu nhược, lụn bại, làm cho dân-tộc bị diệt vong.

Văn-ngệ không có tự-do tuyệt đối.

Hẳn ai cũng thừa nhận rằng : tự-do là một điều quý báu. Biết tranh đấu cho tự-do, bảo vệ tự-do, yêu chuộng tự-do là một điều đáng kính, nhưng trên đời không có « tự-do tuyệt đối » bao giờ. Một triết nhân danh tiếng ở Đức có nói :

« Tự-do là sự tự chủ con người của ta và làm chủ được thế-giới bên ngoài. Sự tự chủ và làm chủ đó căn cứ vào sự ta hiểu biết những qui luật cần thiết của thiên-nhiên. Cho nên tự-do cũng cần thiết phải là một sản-phẩm của lịch-sử tiến hóa ».

Văn-ngệ sĩ chuộng tự-do là người hiểu rõ luật tiến-hóa của xã-hội, của lịch-sử dân-tộc ; và hoạt-dộng trong phạm-vi hiểu biết những quy luật đó về phương-diện nghệ-

thuật, đề đầy bánh xe lịch-sử nhân-loại tiến tới.

Có một nhận thức rõ rệt để thực hiện con đường văn-ngệ phải đi, bài Vọng cồ sẽ là một sản-phẩm tinh-thần quý báu, một lợi khí bén trong công cuộc xây dựng tình cảm đứng đắn của con người. Và, có thể, nó mới được người mến chuộng, chẳng những nó được tồn tại mà còn được phát huy theo một chiều tiến bộ của hoàn cảnh xã-hội Việt-Nam.



Kết-luận

Ta đã nhận thấy Vọng cồ là một sản-phẩm tinh-thần của dân-tộc có tính chất du dương, bi sầu, rung cảm được lòng người. Nó là cái di sản tinh-thần quý báu của tiền nhân, ta cần tô điểm cho nó được tốt đẹp cao quý hơn lên để phù hợp với bản chất « Con người » của ta.

Là một trong bộ môn của văn-ngệ, nó cần có một sự lãnh đạo chặt chẽ của văn-ngệ sĩ, không thể sử dụng bằng một cách tự-do, bừa bãi.

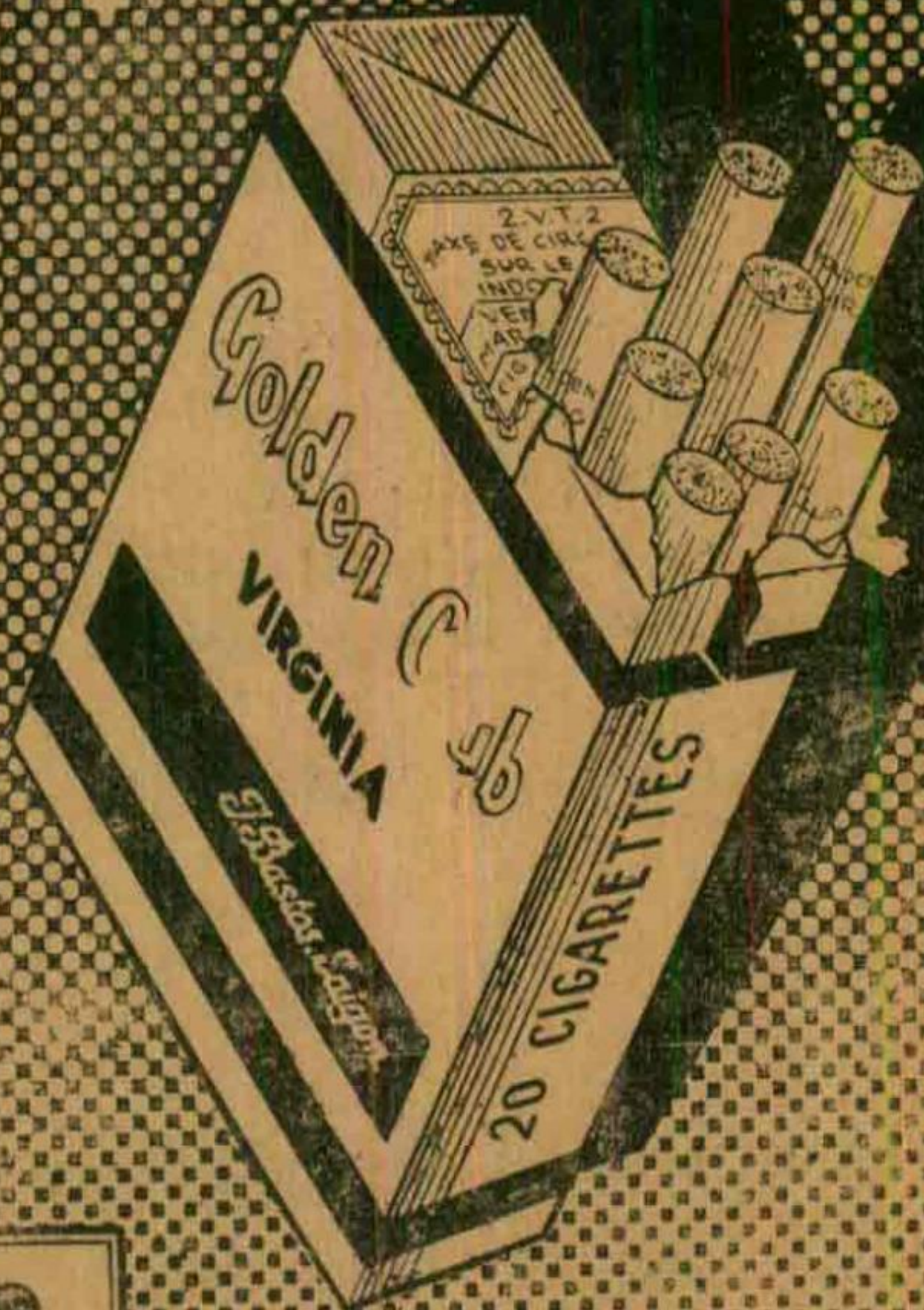
Như thế, bài Vọng cồ mới đứng vững được trên đài âm nhạc một cách vinh-quang.

NGUYỄN-TỬ-QUANG

Mặt lớn bằng đấu

Đời Hán, có Khương-Duy là một vị anh hùng gan dạ, chín lần đánh Ngụy. Khi Thục mất nước, Khương-Duy nhất định không hàng. Quân giặc bắt được Khương-Duy, mổ bụng, móc mật ra thấy mật to lớn khác thường, người đời sau nhân đây gọi Khương-Duy là vị anh hùng mặt lớn bằng đấu, (đảm đại như đầu.)

Golden Cl 15



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

SÁCH MỚI

- BÀI VIẾT VĂN THI TÚ TÀI
của Phạm - Thế - Ngũ

Tập I. — GIẢNG VĂN

Tập II. — NGHỊ LUẬN

- KHẢO LUẬN VỀ CUNG OÁN NGÂM KHÚC
của Thuần - Phong

NAM-SƠN PHÁT HÀNH

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

TRẢ LỜI CUỘC

PHÒNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XI.— THẨM-THỆ-HÀ

Tên thật là Tạ-Thành-Kinh, sinh ngày 9-3-1923 tại Trảng-bàng, tỉnh Tây-ninh. Ông vừa là thi-sĩ, văn-sĩ, vừa là giáo-sư văn-chương và đang dạy ở nhiều trường trung-học ở đô-thành: Tân-thanh, Chí-lãng, Nguyễn-Văn-Khuê v. v...

Trước 1945, ông đã cộng-tác với « Phò thông bán nguyệt san » ở Bắc, phần « Văn học », do Trúc-Khê chủ trương (1940 - 1943) và tuần báo « Thanh-niên » ở Nam (1943).

Ông từng chủ-trương nhà xuất bản Tân Việt-nam (1949), chủ-trương tạp-chí Việt-nam giáo-khoa (1952), chủ-bút nguyệt-san phụng-Sự (1953), giám-đốc nhà xuất-bản Lá dâu (1957), ông từng biên-tập cho các báo và tạp-chí: Việt-bút, Nhân-loại, Phò-thông v. v...

Những tác-phẩm của ông đã xuất bản:

Truyện dài: Người yêu nước (1949), Vó ngựa cầu Thu (1948), Gió hiên-thùy (1948), Đời tươi thắm (1957), Hoa trinh nữ (1958).

Khảo luận: Việt-nam trên đường Cách-mạng Tân-văn-hóa (1950).

Sách giáo khoa: Chánh-tả văn-phạm (1958).

Tôi quan-niệm một tiểu-thuyết hay phải hoàn-toàn về ba phương-diện: chân, thiện, mỹ.

Chân tức là phải nói lên được sự thật. Nhân-vật, bối-cảnh, sự-kiện đều phải được diễn-tả đúng với thật-tế.

Thiện tức là truyện phải gây được một tác-dụng lành-mạnh, phải có tánh-cách xây-dựng đầu lộ-liễu hay tiềm-tàng.

Mỹ tức là phải đạt được một nghệ-thuật cao-độ, nghĩa là nhà văn phải viết thật hay, diễn được một cách linh-động các trạng-thái phức-tạp của cuộc sống và sự diễn-tiến tâm lý tế-nhị của con người.

Lời văn phải phù-hợp với nội-dung và có năng-lực truyền-cảm mạnh-mẽ.

Gần đây, giới văn-ngệ quốc-tế trình bày nhiều khuynh-hướng văn-chương chống lại với thứ văn-chương nhân-bản cò-diều. Một số tiểu-thuyết-gia chủ-trương văn-chương khách-quan phi ngã. Một số khác chủ-trương văn-chương phi luân-lý, phi chánh-trị v. v... Những luồng sóng văn-ngệ ấy đã bắt đầu tràn sang Việt-Nam, và người ta đã thấy hơi hướng các thứ « phi » này ở Nhất-Linh, Mặc-Đỗ...

Văn-chương cần có nhiều khuynh-hướng cũng như vườn hoa cần có nhiều màu

sắc. Tuy nhiên, tôi nghĩ dầu phi gì thì phi, văn-chương không thể *phi tác-dụng* được. Mà đã nói đến tác-dụng, ta phải nghĩ đến hai thứ: tác-dụng lành-mạnh và tác-dụng bệnh-hoạn.

Có lần tôi đọc hai quyển truyện của hai nhà văn cùng diễn-tả cảnh lao tù của một nhà cách-mạng. Cả hai tác-giả đều đứng trên lập-trường khách-quan (một tương-đối và một tuyệt-đối), họ không khoác áo nhà đạo-dức, nhà truyền-giáo hay nhà chánh-trị. Thế mà khi tôi xem xong, một quyển đã làm cho tôi phẫn-khởi mãnh-liệt trong ý-thức đấu-tranh; một quyển đã làm cho tôi rùng-rợn hoang-mang, chán-ngán cảnh đời lao-lý. Hai tác-dụng đã biểu-hiện rõ-rệt qua hai tác-phẩm đó: một thứ lành-mạnh và một thứ bệnh-hoạn. Cả hai tác-phẩm đều được diễn-tả đúng thực-tế và với một nghệ-thuật cao, nghĩa là đã đạt được hai yếu-tố Chân và Mỹ. Riêng tác-phẩm (mà tác-giả đã đứng trên lập-trường khách-quan tương-đối) lại gây được một tác-dụng lành-mạnh và đạt thêm yếu-tố thứ ba nữa là Thiện. Tôi cho đó là một tác-phẩm hay, đúng với nghĩa của nó.

Theo đó, tôi thấy không nên đặt vấn-đề khách-quan tuyệt-đối trong văn-chương. Và không cần phải khoác áo nhà đạo-dức, nhà truyền-giáo, nhà chánh-trị mới có thể đạt được yếu-tố Thiện. Nhà văn chỉ cần có thiện-chí xây-dựng và trình-bày sự-kiện một cách khéo-léo để gây cho độc-giả những ấn-tượng; rồi từ sự-kiện, tư-tưởng đạo-dức, triết-lý, chánh-trị sẽ phát sinh trong tâm-hồn độc-giả. Có như thế, nhà văn mới làm tròn thiên-chức của mình, mới xứng-dáng là « *Kỹ-sư của tâm hồn* » và mới sáng-tạo được những tác-phẩm đặc

sắc có giá-trị vượt không-gian và thời-gian.

Đó là đại-cương quan-niệm của tôi về việc định giá-trị một văn-phẩm. Căn cứ trên những tiêu-chuẩn nghệ-thuật đó, tôi xin bày tỏ vài thiện kiến — theo sự hiểu biết của tôi — về truyện ngắn Việt-Nam và truyện ngắn quốc-tế.



I) Về truyện - ngắn Việt, tôi thích nhất truyện « Trời xanh như mắt em » của Trang-Thế-Hy, đăng ở tạp-chí Nhân-loại bộ mới số 12, năm 1959.

II) Thật ra, về truyện ngắn, nước ta có nhiều truyện đặc-sắc không kém gì những truyện đặc-sắc quốc-tế. Những nhà văn có tài viết truyện như Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Lý-Văn-Sâm, Bình-Nguyên-Lộc... và gần đây một ngòi bút rất mới: Trang-Thế-Hy... mỗi người đều có một bản sắc riêng. Thạch-Lam có lối nhân xét tế-nhị về nội tâm, muốn tạo giá-trị trường-cửu cho văn - phẩm mình bằng cách diễn - tả những chuyển-biến tình cảm mong-manh của con người muôn thuở. Nguyễn-Tuân với lối văn bóng bẩy, nhuộm đầy màu sắc dân-tộc, đã tự tạo cho mình một kỹ-thuật tân-kỳ và độc-đáo. Lý-Văn-Sâm với lối văn hào-hoa phong-nhã, Bình-Nguyên-Lộc với lối văn nhẹ - nhàng, thâm thúy và Trang - Thế - Hy với lối văn ý - nhị, hàm - súc, chan - hòa dân - tộc tính lẫn địa - phương - tính... đều xứng đáng ngồi ngang nhau trên chiếc - chiếu văn - nhân. Thật khó mà nhận định văn-phẩm của người nào đặc sắc hơn hết.

Tuy vậy, theo cảm-quan riêng, tôi thích (xin nhấn mạnh chữ *thích*) truyện « Trời

xanh như mắt em » của Trang-Thế-Hy hơn cả.

Ở truyện này, Trang-Thế-Hy đã đạt được ba đặc-diểm :

1) Phản ảnh đúng bối-cảnh thời-đại thuộc phạm-vi quốc-gia, đồng-thời làm người ta liên-tưởng đến bối-cảnh vĩ-đại của toàn-diện thế-giới thời hậu chiến. Nhân-vật điển-hình chỉ có tính-cách địa-phương (thành thị và thôn quê) nhưng thể-hiện được dân-tộc-tính của một dân-tộc vừa trải qua những biến-cổ lớn-lao.

2) Tuy chỉ là một truyện tình nhưng nó đã nói lên được tiếng nói của một dân-tộc căm thù xâm-lăng và yêu cảnh thái-hòa, như một người tình-nhân yêu một khung trời xanh và một đôi mắt xanh.

3) Nhận xét tâm-lý tinh-vi với một lối văn linh-dộng gợi cảm và hàm-súc.

Ngoài ba đặc-diểm riêng trên đây, truyện còn có một đặc-diểm chung : ai thích đọc truyện mà không cần nghĩ-ngợi hoặc ai thích đọc truyện để nghĩ-ngợi đều có thể thỏa mãn với lối viết truyện đặc-biệt của Trang Thế-Hy.



III) Về truyện ngắn quốc-tế, tôi thích nhất truyện « Chiếc lá cuối cùng » (The last leaf) của O. Henry (bút danh của William Sydney Porter, sinh ở Greensboro phía nam Carolina năm 1862). Truyện này ông viết lối năm 1902 khi ông biên-tập cho các tạp-chí ở New-York.

IV) Nếu về truyện dài, cảm-quan của dân ta có nhiều điểm khác-biệt với dân chúng ở các nước khác, thì về truyện ngắn, cảm-quan của ta lại tương-đồng với họ. Đọc những truyện dài của Tolstoi,

Dostoïevsky, John Steinbeck, Malraux..., độc-giả ta (trừ một thiểu số trí-thức có tây-học và hiểu nghệ-thuật) phần đông không thấy say-mê, thích-thú và nhận-thức được cái hay. Trái lại, đọc truyện ngắn của những văn-hào quốc-tế, ta lại thấy thích-thú và rung-động.

Tại sao có tự trái ngược ấy ?

Nhà văn Mỹ chú-trọng tả ngoại cảnh, truyện thường nhuộm màu triết-lý. Nhà văn Nga chú-trọng tả nội-tâm, truyện thường nhuộm màu chánh-trị. Nhà văn Anh có tài chụp ảnh thực-tế xã-hội, viết những truyện không cần cốt truyện, không đầu không đuôi, buông lửng như dòng đời. Dân ta, bị ảnh hưởng sâu xa bởi truyện Tàu, thích những truyện chứa - đựng động - tác dồn - dập, cho nên họ không thích - thú những nhận xét tế - nhị, phân - tách tỉ - mỉ, diễn-tả rườm-rà. Vì vậy mà những danh-tác quốc-tế dịch ra Việt-văn như quyền « Trên cao gió lộng » của Emily Brontë, quyền Cuốn theo chiều gió của Margaret Mitchell được tung ra trước sự hồ-hững gần như lạnh nhạt của dân ta. Cả đến những truyện dài sáng-tác với một kỹ-thuật mới như quyền Gió mát của Tường-Hùng (ảnh - hưởng nghệ - thuật của Mansfield), trường-giang tiểu - thuyết Xóm Cầu Mới của Nhất-Linh (hòa-hợp nghệ-thuật của Mansfield, Tolstoi và Dostoïevsky) cũng không được đại-chúng ưa thích.

Đó là nói về truyện dài. Ở truyện ngắn, các nhà văn quốc-tế vẫn giữ những bản-sắc riêng khi sáng-tác. Tuy-nhiên, vì phạm-vi eo hẹp của thể văn đó, họ không thể diễn-tả dài dòng nội-tâm và ngoại-cảnh, do đó mà không làm chán người đọc khác cảm-quan. Nhờ vậy mà các truyện ngắn

đặc-sắc của Mansfield, John Steinbeck, Hémingway, O. Henry vẫn hấp-dẫn được ta, gieo vào lòng ta những nguồn rung-cảm dạt-dào.

Trong số những truyện ngắn quốc-tế đặc-sắc, tôi thích nhất truyện « Chiếc lá cuối cùng » (1) của O. Henry, mặc dầu Henry không nổi tiếng bằng nhiều nhà văn khác như Mansfield, Hémingway chẳng hạn.

Truyện « Chiếc lá cuối cùng » đã làm nổi bật 3 đặc-diểm :

1) Tả đúng tâm-trạng của những người yêu nghệ-thuật, thiết-tha với đời sống và

(1) « The last leaf » đã được Võ-Hà-Lang, Trương-Quang-Vĩnh, Bảo-Sơn dịch cùng 9 truyện Mỹ khác và do nhà Phương-Giang xuất bản lần đầu (1957) lấy tên truyện của John Steinbeck « Nội cỏ của Thiên đường » mà đặt tên cho tuyển tập; lần tái bản (1959) tuyển tập lại mang tên « Chiếc lá cuối cùng » : 10 truyện hay thế giới... »

(Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)

✧ XII.—HỒ-NAM

Tên thật là Lê-Nguyên-Ngư. Sinh tại Bắc-ninh năm 1930. Làm thơ, viết truyện, phê-bình. Còn kí tên là Vương-Tân khi làm thơ; khi viết báo cho các báo hằng ngày, anh lại kí: Trần-Nam-Thanh, Viết-Tân.

Từng làm chủ bút một tạp-chí văn-nghệ xuất bản tại Hà-nội năm 1954, tuần báo « Quê hương ».

Đã từng cộng tác với nhật báo « Phương-Đông » (1953-54), các tạp-chí Đời mới, Người Việt, Sáng tạo, Tân Kỳ nguyên, Việt chính...

Hiện dạy học.

I. Biết thế nào là hay nhất và thích nhất. Nếu chỉ nói thích, thì tôi thích nhiều lắm, tôi thích những truyện ngắn của các tác-giả hiện đại như Thanh-Tâm-Tuyền, Vũ-Khắc-Khoan, Duy-Thanh (tôi nghĩ Duy-Thanh là một trong những tác-giả viết truyện ngắn có kỹ-thuật siêu đẳng, những truyện ngắn *Giấc ngủ*, *Cầu thang* (1) của

(1) *Giấc ngủ* đăng trong « Sáng tạo » số xuân mậu-tuất (1958), và *Cầu thang*, trong số 12, tháng 7-1958.

mang nặng trong lòng những hoài-bảo lớn lao.

2) Nhà văn không làm nhà luân-lý nhưng tự sự - kiện trong truyện đã là n hiên-hiện lên trong tâm-hồn người đọc những ý-niệm trừu-tượng về luân-lý. Chúng ta xúc-cảm vì những hành-động cao quý, thông-cảm với một tâm-hồn cao-thượng hy-sinh đời mình để tạo nên một tác-phẩm nghệ-thuật vô cùng ý nhị.

3) Văn O. Henry có một năng-lực quyến rũ và gợi cảm sâu sắc. Tình cảm bàng-bạc khắp truyện, vương-vấn lòng người đọc như một làn hương ngào-ngạt lúc ban đầu, rồi tỏa ra dậm-dà, rồi lan ra dịu-dàng, menh mang, thanh-thoát...

Truyện « Chiếc lá cuối cùng » là một đóa hoa có nhiều hương : một thứ hoa làm cho đời lên hương, như lời những nhà thơ thường bảo.

THÂM-THỆ-HÀ



văn-sĩ kiêm họa-sĩ này, theo ý tôi, là một trong những giai tác hiếm có trên văn đàn Việt-Nam, Vũ-Hạnh (tôi chỉ thích có mỗi một truyện *Miếng thịt oít* (2) của Vũ-Hạnh, và chỉ một chuyện này thôi).

II. Lý do khó nói quá. Mỗi tác-giả có

(2) *Miếng thịt oít* đăng trong « Bách-Khoa » số 33, 15-5-1958.

(Hai chú thích này của Nguyễn-Ngu-Í)

một không khí quyến rũ, mỗi ngòi bút có một sức truyền cảm riêng. Có lẽ tôi thích họ vì những tác-giả này hợp với cảm quan của tôi. Tại sao dân Việt thích ăn mắm tôm, dân Âu Mỹ thích ăn phó-mát, tôi ghét những chữ tại sao lắm.

III. Về vấn-đề truyện ngắn ngoại-quốc, thật quả tôi đọc rất ít. Tôi thích các truyện của Lỗ-Tấn (nhà văn Trung-hoa), nhất là truyện « *Lễ chúc phước* », Tchékov (nhà văn Nga) Katherine Mansfield (nhà văn

người Anh) O. Henry (nhà văn người Mỹ).

IV. Những nhà văn ấy mỗi người một vẻ. Lỗ-Tấn làm tôi thấy đời thật buồn, cuộc sống đáng suy nghĩ, lịch-sử phải làm lại. Tchékov khiến tôi thấy xã-hội ngấy và tởm quá, mặt trái của con người thật mỉa mai và chua chát. Katherine Mansfield ngược lại cho tôi những phút ý vị, thoáng vui thoáng buồn... Đại khái là như thế [...]

HỒ - NAM

KỶ SAU : Phan-Ngô và Nguyễn-Vỹ.



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 2 kì trước và ghi những vấn-đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của « Bách-Khoa » được biết những nét chánh trong các bài trả lời từ hai số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, đừng cuộc theo dõi hứng thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý-kiến, hầu bài khép lại cuộc phỏng-vấn đầu tiên về văn-ngệ của « Bách-Khoa » nhờ đó mà đầy đủ, vui tươi.

✱ Số 61.

A. — Ý-kiến

VI. — Tam-Ích thích nhất :

✱ *Ba sao giữa giờ* của Bình-Nguyên-Lộc : văn tự-nhiên, truyện đề-cai sự sống không nặng nề, lối-bịch, cho ta thấy sự chán-chường và ngờ vực...

Và sau đó :

— *Con thần-lần chọn nghiệp* của Hồ-Hữu-Tường.

— *Mười năm sau* (ý của Phạm-Ngọc-Thọ, văn của Nhất-Linh).

— *Thần Tháp Rùa* của Vũ-Khắc-Khoan.

— *Quán cháo lú* của Lê-Văn-Siêu.

✱ *Victoire* của William Faulkner (Hoa-kì).

VII. — Nguyễn - Đức - Quỳnh thích chung những truyện ngắn của Bình-Nguyên-Lộc viết từ 1954 trở lại (mà không nói vì sao), và không có ý-kiến về truyện ngắn ngoại-quốc (vì từ 1954, ít có dịp đọc).

B. — Vấn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra.

1. — Phải chăng « không ai coi thường truyện ngắn » ? Và viết truyện ngắn không phải dễ ? [Xin xem lại ý-kiến Bút-Xuân-Uyên (R. K. số 60) trái ngược hẳn ý-kiến của Tam-Ích].

2. — Truyện ngắn phải là một nghệ-phẩm trước đã. Và bất cứ văn, thi-phẩm nào cũng vậy.

3. — Đành rằng một sáng tác-phẩm có « lành mạnh » có « xây-dựng » có « hướng lên » thì càng quý, nhưng thế nào là lành mạnh, là xây-dựng, là hướng lên ?

4.— Khi trích một đoạn văn ngoại-quốc, chúng ta nên dịch ra tiếng Việt: để cho độc-giả chỉ biết tiếng nước nhà được biết, và cũng để cho độc-giả biết ngoại ngữ ấy hiểu mình đã hiểu đoạn văn ấy thế nào. Phải chăng đây chẳng những là một bổn phận đối với người đọc mà cũng là một bổn phận đối với chính mình?

5.— Có phải Bồ-Tùng-Linh — trong *Lưu-trai chí-dị* — đã « sống ngoài nhân sinh để phản-ứng lại đời sống? »

6.— « Trường-hợp Bình-Nguyên-Lộc » là trường-hợp gì, đề tác-giả « Thăng Cu-Sô » và « Ai có qua cầu » bảo rằng « một nhà văn quốc-tế, chuyên viết truyện ngắn, mà ở vào trường-hợp tác-giả « Nhốt gió » chưa chắc đã làm hơn »?

✱ Số 62.

A.— Ý-kiến

VIII.— Thanh-Lãng cho hay nhất:

✱ Những truyện ngắn trong « *Vang bóng một thời* » của Nguyễn-Tuân (mà chẳng chịu cho biết truyện ngắn nào)...

✱ *Le petit Prince* của Saint-Ex-cupéry: nghệ-thuật mới mẻ, cho thấy bộ mặt kỳ-cục của loài người thế-kỷ XX.

IX.— Cô Linh-Bảo cho rằng không thể đánh giá truyện ngắn như khi chấm bài luận học trò cùng một đầu đề, mà có thể bảo truyện ngắn nào hay nhất, vì mỗi truyện có một vẻ hay riêng. Cô thích nhất:

✱ *Ba con cáo* của Bình-Nguyên-Lộc: « nó chua chát, xót xa như mắt cô « nhìn đời ».

✱ *The door in the wall* của H. G. Wells (Anh): « không hiểu tại sao lại thích truyện này chỉ biết xem xong, hơi bàng khuâng có cảm-giác như mình đã từng thấy một cái vườn như thế, mà ở trong giấc mơ, chứ không phải thật. »

X.— Thế-Phong thích nhất:

✱ *Đợi chờ* của Khái-Hưng

— *Xóm giếng ngày xưa* của Tô-Hoài
— *Những chiều đông xẩm* của Nguyễn-Hồng

— *Bến cũ* của Văn-An

— *Đồng năm xưa* của Nguyễn-Thị-Vinh

— *Bàn tay* của Đình-Quang

— *Chức mư lá* của Nguyễn-Hoài-Văn

✱ *Conte d'un automne* của Maxime Gorki (Nga)

— *Grand-père Arkhip et Lenka* của Maxime Gorki

— *Dans la steppe* của Maxime Gorki.

— *Un Américain à Paris et à New-York* của John Steinbeck (Hoa-kì).

— *L'hôte* của Albert Camus (Pháp).

B.— Vấn đề, câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra.

1.— Các bạn có đồng ý với ông Thanh-Lãng mà cho rằng tất cả các truyện ngắn của ta — trừ « *Vang bóng một thời* » của Nguyễn-Tuân — đều « nhiều ít mô phỏng của Tây, ít phác họa được cá tính Việt-Nam »?

2.— Phải chăng ta không thể cho truyện (ngắn hay dài) nào hay nhất được vì, — theo cô Linh-Bảo — « mỗi nhà văn có một lối viết khác nhau, tả một đề tài khác nhau »? Mà chỉ có thể cho là hay hoặc dở mà thôi.

3.— Chọn một truyện hay nhất có giống với việc « chấm bài luận học sinh tả chung một đầu đề » để tìm bài hay nhất chẳng?

4.— Thế-Phong đưa ra quan-niệm văn nghệ: Tác phẩm hay phải « ghi lại hình tượng thời đại mà chúng ta sống và dựa vào đấy có phần hướng thượng ». Các bạn có đồng quan-niệm này chẳng?



KHÔNG ĐỂ

Tôi chỉ muốn tình chúng ta như tình hai kẻ ấy:

Suzanna, Moritz, rất chân thành !

Được mùi hương từ thuở khai sinh,

Còn thơm mãi cho đến ngày đầu bạc !

... Người đã bước trăm nẻo đời loạn lạc,

Thịt khô, tim bông, môi nhạt, mắt lòa,

Địa ngục trần gian mấy độ tái tê da,

Hơn cái chết, đã biết thế nào là sống khỏe.

Những hành xác làm con người thành vút bỏ,

Những khối thịt mềm, ánh sáng lương tri xa,

Những dường gân không rung cảm nữa với roi, điện, cùm, tra,

Hơn cái chết, biết thế nào là nhục hình kẻ sống !

37 trại (1) cùm giam, suốt nửa đời tan hi vọng ;

Trước mắt người, những hàng gai kẽm giăng giăng,

Những hình người chết ba phần, còn sống một, chỉ biết ăn,

Ngủ, và cúi xuống trong cái lò sát sinh vĩ đại,

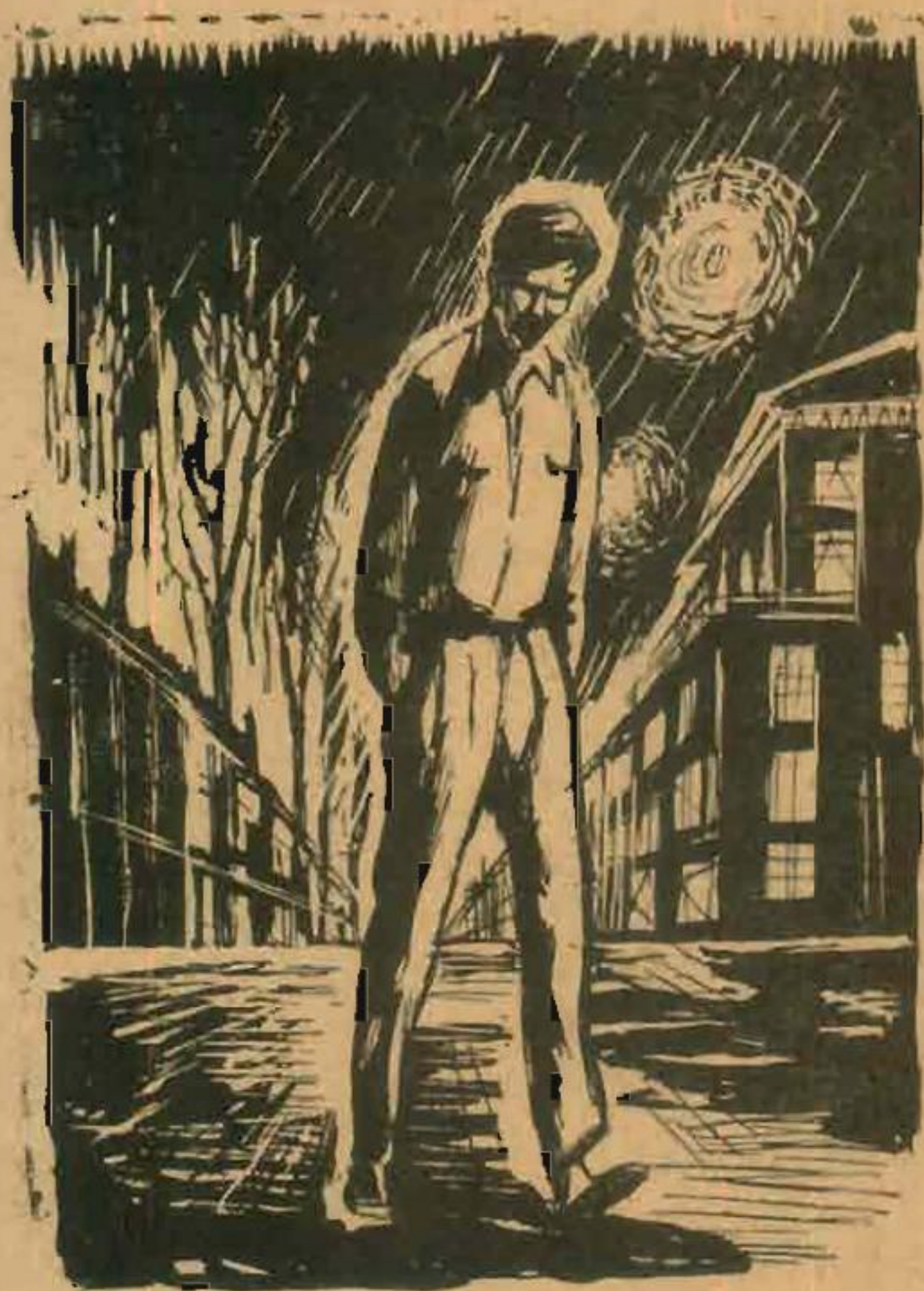
Là Chiến-tranh, là Hoang-tàn, là Khô-ải !

... Đến bao giờ Người mới biết thương nhau ?

Ói ? Đến bao giờ Người mới biết thương nhau ?

... Thì qua mấy độ chết thừa sống thiếu,

Thèm khát đến một chút khí trời huyền diệu...



ĐÊM ĐẠI LỘ

★ ——— TRẦN-ĐẠI

C ON đường kéo dài ra, hai hàng đèn mờ, tất cả đều đen tối như đầu phố xa tít kia. Quốc dừng lại. Que diêm xòe lên một ánh lửa rồi tắt phụt trong khoảng khắc. Anh thở một hơi dài. Làn khói trắng, mảnh lượn cong trong không gian yên lặng. Tiếng gót chân lại tiếp-tục đập trên vỉa hè, khô khan và sắc cạnh. Quốc không biết là mình sẽ đi đến đâu. Tất cả các đại lộ nào cũng như nhau. Bắt đầu bằng lối rẽ từ đại-lộ khác rồi tận cùng là một đầu đường sâu thẳm. Quốc cảm thấy sự vô nghĩa : Những ngã đường nào cũng từ khởi điểm rồi tận cùng. Bao nhiêu tối anh đã qua các ngã đường ấy, quen thuộc như anh đã qua từng chặng đời. Hai bên dãy phố, hàng vi-la ngủ im-lìm. Ánh đèn le lói từ cửa sổ của một căn gác khiến

Quốc liên tưởng tới Phan. Có lẽ bây giờ anh chàng đang cặm cụi học hay chăm bài cho học trò. Quốc tưởng tới cái bóng gầy gầy ngồi cong cong trên chiếc ghế, dưới ngọn đèn mờ. Anh thấy thương hại. Cuộc sống của Phan không có gì xáo trộn, không qua một lối rẽ. Anh cho rằng trong lối « hủy cuộc đời » bằng âm thầm của anh và Phan, anh thấy mình hợp lý hơn. Anh chán nản với nếp sống bình thường và phẳng lặng. Quốc nhận xét : cuộc đời cần phải biết phá. Buổi sáng, buổi chiều, buổi tối, với anh không quan hệ, đó chỉ là đánh dấu của thời-gian. Trừ khi bận việc, bất cứ lúc nào anh cũng có thể bỏ đi chơi. Một đôi lần, anh cũng cảm thấy vô nghĩa khi qua các đại lộ, nhưng anh cho thể còn thú hơn kiếp sống đều đặn và cần cỗi...

Quốc búng tay vào điều thuốc, tàn rơi là là, chạm vào tay anh, hơi nóng. Gió lạnh thổi tạt từ mạn sông lại. Quốc rung mình ; anh hơi tiếc lúc đi không mặc thêm chiếc áo nữa. Anh bỗng thấy mình lẫn thẩn : Từ khởi điểm là các đại lộ đèn sáng chùng và ẩm cúng, chỉ bấy giờ anh mới bắt đầu vào các dãy phố im lìm. Thốt nhiên, Quốc thờ dài. Ý tưởng chợt đến với anh cùng những nỗi buồn. Quốc vẫn thường gặp thế luôn. Bao giờ anh cũng cố quên dĩ vãng và tương lai. Anh chỉ nghĩ đến hiện tại. Tư tưởng « khởi điểm là đại lộ đầy ánh sáng... » dẫn anh tới các kỷ-niệm vụt qua đi.

Nhưng nét vô tư bao giờ cũng làm cho con người sung sướng. Thời thơ ấu anh đã sống đầy đủ. Đời chiều chuộng. Bố mẹ chiều chuộng...

Quốc hít một hơi thuốc thật dài. Lòng anh ấm hẳn lại. Anh phà khói qua khe môi ; anh cố quên ngã đời vào lối rẽ. Gia-dình sa sút. Bố mẹ gắt gỏng đánh mắng con vì một cớ không đâu. Những trận cãi nhau, Quốc khờ sở vì anh hay suy nghĩ nhiều quá. Mỗi lớn tính mỗi người một khác. Thói xấu hiện dần. Anh cả lăm lỳ ít nói ; anh hai ghen tỵ ; em gái anh đã lớn còn tranh nhau từng chiếc áo dài từng đôi guốc. Chỉ một quan-niệm khác nhau về cuộc đời, về nghệ-thuật... cũng đưa đến những dần vật, dầy vò và sau cùng là kẻ thói xấu của nhau. Cái tư-tưởng thoát-ly gia-dình anh nuôi nấng nó từ năm mười tám tuổi. Khi anh đỡ tú-tài toàn phần, anh thực-hiện tư-tưởng đó thực. Một lá thư để lại cho gia-dình và anh ra đi...

TUỔI ĐẠI

« Tôi lại mĩa mai rồi
Sao mà buồn thế ấy »

H. C.

*Những chiều đi nhô lệ
Những chiều mưa buồn không
Bước chân hờn thế - kỷ
Xác xao về trong lòng.*



*Thế - nhân hồn ô - trọc
Lệ nhô dòng thời - gian
Hơi thở đầy tội - lỗi
Niềm - nở mấy điệu đàn*



*Chân bước hoài đã mỏi
Mắt trông chừng đã buồn
Tôi quì trong bóng tối
Mong người ban lòng Thương*



*Người tha - thức giùm tôi :
Xin cúi đầu trả lại
Này hoàng - hôn sớm mai
Này hoàng - hôn tuổi đại*

59

ĐÌNH - CƯỜNG

Điều thuốc chỉ còn một khoảng ngắn. Quốc quăng nó vào bên vệ đường cùng với ý nghĩ chán-chường. Không hiểu cuộc đời anh sẽ ra sao nữa. Từng buổi sáng, buổi chiều, buổi tối, anh đã tiêu pha cùng số tiền kiếm được. Cuộc sống vẫn lênh-dênh. Quốc thường mỉm cười khi mọi người hỏi anh bao giờ lấy vợ. Người nào cũng thế, học, ra trường một hai năm, để dành tiền rồi cưới vợ. Quốc vẫn chưa chất bày tỏ với Phan. Anh không yêu ai nữa. Các bạn gái đều cho anh âm-thầm và lạnh-lùng, một đôi khi thiếu lịch-sự. Quốc không có ý-kiến phản-kháng.

Anh sợ hãi gia-đình. Phan vẫn cho anh là mâu - thuẫn: ghét lập gia-đình nhưng không sống nổi cô đơn. Quốc không chối cãi. Anh cho dù Phan nói thế nào thì anh cũng vẫn sống độc thân. Lập gia-đình rồi cũng thế thôi, chẳng có gì thay đổi, chỉ thêm thắc-mắc tâm-hồn. Quốc biết điều đó.

Hồi còn ở nhà, anh yêu Lan, cô gái ở đầu phố. Tối nào anh cũng đi dạo xe đạp để được nhìn, trong cái khung cửa đầy ánh sáng, thân hình mảnh dẻ cùng mái tóc xỏa xuống và mỗi lần Lan cúi xuống đọc sách. Dạo ấy anh khờ sở vô cùng. Vừa giấu giếm gia - đình, vừa yêu say đắm. Hôm nào không tới thăm Lan, anh nhớ đến thù người không học được gì cả. Một hành-động nhỏ của Lan đối với người khác cũng làm anh lo sợ và ghen tức vô lý.

Hồi anh mới vào trường sư-phạm và rời bỏ gia - đình, anh nhớ Lan, anh vẫn lén về thăm. Đối với anh, đó là một cực hình. Hình ảnh căn nhà anh sống bao

hiều năm lại đập vào mắt. Nhưng rồi việc đó cũng qua đi. Lan đi lấy chồng. Nỗi khổ sở về tin ấy cũng dịu dần. Bây giờ anh thấy nó như lẫn hẳn vào trong lòng ý nhị và thắm thía.

Yêu đương đối với anh không còn nghĩa gì cả. Anh cảm thấy chỉ còn một say mê độc nhất là lối sống tự-do, bừa bãi của anh. Phan khuyên anh bỏ hút thuốc, sau vô hiệu, cũng thôi. Quốc nhớ rất rõ mờ. Có lẽ anh tập hút thuốc vào một buổi liên hoan cuối năm ở trường. Hình như cũng trong hôm ấy anh gặp Phan. Với số tiền học bổng trong sáu tháng đầu tiên vừa nhận, anh nghĩ phải tìm một chỗ ở khác. Anh không thể ở mãi nhà Long, bạn anh được. Long chỉ còn mẹ. Mẹ Long rất tốt. Bà săn sóc Quốc như Long. Thỉnh thoảng bà khuyên Quốc nên trở về gia-đình. Anh khó chịu. Có lẽ mặc cảm về cuộc sống ám ảnh. Những lối sống thông thường về gia-đình làm anh bức dọc.

Hôm anh đi vào xóm nghèo tìm nhà, anh còn đương bối ngỡ thì Phan gọi. Phan vừa đi đâu về. Quốc chợt nhớ sáng nay Phan không dự buổi liên hoan. Phan tươi cười :

— Sáng nay bạn viết mấy cái thư về gia-đình — vừa gửi xong...

Quốc hơi khó chịu, lại một tình cảm gia-đình. Anh đáp hời hợt :

— Tôi đi kiếm nhà thuê đây. Cậu có biết chỉ giùm.

Phan lôi Quốc vào nhà anh. Căn nhà có thể kê một đi-văng nữa. Chiếc bàn bằng gỗ mộc bày gọn ghề sách vở.

— Hay cậu ở chung đây với tôi. Sống có một mình, buồn quá !

Quốc nhìn Phan, nét mặt Phan hơi dạn-dày. Phan muốn cười như lúc nãy, anh có vẻ nghiêm nghị. Quốc chợt bắt gặp điểm Phan giống anh. Phan cũng âm thầm, thêm vào lối sống cô đơn. Hơn nữa lúc anh đi tìm nhà, anh vẫn sợ không sống nổi một mình...

Quốc dơ tay lên xem đồng hồ, mười hai giờ đêm, có lẽ phải về. Giờ này chắc Phan đã ngủ. Phan đã quen tính của anh. Quốc thường khóa cửa trước khi ra đi. Dù Phan ở trong, cửa sò không có chấn song, chẳng có gì là trở ngại. Quốc vẫn áy náy. Phan cười để dài :

— Không sao, « Dốt » như thế thì sao ? Nhiều khi Quốc mũi lòng, Phan sẵn sàng đến anh nhiều quá. Phan là người tốt. Phan không trái ý anh bao giờ. Chỉ có lối sống của Phan làm anh bức mình. Phan chú ý đến gia-đình từng tí một. Số tiền lĩnh được, Phan gửi đều đặn về chi giữ lại một ít. Cả ngày tết Phan cũng không dám về thăm gia-đình vì sợ tốn tiền xe. Nhiều khi Quốc thấy mình vô lý, nhưng cái mặc-cảm theo anh mãi. Anh là kẻ thoát-ly những liên-lạc nơi anh sống từ thuở bé và là kẻ sống theo say mê. Thái-độ của Phan làm anh khờ sở.

Sự hối-hận đến với anh, sau quen dần, cũng nhạt đi. Phan vẫn thường khuyên can anh. Anh không nói, không đòi ý-kiến. Anh cho rằng những việc xảy ra thì cũng xảy ra rồi và cuộc đời anh còn bị đưa đi mãi mãi. Những lời khuyên, theo anh, chỉ làm người ta khờ sở ; ý nghĩ đã ăn sâu ; anh nuôi nấng nó từ năm mười tám tuổi ; đòi lại ư ? khó lắm. Anh thường yên lặng mỗi lần Phan nói. Phan nhắc anh đừng đề ý quá nhiều về

BƯỚC THỜI GIAN

*Hãy gieo cánh hồng
Trên bước thời gian
Semons de roses
Les pas du temps.*

Gérard de Nerval.

I. NẮNG TRƯA

*Hạnh phúc rất bao la
Nhịp đời xin bước chậm
Vườn cây ru nắng trưa
Long lanh vùng khói ẩm.
Tôi đi trên đường nắng
Thương những buổi trưa vàng
Nhưng bờ hoang xa vắng
Đôi tâm - hồn lang thang...
Kiếm tìm trên lối ngõ
Bàn chân yêu thương qua
Rừng rưng màu ngói đỏ
Trời xanh ôm mái nhà
Chòm hoa nghiêng với gió
Ngàn lá đang thời tươi
Rèm thưa buông cửa mở
Khung trời, làn mây trôi...
Tôi đồn trong tim nhỏ
Chim bướm của ngày xanh
Vườn trưa nghiêng nắng đỏ
Chim xa thương nhớ cành.
Bước đời tôi ghé lại
Trong cửa cấm nhà ai
Tình yêu không dám nói
Bâng khuâng nên thờ dài*

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

hành-động của gia-đình. Anh mỉm cười chua chát. Nếu anh sống được vô-tư và bình thường như Phan. Anh không thể quên dù cố quên. Có một lần không-khí tới căng-thăng. Phan mỉm cười lại.

— ... Nhưng cậu phải nghĩ tới lễ nghĩa chứ ? Ba má cậu nuôi cậu từ thuở nhỏ...

Quốc lao đao, dựa vào thành giường. Anh vừa bực tức vừa đau đớn. Mắt anh đỏ hoe như sắp khóc ; giọng anh thoát từ cổ như ứ nghẹn :

— Nhưng nếu họ cũng tội lỗi ?
Phan dịu giọng và thở dài :

— Tùy cậu vậy, tôi chỉ nhắc thế thôi.

Phan cũng như mẹ Long, đều tốt. Nhưng Quốc không muốn hai người đối xử như thế.

Ngày anh đi, biết tin, bố mẹ anh cũng chỉ nói :

— Nó lớn rồi, nó muốn ở đâu thì ở. Không một lời nhân tín gọi về. Có lẽ gia-đình như trút được gánh nặng. Quốc chưa xót ; ai cũng khuyên anh trở về. Nhưng trở về để làm gì chứ ? Đấy, gia-đình đối xử với anh như thế đấy.

Quốc rẽ ngoặt vào trong xóm ; lòng hơi nhẹ đi. Lần nào cũng vậy, đi chơi đêm về, anh cũng cảm thấy thanh thản. Anh vẫn tự nhủ ; chỉ có phố và đêm đem lại an-ủi cho anh. Dù sao anh cũng không

trách Phan. Phan được gia-đình săn-sóc tới luôn. Những cánh thư gửi tới liên-tục.

Nếu anh được như Phan, cừ-chỉ như Phan chẳng có gì là khó. Anh có thể làm được như thế và có khi hơn nữa. Bây giờ Phan khuyên anh nhưng nếu ở tình-cảm anh chắc Phan cũng đến hành-động như anh mà thôi. Phan làm sao hiểu nổi được anh.



Quốc dừng bước trước cổng; anh thò tay vào túi tìm chiếc chìa khóa. Ánh đèn hắt qua cửa. Đêm nay Phan lại cố thức để chăm bài của học trò rồi. Quốc đẩy cửa bước vào. Có lẽ quen lệ như mọi khi, Phan biết anh về những vẫn tiếp-tục làm việc. Quốc vắt quần áo lên mắc. Anh quay nhìn. Phan gục đầu trên hai cánh tay ngủ thiếp đi. Anh thấy thương hại Phan. Phan làm việc mệt quá. Anh tiến lại bàn toan đánh thức Phan vào giường ngủ. Anh hơi ngạc nhiên. Một bao thư để chữ « khăn » bỏ vương dưới ngọn đèn. Anh càng ngạc-nhiên hơn khi thấy má Phan còn hoen ngấn nước mắt. Một khuỷu tay Phan dè lên lá thư. Nửa trên bị che lấp, chỉ còn nửa dưới với những dòng chữ :

«... Trước ba đuổi anh đi chẳng qua vì quá nóng giận. Nay ba vừa mắt xong, chúng em bỏ vợ lắm. Anh nên bỏ chuyện cũ mà về, chắc đi sẽ hối hận... »

TRẦN-ĐẠI

★ Dùng « nhân » để trị người, dùng « nghĩa » để trị mình.
(Đồng-Trọng-Thư).

★ Ông Turenne rất nghiêm khắc với chính mình, bao nhiêu tai họa xảy ra cho ông, ông đều cho là do lầm lỗi của ông gây nên cả ; ông rất khoan dung đối với kẻ khác, bao nhiêu lầm lỗi của người, ông đều cho là do tai họa của người gây nên cả. (Weygand)

Chiều mưa mau

Gửi Lưu-Kiểm

Anh nhớ em chiều nay đâu phải vì trời mưa mau
Anh nhớ em chiều nay đâu phải vì chuyện cau trầu
Anh nhớ em chiều nay không vì sao tất cả
Anh nhớ em chiều nay không có trước có sau



Chiều nay mưa mau trên đường phố
Anh nhớ em chiều nay như người đi đầu đầu
Anh nhớ em chiều nay như những cô nàng sợ hư áo mới
Hối hả, rất nhiều,... như không có mai sau



Vì mai sau đâu phải là chiều nay
Có một người nhớ thương, nhớ thương lan tận đêm dài
Mai sau sợ có những chiều nắng ấm
Nắng ấm rồi biết đâu tình không phai ? !



Vì thế nên chiều nay anh vẫn thích mưa mau
Để còn mãi nhớ thương, còn mãi buổi ban đầu
Còn mãi những tình nguyên, tuổi làm bằng ăn-ái
Còn mãi những chiều... những chiều thương nhớ nhau.

ĐỒ-TẤN

NGƯỜI THỦY-THỦ HÒA-LAN

GUILLAUME APOLLINAIRE
TAM-THẬP NGŨ-LANG dịch



CHIẾC tàu hàng Hòa - Lan tên l'Alkmaar từ Mã-Lai về, chở đầy đồ gia vị của miền nhiệt đới và nhiều món quý giá khác.

Tàu đậu ở bến Southampton và các thủy thủ được phép lên bờ chơi.

Một trong số các thủy thủ ấy, anh Hendrikk Wersteeg, lên bờ mang theo trên vai một con khỉ, trên vai trái một con kết và ngang lưng một bao hàng vải Mã-Lai. Anh có ý định đem tất cả các thứ này ra phổ bán, vải và hai con thú.

Lúc này vào đầu mùa xuân nên tuy còn sớm mà trời đã sập tối. Hendrikk Wersteeg dẫn mạnh bước trên những đường phố bao phủ sương mù, đó đây vài cột đèn ném một ánh sáng vàng nhợt nhạt không đủ soi sáng. Anh thủy thủ vừa nghĩ đến lúc trở

về Hòa-Lan, trở về nhà, anh nghĩ đến bà mẹ đã ba năm nay anh không thấy mặt, nghĩ đến cô vợ chưa cưới đang chờ anh ở một làng nhỏ tên Monikendam. Anh ước lượng số tiền sẽ có nếu bán được vải và hai con thú ; mắt anh đảo tìm một gian hàng để có thể vào gặp bán hàng.

Đi đến đường Abooe Bar anh gặp một ông áo quần sang trọng sấn gần anh và hỏi có phải anh đang tìm người để bán con kết trên vai không. Ông bảo :

— Tôi đang tìm mua một con kết như thế này. Tôi cần có người nói bên tai tôi mà khỏi phải trả lời. Tôi thích sống cô độc ».

Cũng như phần đông những thủy - thủ Hòa-lan Hendrikk Wersteeg biết nói tiếng Anh. Anh ra giá, người lạ mặt ưng chịu.

— Được rồi, anh làm ơn đi theo tôi. Tôi ở cách đây hơi xa. Ở nhà tôi có một cái lồng, anh nhốt con kết trong đó giùm tôi. Còn hàng vài này khi đến nhà anh cũng nên bày ra cho tôi xem, biết đâu sẽ có một vài thứ tôi thích. »

Gặp mới Hendrikk Wersteeg mừng rơn, anh vội vã đi theo ông quý-phái. Dọc đường anh đem con khi ra khoe, nào giống khi này rất hiếm vì là giống chịu đựng phong thổ xứ Anh và nhất là giống khi này rất quăn quít chủ. Anh khoe thế vì anh hy-vọng ông lạ mặt sẽ giúp luôn anh con khi.

Nhưng ngay đó Hendrikk Wersteeg nín bặt. Anh thấy nói vô ích vì người lạ mặt không trả lời anh câu nào và có vẻ không thèm nghe anh nói.

Hai người lẳng lẳng đi cạnh nhau. Thình-thoảng trong sương mù chỉ có tiếng con khi nhò rùng rờ hải kêu lên một tiếng kêu nhỏ ai oán giống như tiếng khóc của một đứa trẻ sơ-sanh, và tiếng con kết đập cánh phành-phạch.

Đi suốt một giờ, thình lình người lạ mặt lên tiếng :

— Gần tới nhà tôi rồi. »

Hai người đã ra tới ngoài ô. Dọc theo đường là những vườn hoa chung quanh có rào sắt. Thình-thoảng xuyên qua những rặng cây thấy lóe lên một ánh đèn từ cửa sổ một căn nhà trơ trọi và xa xa, từng hồi nghe có tiếng còi ghê rợn của một chiếc tàu đi biển.

Người lạ mặt dừng bước trước một hàng rào sắt và móc túi lấy một chùm chìa khóa. Y mở cửa cho Hendrikk Wersteeg bước vào, xong y khóa lại ngay.

Anh thủy-thủ thấy rờn rợn, mút dăng đầu kia, về cuối thửa vườn anh thấy lơ mờ có một ngôi nhà cửa đóng kín mít không cho lọt ra ngoài một ánh sáng nào.

Người lạ mặt trầm lặng có thái-độ khó hiểu ; ngôi nhà hoang thật cũng hơi ghê rợn. Nhưng Hendrikk chợt nhớ là người lạ mặt chỉ ở có một mình. Anh nói thầm :

— Thật là một người kỳ quặc. »

Anh thấy thẹn vì đã lo âu vẩn vơ, một anh thủy-thủ như anh thì giàu có gì mà sợ người ta lừa vào chỗ vắng để giết tiền.



Người lạ mặt vừa dứt chìa khóa vào ổ để mở cửa ngôi nhà vừa bảo Hendrikk :

— Anh có hộp quẹt không ? Làm ơn rọi giùm tôi. »

Hendrikk làm theo lời. Khi hai người bước vào nhà người lạ mặt bùng ra một cây đèn. Ánh đèn soi rõ một gian phòng khách bày biện rất mỹ-thuật.

Hendrikk Wersteeg thấy yên tâm hẳn. Anh bắt đầu hi-vọng ông bạn đồng-hành kỳ-quái này sẽ mua giúp anh một số lớn hàng vải.

Người lạ mặt bước ra khỏi phòng khách, một lát sau y trở lại xách theo một cái lồng :

— Anh bắt con kết bỏ vô đây, chừng nó quen và biết nói những câu như ý tôi muốn tôi sẽ cho nó đậu trên một cái giá ».

Trong lồng con kết hoảng sợ bay tứ tung. Khép cửa lồng xong người lạ mặt bảo anh thủy-thủ cầm đèn bước qua gian phòng kế cận. Y nói :

— Bên đó có một cái bàn rộng cho anh tha hồ bày hàng vải của anh.

Hendrikk Wersteeg làm theo và bước qua gian phòng đã chỉ. Vừa bước vào phòng anh nghe tiếng cánh cửa đóng lại một cái rầm và tiếng chìa khóa khua đánh tách. Anh đã bị nhốt.

Kinh ngạc, anh đề dèn trên bàn và toan chạy đến đập tung cửa. Nhưng anh dừng lại ngay vì phía trên đầu anh có tiếng quát :

— Chú bước tới một bước, chú chết liền ! »

Nhìn lên Hendrikk gặp ở một khuôn cửa tò vò trên đầu tường một họng súng lục đang chĩa về phía anh... Anh dừng đứng lại, kinh hoàng đến cực độ.

Không thể chống cự rồi, gặp lúc này con dao của anh không giúp anh được gì cả, dẫu có súng cũng khoanh tay. Người lạ mặt đang chĩa súng về phía anh lại đứng nấp sau một bức tường cạnh cửa tò vò. Y quan sát từng cử động của anh thủy-thủ và chỉ đề lộ ra có cánh tay cầm súng.

— Chú hãy nghe kỹ lời tôi và chú nhớ tuân theo. Chú sẽ buộc lòng giúp tôi một việc này và chú sẽ được thưởng xứng đáng. Chú không được từ chối. Chú phải tuân lệnh tôi, không do dự gì cả, nếu không tôi sẽ hạ chú như hạ một con chó. Chú mở ngăn kéo ở bàn ra... Trong ngăn kéo có một khẩu lục liên nập năm viên đạn. Chú cầm lấy cây súng đó...

Anh thủy-thủ Hòa-lan làm theo như một cái máy. Trên vai anh con khi run lập cập và kêu lên những tiếng kinh-hoàng. Người lạ mặt nói tiếp :

— Đằng cuối phòng có một tấm màn. Kéo tấm màn đó ra.

Tấm màn kéo lên. Hendrikk thấy một gian buồng nhỏ, trong gian buồng nhỏ có một cái giường ; trên giường có một người đàn bà tay chân bị trói chặt và miệng bị trám giẻ. Đang nhìn anh với một cái nhìn đầy tuyệt-vọng.

— Mở trói cho người đàn bà này và móc giẻ trong miệng ra.

Được mở trói người đàn bà, còn trẻ và đẹp lộng lẫy, quì hướng về cửa tò vò và kêu lên.

— Harry, em không ngờ ! Anh gạt em vào nhà này để giết em. Em tin theo lời anh, tưởng anh muốn nhà này để chúng ta sống với nhau những phút đầu sau khi đã giận nhau. Em tưởng anh đã hết giận, đã tha thứ em. Em tưởng anh đã tin em vô tội ! Harry ơi ! mình ơi ! em tội tình gì !..

Người lạ mặt nói cộc lốc :

— Tôi không tin cô.

Thiếu phụ lặp lại bằng một giọng nghẹn ngào :

— Mình ơi ! em tội tình gì ? !

— Có phải là những lời cuối cùng của cô đó không ? Tôi sẽ ghi nhớ mãi mãi. Và sẽ có người lặp lại suốt đời cho tôi nghe.

Giọng người lạ mặt hơi run, nhưng một phút sau trở lại rắn rỏi như trước :

— Vì tôi vẫn còn yêu cô, nếu bớt yêu thì chính tay tôi tôi sẽ hạ sát cô. Nhưng tôi không đang tay, vì tôi yêu cô...

Này anh lính thủy, bây giờ tôi đếm đến mười, nếu tôi đếm xong mà anh chưa bắn vào đầu người đàn bà kia một phát đạn thì anh, anh sẽ ngã gục trước. Anh nghe kỹ chưa ? Này, một... hai... ba...

BÓNG, HƯƠNG : XƯA

Tìm em, anh về đây nhìn lại
Nhà ai xưa : lớp Mẫu-giáo còn mang.
(Nhà thì trống, người thì không, mà
tường thì nặng
Bao cô hoa chim cá thú hiền hiền)

Ai trả lại giùm tôi cô giáo nhỏ
Mà phấn son chưa đầy dọa mặt nghiêng
 nghiêng...

Tìm em, anh về đây thăm lại
Đình nhô kia : đài Nam-bộ (1) nấu thần
hình.

(Ai xui gặp, và nào ai toan tính.
Chuyện trẻ con, bàn hiểu với lòng son)

Ai trả lại giùm tôi cô gái Quảng
Mà tóc ngay thơ thần lưng thon thon...

Tìm em, anh về đây, nhìn xuống
Dòng sông nao có hai kẻ kè nhau.
(Người trách nặng người ghen ngào,
 tìm rướm máu,
Lòng sông nay còn lưu lại một tình điên?)
Ai trả lại giùm tôi cô y-tả
Mà ngón tay chẳng nhọn, nắm, êm êm...

Chín năm trời, hai cuộc đời chung
nước lửa
Sáu năm trời, cách biệt tình thương
thương...

Nay trở lại, tìm ai - không - còn - nữa,
Lòng hồi lòng : ai mất một làn hương ?

Giữa 2 sông Trà và 1 sông Vệ,
hè 1958

NGUYỄN-NGU.Í

(1) Đồng-bào gọi tên một đài phát-thanh
thời kháng-chiến (1946)

Người lạ mặt chưa kịp đếm đến bốn. Hendrikk như một người điên chìa súng bắn vào người đàn bà, còn quì gối, đang nhìn anh trần trối. Thiếu-phụ ngã gục, mặt úp xuống đất. Viên đạn trúng ngay giữa trán. Liền đó từ cửa tò vò một phát súng nổ, đạn trúng màng tang anh thủy-thủ. Anh gục xuống bàn còn con khi thì hoảng-hốt kêu lên the the và chui vào áo anh dề trốn.

Rạng ngày mai những người đi ngang ngôi nhà ở ngoại-ô Southampton nghe có những tiếng kêu kỳ lạ từ trong nhà đưa ra vội đi báo cảnh-sát. Cảnh-sát liền đến nơi và đập tung cánh cửa.

Vào trong nhà họ gặp thi thề của thiếu-phụ và của anh thủy-thủ.

Con khi thấy có người cuống cuống
nhảy ra chụp đúng đầu một người lính
cảnh-sát. Bọn cảnh-sát cũng hoảng hốt đến
cực điểm, họ chạy lùi mấy bước và bắn
chết xong con khi họ mới dám tiến tới
nữa.

Họ lập biên bản. Nội vụ rõ như ban ngày : anh thủy-thủ đã bắn chết thiếu phụ rồi tự tử sau. Tuy nhiên manh mối của bí kịch vẫn còn trong vòng bí mật. Lý lịch của hai kẻ xấu số cũng không khó tìm gì mấy. Người ta lấy làm lạ tại sao bà hầu tước Finngal, vợ của một người quý phái nước Anh, lại ở một mình trong ngôi nhà hẻo lánh này với một anh thủy-thủ vừa cập bến Southampton.

Chủ ngôi nhà không đưa ra được một chi tiết nào khả dĩ giúp nhà cầm quyền tìm ra manh mối cả. Tám ngày trước khi xảy

ra tấn bị kịch có một người xưng tên là Collins ở Manchester đến mượn nhà này, tên Collins đến nay vẫn mất dạng. Tên này có đeo kiếng và có một bộ râu cằm màu hung hung rất dài, nhưng râu này chắc cũng là râu giả.

Được tin dữ vị hầu tước hòa tước từ Londres xuống Southampton. Ông rất yêu vợ, nên nỗi đau đớn của ông ai thấy cũng mũi lòng. Cũng như tất cả mọi người ông

cũng không hiểu gì đầu giây mối nhợ của tấn kịch cả.

Từ khi xảy ra chuyện này ông sống cô độc, biệt lập, không giao thiệp với ai. Ông ở trong một ngôi nhà ở Kensington với không ai khác hơn là một tên đầy tớ và một con kết ngày ngày kêu không ngớt miệng :

— Harry ơi ! mình ơi, em tội tình gì !

TAM-THẬP NGŨ-LANG dịch

GIAI PHẨM VĂN-NGHỆ

TÂN-PHONG

BẢN NGUYỆT-SAN



Số ra mắt phát hành ngày 20-8-1959

do BẢO-SƠN chủ-trương

với sự cộng-tác của các văn-ngệ-sĩ danh tiếng

NGUYỄN-THỊ-VINH

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

NHẬT-TIẾN

LINH-BẢO

BÀNG-BÁ-LÂN

PHƯƠNG-KHANH

TƯỜNG-HÙNG

THẠCH-ẤN

ĐÌNH-HOÀNG-OANH

DUY-LAM

TRÚC-LÂM

VŨ-HUY-CHẤN

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

CUNG-TRÂM-TƯỜNG

TÔ-HOÀNG

TÒA-SOẠN ĐẶT TẠI

217 Lê-văn-Duyệt nổi dài

Ngã tư Bảy Hiên



CHIỀU

PLEIKU

Rồi những hoàng-hôn mưa nhòa thành phố
Nặng bước em về ngõ cũ mờ cỏi
Bóng núi chénh-vênh thông ngả ven đồi
Mây vẫn tìm nhau theo ngàn viễn-xe
Tình cũ ngày xưa sao mà tư-lự
Trong mắt em buồn phố lạnh đèn soi
Mình biết thương ai mưa mãi mưa hoài
Đường đi về đêm thơ sầu tâm tối
Đường đi về đêm ngõ buồn lầy lội
Em có nghe chiều lát-phát mưa bay
Có nghe đau thương nhỏ xuống tim này
Thế-Kỷ vòng quay kinh-cầu nửa kiếp
Trần-thế làm sao u-hoài oan-nghiệp
Để ý thơ buồn thương nhớ chiều nay
Mắt biếc em đâu, mưa núi giăng đầy
Bóng lẻ nhà ai đèn lu mờ thấp
Mình vẫn tìm nhau sao mà không gặp
Mưa mãi xóa nhòa thành phố mờ-cỏi
Thành phố mờ-cỏi ngày cũ đâu rồi
Đường đi về đêm thơ sầu tâm tối
Đường đi về đêm ngõ buồn lầy lội
Em có nghe chiều lát-phát mưa bay ?

Pleiku 1959
KIM - TUẤN

GỬ ANH

Không ở được nữa rồi, anh đã thấy
Và vội vàng anh đã bỏ anh đi
Anh đã ngộ chúng tôi lần cuối
Anh hiểu rằng chưa gặp gỡ một khi.



Trời đất lạnh anh nhìn quanh bốn phía
Chỉ một người đi một nẻo ngu ngơ
Anh đã thấy những mũi tên đời chĩa
Vào giữa người, giữa ngực quả tim thơ.



Anh cho hết máu trong dòng chảy
Để giờ đây anh ngộ nước đầy vơi
Bờ đâu bến ? đâu hoa tình thấm giấy
Đã ngưng màu xuân mới mộng đâu nơi ?



Anh lặng lẽ vòng tay khoanh trên ngực
Anh chỉ nhìn chìm lặng cõi xa xôi
Anh không nói một lời trong một phút
Mười mấy năm anh nói đã nhiều rồi.



Là thôi hết ? Nghĩa là thôi đã hết
Vỡ tan là mộng sống giữa trùng khơi
Cùng thế-kỷ một ngày anh đã chết
Để ngàn năm anh sống vẹn với đời.

BÙI - GIẢNG

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XX

(Tết Nguyên-Đán, hai em Mộc-Lan và Mạc-Sầu được nghỉ về nhà ăn Tết).

Trong những ngày tết Nguyên - Đán, xưa nay, vẫn có cái tục-lệ đi mừng tuổi. Mộc-Lan bắt-đắc-dĩ phải sang bên Tằng-phủ, để chúc tết ; cô rất dỗi gương-thẹn nên không dám ở chơi lâu. Sau khi chúc thọ Tằng - tồ - mẫu và ông bà Tằng-văn-Phác, cô xin phép về ngay. Sau đó, Tằng-thái - thái và Man - Ni cùng Quế - Cô sang đáp lễ bên Diêu - gia thì ngồi lại chuyện-văn rất lâu. Cả hai anh em Khâm-A, Tân-A cũng phải theo sang để chúc tết, bởi vậy Mộc - Lan đi trốn, nhất định lánh mặt, không chịu gặp mặt người vi-hôn-phu của cô. Vì vậy, cô bị cả nhà chế giễu.

Xong mấy ngày nghỉ tết, hai chị em Mộc-Lan lại lên Thiên - Tân tựu-trường. Trong lòng Mộc - Lan nặng trĩu một mối u-hoài. Bà mẹ hai cô thì không ngớt miệng than-van rằng hai cô đi khỏi, nhà-cửa nó vắng-vẽ quá, và chỉ còn A-Phi lủi-thủi chơi với Hồng-Ngọc thôi, ngoài ra không còn có ai nữa. Tuy-nhiên, thân-phụ hai cô không ưng cho hai cô đòi trường ; ông kiên-trì bắt hai cô cứ theo học ở trường cũ,

vì ở đó, hai cô được Phó-thái-thái trông-nom, săn-sóc, một cách rất chu-đáo, nên ông được an-tâm hơn. Vì thế, hai cô theo học được tới mùa hạ năm 1908 thì, chẳng may, Mạc-Sầu bị-bệnh nên phải trở về nhà để điều-trị ; cô chị cũng đành phải về với em, để cho em có bạn, trong khi em hưu-dưỡng. Cũng trong thời-kỳ này, bên Tằng-gia mới lại đem hôn - sự của Tân - A và Mộc - Lan, ra bàn - định. Mộc - Lan đành phải thôi học để sắp-sửa việc về nhà chồng.

Ngay cả cái thời - kỳ tòng - học, mỗi kỳ nghỉ lễ, nghỉ hè, hai cô cũng về thăm nhà, nhưng, mỗi lần ly - khai gia - đình, hai cô đều cảm-thấy một cách thắm-thía, ý-nghĩa của sự ly - biệt, dầu rằng sự ly - biệt chỉ nhất thời.

Cậu Lập - Phu chưa hề ngỏ lòng mình với Mộc-Lan, hoặc Mạc-Sầu, để cầu-ái, vì, về hồi đó, thanh-niên nam-nữ, bị bó-buộc rất nghiêm-ngặt trong vòng lễ - giáo, chứ không được thả lỏng như ngày nay.

Từ trước tới nay, hai cô cũng không hề viết thư-từ gì cho cậu Lập-Phu cả. Ngay

cả với cậu Tân - A cũng vậy, Mộc - Lan chẳng viết cho cậu một bức thư nào bao giờ ; mà cô, cô cũng chưa hề nhận được một chữ nào của cậu.

Và lại, cái phong-khí cầu-thân, luyện-ái giữa các thanh-niên, chưa bắt đầu thôi vào đất Hoa-Hạ. Mộc-Lan, cũng như các cô con-gái của các lương-gia tử-đệ, vẫn còn ở y - nguyên trong cái nền - nấp cũ, nó là : « Cha mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy ». Bởi vậy, không bao giờ cô hồ-nghĩ rằng, cái người chung-thân của cô lại không phải là cậu Tân-A. Cô bình-tĩnh mà nhận lấy cái số-mệnh của cô.

Nhưng, trong những ngày đầu xuân đâm-ấm này, bỗng - nhiên Mộc - Lan thấy trong lòng rào-rạt, cô khát-vọng được thấy mặt Lập-Phu đề cùng cậu, nói chuyện hay đề được nghe cái thanh-âm của cậu. Trong những lúc, đứng trước giàn hoa, hay, một mình lặng ngắm bóng trăng, hoặc, những khi, trước rèm đọc sách, hay, lúc chiều tà, cô đi tản-bộ trong vườn hoa của học-hiệu, cái hình-ảnh của Lập-Phu vẫn luôn-luôn phảng-phất trong phương-tâm-cô. Nhiều lần, Tố-Đan và Mạc-Sầu, bất chợt thấy cô ngồi một mình trên một phiến đá, ở dưới vòm cây, trong tay cầm một cuốn sách, nhưng cặp mắt dăm-dăm hướng về cái cõi xa-xăm nào đó, ở trong không-gian. Ngay với cô em của cô, cô cũng không thể nào đem ngỏ hết nỗi lòng của cô. Đối với Tố-Đan, cô càng giữ kẽ hơn. Tất cả cái trung-khúc đó cô đành giấu kín nó vào trong tâm-khảm.

Còn Tố-Đan, cái cô gái không bị gia-đình quản-thức đó, rất đối là tự-do, tự-tại. Có nhiều lúc, Tố-Đan đem những khúc « tương-tư » ra hát, cái thứ khúc-hát mà con nhà tử-tế không bao giờ dám hát tới.

Các khúc đó, tuy rất thâm-khích, nhưng nó bao hàm đầy những tình-diệu lắng-lơ, có chỗ đến là số-sàng. Cả Mạc-Sầu lẫn Mộc-Lan, đều cực-lực bài-xích những điệu hát xuân-tình của Tố-Đan và mỗi lần Tố-Đan hát lên, cũng đều bị hai người công-kích và lấy tay bịt miệng cô bạn lại, nhất-định không cho cô hát tiếp.

Thời-kỳ ấy là cái thời-kỳ mà Mộc-Lan ưa đọc những bài thi trữ-tình của triều Tống. Vì cô còn ít tuổi, nên cô không thường-thức được những bài thơ quá cao của Tô-Đông-Pha. Cô chỉ ưa những nhà thơ như : Tân - Giá - Hiên, cùng là Lý-Thanh-Chiếu, một nữ-thi-gia cũng ở đời Tống.

Cô yêu nhất bài « Từ », nhan-đề là : « Thanh thanh mạn », mở đầu, là bảy chữ điệp-vận, rất hiếm, ít khi có được. Mười bốn tiếng bắt đầu nó thánh-thót rơi vào tâm-tư cô không khác gì những hạt mưa rớt xuống những chiếc lá ngô-đồng, vậy.

Thanh thanh mạn.

« Tầm-tầm mịch-mịch,
« Lánh-lánh, thanh-thanh,
« Thê-thê, thăm-thăm, thích-thích !
« Sạ noãn, hoàn hàn thời-hậu,
« Tối nan tương tức !
« Tam bôi, lưỡng trận đạm tửu,
« Châm địch, tha vãn lai phong cấp ?
« Nhận quá, đã chính thương tâm,
« Khước thị cựu-thời tương-thức !

✱

« Mãn địa, hoàng-hoa đôi-lích,
« Tiều-tụy tồn như kim hữu thù
kham trích ?

« Thủ trước song-nhi độc-lự,
« Châm sinh đắc hắc !
« Ngô-đồng cánh kiếm tế-vũ,
« Đáo hoàng-hôn, diêm-diêm trích-trích,
« Giá thứ đệ, châm nhất cá sâu tự
liều đắc ? »

Cái từ-khúc trên đây xin tạm dịch xuôi như sau : « Thánh-thót »

- « *Tìm tìm, kiếm kiếm,*
- « *Giá lạnh ngấm-ngấm,*
- « *Thê-thê, thăm-thăm,*
- « *Nỗi buồn vùi-vùi !*
- « *Ấm lạnh đầy vơi, ngăn sao cho nỗi*
trăm nỗi nhớ-nhung,
- « *Mấy bồi rượi nhạt, chống sao cho*
lại gió chiều thổi gấp ?
- « *Đàn nhận bay qua ; đôi-đoạn, lòng*
lại như lòng : nhận này, là nhận
năm xưa !



- « *Đầy vườn hoa rụng,*
- « *Ai người giơ tay lượm lấy những*
cánh hoa tàn ?
- « *Một mình đứng trước song hồ,*
- « *Lặng ngấm vòm trời mù-mịt,*
- « *Những giọt mưa bay, rơi trên khóm*
lá ngô-đồng, vẫn còn thánh-thót
cho tới khi ngã bóng hoàng-hôn.
- « *Cảnh ấy, lòng này, liệu có đem mà*
gói được cả vào trong một chữ
« buồn », chẳng tá ?



Mùa hạ năm ấy, trong khi nghỉ hè ở nhà, hai chị em Mộc-Lan nhận thấy cảnh gia-dình cũng khá yên-vui ấm-cúng. Chỉ phải mỗi một điều, là Dịch-Nhân, luôn luôn, cứ mãi thật khuya, mới về nhà ; và, mỗi lần như thế, là thân-mẫu cậu cũng cứ chong đèn ngồi chờ cậu ; cậu về, bà mới chịu đi nghỉ. Theo lời cậu nói, thì cậu bị bạn-bè mời ăn cơm tối, hoặc, cậu

đi xem hát. Nếu có thể tin vào lời cậu được, thì sao mà cậu làm bạn hào-phóng thế, họ mời cậu không ngớt ! Đấy cũng là một cái ấn-tượng mà cậu đã tạo thành, để nói dối thân-mẫu cậu.

Mỗi bận đi chơi tối, lần nào cũng quá nửa đêm hay một, hai giờ sáng, cậu mới về. Bà mẹ cậu, vẫn một mình, với một ngọn đèn, ngồi chờ con. Thấy cậu về, bà mới lật-đật mang đèn sang phòng cậu, vì, từ khi xảy ra việc Ngân-Bình, bà không muốn để mặc cậu với các chị a-hoàn. Cậu thấy vậy, cậu rất lấy làm phiền-não.

Đến sang bên phòng cậu, bà phải cầm đèn, đi qua một cái sân và một dãy hành-lang tới om-om như cái hũ-nút. Bà nhất-định phải trông thấy mặt cậu con, thực bình-an vô-sự, bà mới yên-tâm mà đi ngủ. Một phần nữa, bà cố-ý làm như vậy, để cho cậu con động-tâm trước sự thành-khản ngược đời đó, mà đừng có đi chơi đêm, về khuya, như thế nữa. Cậu thấy khổ-tâm vô-cùng. Có lần, cậu cũng có kêu nài xin thân-mẫu cậu, đừng chờ cậu. Cậu nói : « Con xin mẹ, mẹ đừng chờ con như thế làm gì... đêm hôm, tối-tăm, đi qua sâu-sương, nhớ mẹ ngã một cái, thì làm thế nào ? »

Nhưng, đời nào bà nghe theo cậu. Đâu, cậu cũng có đem việc này ra để phân-nân với Ngân-Bình, nên chị lại càng bày ra đủ các cách, để cố giữ cậu ở lại với chị, cho thực khuya, mới chịu buông tha cho cậu về. Chị có cái ác-ý báo-thù bà chủ cũ của chị, vì bà đã làm nhục chị, trước đây.

Có hôm, Dịch-Nhân về nhà sớm, cậu thấy Mạc-Sầu cũng thức để ngồi hầu mẹ.

Còn Mộc-Lan, vì mắt cô yếu, nên không bao giờ cô thức khuya, nhưng sáng ra, cô dậy sớm cùng một lượt với Mạc-Sầu, trong khi thân-mẫu các cô còn ngủ.

Diêu-Thái-Thái cứ yên trí rằng, cậu con bà mê-mải cờ-bạc và bà hết sức giấu-giếm cho cậu, không cho ông chồng bà rõ. Về thái-độ của Diêu tiên-tinh thì thực là khó hiểu. Có lẽ ông chán ghét cậu, mà bỏ mặc cậu, muốn ngang thì ngang, dọc thì dọc ; Có lẽ ông hồi tưởng lại cái hồi niên-thiếu của ông, ông cũng phóng-đáng, chơi bời ; hoặc, cũng có lẽ là ông « thính thiên, do mệnh », đối phúc cùng trời ; lại cũng có thể, ông cho tất cả thanh-niên lúc này như vậy cả. Mới lại, cậu cũng đã lớn rồi, cậu đã thôi học, ra tập làm, tập ăn, tập buôn, tập bán, thì, cậu phải có bạn-bè, cậu phải giao-dịch và thù-tạc. Nhưng, cái việc mà bà vợ ông rõ, ông không rõ, là, tới nay, cậu đã lấy ở cửa hiệu tới mấy vạn đồng bạc.

Sau khi hạp sò, qua tiết thanh-minh, Địch-Nhân lại « nã » ở Phùng-cửu-cửu hai vạn đồng ; cậu bảo để trả một món nợ cờ bạc. Nhân, ít lâu nay, cậu hay bỏ cửa hiệu đi rất lâu, cứ dần-dần, càng ngày, càng lâu hơn, ông lấy thế làm lo ngại, nên ông nhất định không chịu trao cho cậu một số tiền to nào nữa, thứ nhất cậu lại yêu-cầu ông đừng cho thân-phụ cậu biết. Ông đặt một điều-kiện, có thể giấu ông thân cậu, nhưng trước hết, phải nói với thân-mẫu cậu, nếu thân-mẫu cậu ưng, thì ông sẽ cho. Lẽ dĩ-nhiên là bà mẹ cậu ưng-thuận và cố nài với ông em, tìm cách giấu-giếm, không để cho ông thân cậu rõ. Thế là cậu lấy trời được số

tiền cậu cần, mà Phùng-Cửu-Cửu cũng yên-tâm, một phần, vì ông đã theo sự ưng-thuận của Diêu-Thái-Thái ; một phần nữa, Địch-Nhân là con trưởng, cả cái cơ-nghiệp này, sau đây, cũng sẽ vào tay cậu đảm-dương, cậu tiêu bây giờ thì đừng tiêu sau. Từ đó việc lấy tiền tiêu của cậu thành một cái lão-lệ, mỗi lần, cậu mỗi lấy nhiều hơn, có khi lố vài ba ngàn chứ không phải dăm ba trăm, như trước nữa.

Sở dĩ, Địch-Nhân cố nã lấy tới ngàn ấy tiền là vì Ngân-Bình cần một món to để sắm bộ cánh mới, cho nên, hiện nay, chị ăn-bận như một vị thái-thái, vợ một phú-gia vậy. Quần-áo, vành-cánh, tư-trang, cái gì cũng vào hạng thượng-hào và đúng «mốt». Nay, Hoa-Tần-Tử đã dọn vào cái buồng ở phía đông, mà Ngân-Bình đã ở, khi mới đến thuê ; còn Ngân-Bình thì chiếm-cứ cả gian lớn bên ngoài.

Địch-Nhân rất đối rộng-rãi, đối với mẹ chủ nhà. Nay, mẹ đã trở nên một người chị kết-nghĩa của Ngân-Bình. Những số tiền mà Địch-Nhân lấy ở cửa hiệu, đã đem sự phong-lưu, sung-túc đến nơi đây. Người chồng mẹ chủ thấy dễ thở, liền bàn ngay với mẹ, để ở nhà, thôi không đi bán cái hàng hoa-quả, kẹo-mứt, nữa ; nhưng, mẹ không nghe, vì mẹ bảo, dầu chẳng lời lãi là bao, nhưng nó là cái căn-bản. Người chồng nghe ra, nên lại sáng đi, tối về, như xưa. Đã lâu, mẹ cũng đành-chỉ hân việc tiếp các khách làng chơi, đến đề « đi mây, về gió », mà chuyên-trị để hết công-lao và thì-giờ để hiển-mị Địch-Nhân. Bởi vậy, cậu lại càng quý mẹ, cho rằng, mẹ là một người đa-tài, đa-nghệ.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được : Sáng biên, Trang sách (Diệp-Dạ-Tử). Trơ trẽn, Yên lành (Hoàng - Xuân - Nguyễn). Song hành (Chu-Minh-Thụy). Tiền em, Anh sẽ cho... (Mặc-Phương-Định). Bầy tổ (Lê-Lương-Nguyễn). Văn buồn (Phan - Hiền - Đức). Mưa đêm (Trần-Đại). Thu về hôm nay, Em từ đâu tới đây, Trông tìm (My-Thanh). Đầu mùa (Khương - Từ-Khang). Mơ thanh bình, Tôi yêu, Nhớ quê hương (Ngân-Linh-Giang). Niềm thu (Thanh - Việt - Thanh). Tình yêu (Thủy - Thủy). Dĩ thực vi thiên hay Dĩ thực vi tiên (L.T.).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài không đăng : Gió mới (X. T.). Yêu thương (Bà H.S.). Tiểu thuyết gia với các nhân vật của mình (L.V.P.). Đôi mắt (M.H.). Nên để người trẻ trung hay kẻ có tuổi... (B.T.). Đêm mộng (P.H.Đ.). Người trong mộng, Một bài thơ không gửi, Hời Hoa đăng (H.V.). Nắng hát vào mắt em (H.V.). Ánh đèn sau lưng (H.H.). Phiêu diêu (L. L.). Tình nồng trí, Học Thi, Tôi đã làm gì cho ai (T.K.). Canh thâu (K.T.K.). Ta là gió (H.C.). Nhớ sương (L.L.). Tôi chỉ đi một chiều, Tôi đi vào cuộc đời (P.T.L.). Phú Hoa, Hồn về (N. M. H.). Mỗi tình con con, Yêu muốn đời (N.K.).

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Sẽ đăng : Duyên trang (Thanh-An). Màu hoa ly biệt (Chi-Hoài-Vân). Lặng lẽ (Trần-Đại).

Các bạn : Trần-Đại, Bành-Khanh, Minh-Minh, Phan-Hiền-Đức.

Bách-Khoa sẽ lần lượt điểm thơ các bạn trong các số tới.



Cùng các bạn gửi thơ đăng Bách-Khoa. Chúng tôi rất cảm ơn sự sốt sắng của các bạn, đã gửi sáng tác về cho Bách-Khoa. Chúng tôi sẽ lựa đăng dần, riêng những bài không được hay toàn thể chúng tôi sẽ lần lượt trích điểm trên Bách - Khoa các số tới.

Ô. Diệp-Dạ-Tử: (Sài-gòn) Đã nhận được thư và hai truyện ngắn của ông. Chúng tôi rất đồng ý với ông về những nhận xét trong phần đầu của lá thư chúng tôi cũng rất cảm ơn ông về những ý-kiến xây-dựng Bách-Khoa và sẽ xin nghiên-cứu.

Ô. N. C. (Kiến-hòa): Rất cảm ơn ông đã chỉ-dẫn cho những khuyết-diểm của Bách-Khoa. Sẽ xin cố-gắng sửa đổi. Chúng tôi sẽ chuyển những lời nhận xét của ông cho tác-giả bài đó. Quảng-cáo phải in như vậy mới lưu-ý độc-giả được. Mong ông hiểu cho.

Ô. Nguyễn-Văn-Hiền: (Đường Gia-long—Qui-nhon) Xin trả lời ông rõ: Mua từ 12 số trở lên sẽ được hưởng giá dài hạn 90\$. Ông có thể gửi bằng tem cũng được.

Anh Châu-Hải-Kỳ: Đã nhận được thư và cả hai bài anh gửi. Xin trân-trọng cảm ơn anh. Sẽ có thư riêng.

Bạn Trần-Đại: Đã nhận được thư và « Mưa đêm ». Rất cảm ơn. Nhuận-bút, chúng tôi có thể gửi bưu-phiếu đến địa-chỉ trong thư được không ?

Ô. Song-Linh : Sẽ xin có thư riêng.

Ô. Nguyễn-Văn-Hầu: Đã nhận được thư và bài của ông. Xin trân-trọng cảm ơn. Sẽ có thư riêng.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa nhận được :

— « *Giai-phẩm Tin yêu* » của Ủy-ban Văn-hóa Đà-nẵng Ấn-hành và Ty thông-tin Đà-nẵng gửi biếu. « *Giai-phẩm Tin yêu* » gồm 64 trang giá bán 8\$00.

— « *Thế-giới sử* » lớp đệ Nhất, soạn theo chương-trình 1958 của ông và bà Tăng-Xuân-An, do nhà « *Sống-mới* » xuất-bản, và các tác-giả gửi tặng. Sách dày 216 trang giá 45\$00.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-bản, nhà phát hành và xin ân cần giới-thiệu cùng các bạn đọc.

BÁO MỚI

— Bách-Khoa được tin tuần-san « *Tuổi-xanh* » do ông Trần-Quang-Khai làm chủ-nhiệm, sẽ phát hành số đầu ngày 15-8-1959. Tuần-san « *Tuổi-xanh* » là tờ báo của thiếu-nhi do một nhóm các bạn nhà văn và nhà giáo phụ-trách. Báo-quản đặt tại 381 Phan-Thanh-Giản Saigon.

Bách-Khoa xin chúc « *Tuổi-xanh* » thu lượm được kết-quả tốt đẹp, đem

lại nhiều bổ-ích cho Thiếu-Nhi Việt-Nam và xin hân-hoan giới-thiệu cùng các bậc phụ-huynh, các độc-giả thân-mến.



— Bách-Khoa nhận được nhật-báo « *Công-dân* » do ông Lê-Trọng-Quát làm chủ-nhiệm, tòa-soạn đặt tại 19B Đường Đào-Duy-Từ — Huế.

Xin trân-trọng cảm ơn ông chủ-nhiệm và chúc nhật-báo « *Công-dân* » mạnh tiến trên đường ngôn-luận, và xin ân-cần giới-thiệu cùng độc-giả.



— Chúng tôi được tin « *Bán-nguyệt san Tân-Phong* » do bạn Trương-Bảo-Sơn chủ-trương với sự cộng-tác của nhiều văn, thi-sĩ tên tuổi.

« *Tân-Phong* » sẽ xuất-bản các ngày 1 và 15 mỗi tháng, số đầu sẽ phát hành ngày 20-8-59.

Bách-Khoa xin cầu chúc bạn đồng-nghiep đem lại ngọn gió mới cho độc-giả và xin ân-cần giới-thiệu cùng bạn đọc.

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 62 ngày 15-8-1959,

— Văn đề viên trợ các nước chậm tiến ..., của Hoàng-Minh-Tuynh, trang 8, cột 2: Đoạn thể kê giàu khắp các nơi trong thế giới được sống sung-túc là đoàn thể trái chủ... xin đọc là :... đoàn thể trái gia ..

— Kiểm-ai của Mạc-Địch và Bắc-ai của Kì-tô-giáo, Phan-Khoang và Hoàng-Minh-Tuynh dịch, trang 33, cuối cột 2: Phạm-Hoàng và Hoàng-Minh-Tuynh dịch, xin đọc là Phan-Khoang và Hoàng-Minh-Tuynh dịch.

Bài « *Bạch-Thải-Bưởi* » của Tân-Fong-Hiệp, trang 48, cột 2, chú-thích (2):

« Cuối thế-kỷ XIX », xin sửa: « đầu thế-kỷ XX. »

« trang 49, cột 2, dòng 18, 19: « mở mang cho phong-trào tày chay... », xin sửa: « mở màn cho... »



Trong tờ Mục-lục từ số 1 đến số 24, có chỗ sai và sót sau đây; xin độc-giả vui lòng sửa và thêm:

— trang 2, mục « *Giáo-dục* », bài *Ích lợi của Tôn-giáo dục đối với sự phát-triển của trẻ em* của Thiên-Giang, thay vì ở số 10, xin sửa: số 11.

— trang 10, mục « *Thơ* », thiếu 2 bài:

— *Bạch-Tuyết-Cà* của Sầm-Sầm, Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung dịch. Số 23, trang 61;

— *Nhớ ông Già bến Ngự* của Nguyễn-Hữu-Ngư, số 20, trang 10.



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrimoteurs Boeing 707 "Intercontinental".

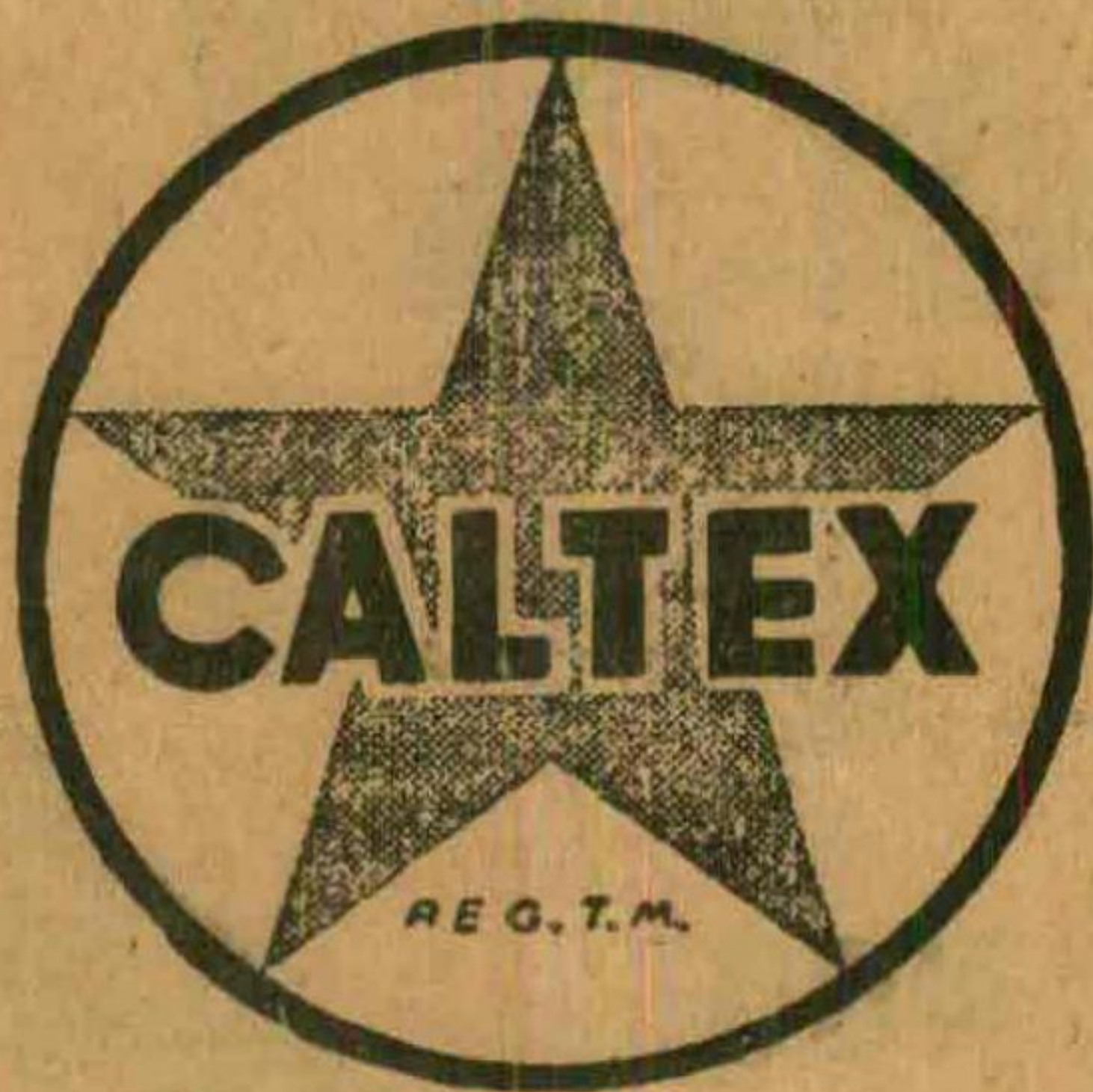
AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20 981 & 84

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Nhà Sách KHAI-TRÍ
42, Đường Lố-Lố, SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНКНОА ВАСНКНОА ВАСНКНОА

百
科
雜
誌

百科雜誌

Nhà Sách KHAI-TRÍ
42, Đại-lộ-Lê-Lợi, SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Bình-Phùng — Sài-gòn
Điện thoại : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
 GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Dạo - SAIGON